

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
C. A C S.**

**“KHU NHÀ XƯỞNG, KHO BÃI CHO THUÊ VỚI
TỔNG DIỆN TÍCH 158.748,8 M² TẠI PHƯỜNG TÂN
BÌNH, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG”**

Địa chỉ thực hiện: 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước,
phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.



Ký bởi: CÔNG TY
TNHH LIÊN ANH.
Thời gian ký:
30-10-2024
09:18:20

BÌNH DƯƠNG, THÁNG 10/2024.

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**“KHU NHÀ XƯỞNG, KHO BÃI CHO THUÊ VỚI
TỔNG DIỆN TÍCH 158.748,8 M² TẠI PHƯỜNG TÂN
 BÌNH, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG”**

Địa chỉ thực hiện: 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước,
phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH



GIÁM ĐỐC
Lê Đình Bửu Triển

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



Nguyễn Trình Cao Sơn

BÌNH DƯƠNG, THÁNG 10/2024.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	5
Chương I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH	6
2. Tên cơ sở:.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	9
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	9
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	10
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cấp điện, nước.....	12
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:	14
Chương II	16
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
2.1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	16
2.2.Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	18
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	19
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	19
1.2.Thu gom, thoát nước thải	22
1.2.1. Nguồn phát sinh và lưu lượng nước thải phát sinh	22
1.2.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải	24
1.3. Xử lý nước thải.....	25
1.3.1. Công trình xử lý nước thải.....	25
1.3.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.....	44
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	44
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	44
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp ...	45
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn	46

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	47
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)	56
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Không có	56
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	57
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):	57
<i>1.1. Nguồn phát sinh nước thải</i>	<i>57</i>
<i>1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải</i>	<i>57</i>
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	58
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có)	58
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải	59
Chương V	61
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	61
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	61
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh ..	62
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	63
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	63
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	63
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:	63
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	63
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	64
Chương VII	65
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	65
ĐỐI VỚI CƠ SỞ	65
Chương VIII	66
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	66

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nội dung từ viết tắt
1	CP	Chính phủ
2	CTNH	Chất thải nguy hại
3	KCN	Khu công nghiệp
4	NĐ	Nghị định
5	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
6	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
7	QĐ	Quyết định
8	QH	Quốc hội
9	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	TP	Thành phố
12	TT	Thông tư
13	TTg	Thủ tướng
14	UBND	Ủy ban nhân dân
15	KT	Khí thải
16	NT	Nước thải
17	CTR	Chất thải rắn
18	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
19	BXD	Bộ xây dựng

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Danh sách các doanh nghiệp đang thuê nhà xưởng của cơ sở.....	11
Bảng 1. 2. Nhu cầu dùng điện của Cơ sở	12
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở	12
Bảng 1. 4. Danh mục hóa chất sử dụng cho 02 HT XLNT TT công suất 120 m ³ /ng.đ và 200 m ³ /ng.đ.....	13
Bảng 1. 5. Quy hoạch sử dụng đất Công ty TNHH Liên Anh	14
Bảng 1. 6. Các công trình BVMT của Công ty TNHH Liên Anh.....	14
Bảng 3. 1. Khối lượng hạng mục hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở	21
Bảng 3. 2. Các doanh nghiệp phát sinh nước thải đã đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN.....	22
Bảng 3. 3. Khối lượng hạng mục hệ thống thoát, xử lý nước thải của Cơ sở	24
Bảng 3. 6. Thông số kỹ thuật của HTXLNT, công suất 120 m ³ /ngày đêm.....	32
Bảng 3. 7. Thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị đi kèm HT XLNT, công suất 120 m ³ /ngày đêm.	34
Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của HTXLNT, công suất 200 m ³ /ngày đêm.....	36
Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị đi kèm HT XLNT, công suất 200 m ³ /ngày đêm.	37
Bảng 3. 8. Hiệu suất xử lý một số chỉ tiêu qua từng quá trình xử lý.....	41
Bảng 3. 9. Tổng hợp hóa chất sử dụng tại trạm xử lý	43
Bảng 3. 10. Tổng hợp chất thải nguy hại phát sinh trung bình năm	46
Bảng 3. 11. Các sự cố có thể xảy ra của hệ thống XLNT và biện pháp khắc phục	50
Bảng 4. 1. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải.....	58
Bảng 4. 2. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn.....	59
Bảng 4. 3. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về độ rung.....	59
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải theo quý năm 2022 và 2023.....	61

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 3.1. Sơ đồ tuyến thu gom thoát nước mưa.....	19
Hình 3.2. Sơ đồ thoát nước mưa Công ty TNHH Liên Anh.	20
Hình 3.3. Sơ đồ thoát nước thải Công ty TNHH Liên Anh.....	23
Hình 3.4. Hình ảnh ống xả nước thải của Khu sản xuất.	25
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải.....	29
Hình 3.6. Hình ảnh thực tế của 02 Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở.	41
Hình 3.7. Kho chứa chất thải nguy hại	45
Hình 3.8. Thiết bị phòng cháy chữa cháy.....	47

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

- Địa chỉ: 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An (nay là Thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) **Lê Đình Bửu Triều**

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám Đốc**

- Điện thoại: (02743).752528; Fax: (02743).752558;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700530897 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/05/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18/01/2022.

2. Tên cơ sở:

KHU NHÀ XUỞNG, KHO BÃI CHO THUÊ VỚI TỔNG DIỆN TÍCH 158.748,8 M²

- Địa điểm cơ sở: 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An (nay là Thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

Vị trí tiếp giáp của Công ty như sau:

- + Phía Đông giáp với Khu dân cư;
- + Phía Tây giáp với đường Lê Hồng Phong;
- + Phía Nam giáp với Khu dân cư;
- + Phía Bắc giáp với Khu dân cư.

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*



Hình 1.1. Vị trí của Công ty TNHH Liên Anh.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 21/09/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m² tại 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Liên Anh.

+ Giấy phép xây dựng số 248/GPXD ngày 28/02/2006 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng Xưởng sản xuất và gia công giấy da, may mặc các loại theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật do Công ty TNHH thiết kế và xây dựng Đất Việt lập, có tổng diện tích được phép xây dựng là 30.168 m².

+ Giấy phép xây dựng số 323/GPXD ngày 06/03/2006 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng Nhà văn phòng và chợ nguyên phụ liệu theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật do Công ty TNHH thiết kế và xây dựng Đất Việt lập, với tổng diện tích được phép xây dựng là 4.094,25 m²;

+ Giấy phép xây dựng số 412/GPXD ngày 21/03/2011 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng Nhà xưởng công trình cấp III tại địa điểm phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, với tổng diện tích được phép xây dựng là 745,75 m²;

+ Giấy phép xây dựng số 1263/GPXD ngày 30/07/2012 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng công trình công nghiệp tại Thửa đất số 18, tờ bản đồ E2, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, với tổng diện tích được phép xây dựng là 1.500 m²;

+ Giấy phép xây dựng số 2059/GPXD ngày 26/11/2012 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng công trình công nghiệp tại Thửa đất số 18, tờ bản đồ E2, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, với tổng diện tích được phép xây dựng là 19.694,4 m²;

+ Giấy phép xây dựng số 1308/GPXD ngày 18/07/2014 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng công trình nhà kho theo thiết kế của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Minh Long lập, với tổng diện tích được phép xây dựng là 928 m²;

+ Giấy phép xây dựng số 1688/GPXD ngày 31/08/2015 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng công trình nhà kho A, nhà kho B theo bản vẽ thiết kế do Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng PAP và Công ty TNHH MTV Kiến trúc – Xây dựng Lữ Gia Phát lập, với tổng diện tích được phép xây dựng là 22.747,8 m²;

+ Giấy phép xây dựng số 2506/GPXD ngày 29/08/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng công trình nhà xưởng theo bản vẽ thiết kế do Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng PAP lập, với tổng diện tích được phép xây dựng là 15.109 m²;

+ Giấy phép xây dựng số 186/GPXD ngày 17/01/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng công trình nhà kho mở rộng theo bản vẽ thiết kế do Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng PAP lập, với tổng diện tích được phép xây dựng là 2.370,2 m²;

+ Giấy phép xây dựng số 716/GPXD ngày 17/01/2017 của UBND Thành phố Dĩ An về việc cho phép Công ty TNHH Liên Anh xây dựng công trình nhà kho cấp III theo bản vẽ thiết kế do Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng I.A.DESIGN lập, với tổng diện tích được phép xây dựng là 4.093,6 m².

+ Công văn số 3110/STNMT-CCBVMT ngày 16/07/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh;

+ Giấy phép số 34/GP-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cấp phép xả nước thải vào nguồn nước cho Công ty TNHH Liên Anh. Cấp phép đối với lưu lượng xả thải tối đa là 300 m³/ngày.đêm, xả vào nguồn tiếp nhận là suối Tư Ngời;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT09932 cấp ngày 01/04/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, với diện tích đất được sử dụng là 158.748,8 m²;

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): căn cứ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 3700530897 đăng ký lần đầu ngày 02/05/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18/01/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, cơ sở có tổng vốn điều lệ là **50.000.000.000 đồng** thuộc **nhóm C** (quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019). Căn cứ theo **điểm c khoản 3 điều 41** của Luật BVMT năm 2020, cơ sở đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo **Quyết định số 2417/QĐ-UBND** ngày 21/09/2015. Vì vậy, Cơ sở thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND tỉnh Bình Dương (Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ quan thẩm định).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Khu Nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m² của Công ty TNHH Liên Anh có địa điểm tại 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An (nay là Thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương được thành lập theo Quyết định số 2417/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương với tổng diện tích là 158,748,8 m². Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê của Công ty TNHH Liên Anh được triển khai xây dựng từ năm 2007 và hiện nay đang trong giai đoạn hoạt động thương mại. Hiện tại, Khu nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh có 12 Công ty đang thuê trong Khu đất với tổng diện tích đất đã được phê duyệt là 158.748,8 m².

Các ngành nghề thu hút đầu tư:

+ Các ngành sản xuất, gia công dệt may, da giày, ngành công nghiệp phụ trợ ngành dệt may, da giày theo đúng chủ trương chấp thuận của UBND tỉnh tại văn bản số 3867/UBND-KTTH ngày 06/11/2014.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Công nghệ sản xuất của cơ sở là quy trình vận hành, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật của Khu nhà xưởng, nhà kho cho thuê phục vụ hoạt động liên quan đến hoạt động sản xuất công nghiệp; cụ thể như sau:

- Cho thuê các lô đất kinh doanh và cung cấp các dịch vụ từ các hạng mục hạ tầng (khu vực hành chính, dịch vụ; khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hệ thống xây xanh) => Hoạt động của các Nhà đầu tư thứ cấp;

- Hoạt động của 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm và 120 m³/ngày.đêm;

- Hoạt động vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống cấp nước, thoát nước mưa và thu gom thoát nước thải, cấp điện, đường giao thông nội bộ,...

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm từ quá trình sản xuất của cơ sở là hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất công nghiệp của các Nhà đầu tư thứ cấp. Hiện nay, 02 Trạm XLNT tập trung của Công ty Liên Anh đang tiếp nhận và xử lý nước thải của 10 doanh nghiệp với tổng lưu lượng tiếp nhận cần xử lý tối đa là 13,71 m³/ngày đêm.

Tất cả các doanh nghiệp thứ cấp thuê nhà xưởng, kho bãi của Công ty TNHH Liên Anh đều được đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom và thoát nước tập trung của Công ty, nước thải sau đó sẽ được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A (kq = 0,9; kf = 1,1) trước khi xả vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là suối Tư Ngời, một nhánh của rạch Ông Tiếp thuộc lưu vực sông Đồng Nai.

“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”

Bảng 1. 1. Danh sách các doanh nghiệp đang thuê nhà xưởng của cơ sở

STT	Tên Công ty	Ngành nghề	Diện tích cho thuê (m ²)	Số lao động hoạt động	Khối lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)	Nước thải phát sinh (m ³ /tháng)	Nước thải phát sinh (m ³ /ngày)	Tình hình thu gom, xử lý nước thải
1	Công ty TNHH Cát Tường	Xưởng ép keo	630	28	30	27	0.9	Chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, được thu gom về HTXLNT tập trung của Công ty Liên Anh để thu gom, xử lý
2	Công ty TNHH MTV Tự Hưởng	Xưởng gia công khuôn	500	5	14	12.6	0.42	
3	Công ty TNHH MTV TBCN Hồng Thành	Xưởng gia công khuôn	305	12	33	29.7	0.99	
4	Công ty TNHH SX TM Kim Trường Phát	Xưởng gia công khuôn	578	75	36	32.4	1.08	
5	Công ty TNHH May Mặc Bowker Việt Nam	Thuê kho	2.000	5	6	5.4	0.18	
6	Công ty LD TNHH Nippon Express Việt Nam	Thuê kho	16.765	25	327	294.3	9.81	
7	Công ty TNHH Midea Consumer Electric Việt Nam	Thuê kho	5.000	15	-	-	-	
8	Công ty TNHH May Mặc Premier Global Việt Nam	Thuê kho	500	3	-	-	-	
9	Công ty TNHH K & K	Văn phòng	1.500	50	11	9.9	0.33	
10	Công ty TNHH Điện Mặt Trời Systech Miền Nam	Văn phòng	100	2	-	-	-	
11	Công ty CP Vận tải Lộc Tiến Phát	Văn phòng	60	3	30	27	0.9	
	Tổng cộng				457	411,3	13,71	

(Nguồn: Công ty TNHH Liên Anh, 2024)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cấp điện, nước

❖ Nhu cầu về điện năng

- Nguồn điện sử dụng từ công ty Điện lực Bình Dương cung cấp. Điện năng được sử dụng cho các mục đích bao gồm:

+ Điện cấp cho các nhà điều hành, nhà bảo vệ, nhà ăn nghỉ của cán bộ công nhân viên.

+ Điện cấp cho máy móc, thiết bị phục vụ hệ thống xử lý nước thải: Nhà pha chế hoá chất, máy ép bùn, thiết bị động cơ tại các bể xử lý, hệ thống máy thổi khí, các thiết bị quan trắc nước thải tự động, hệ thống máy móc trong phòng thí nghiệm.

+ Điện cung cấp cho hệ thống chiếu sáng khu vực

+ Điện cung cấp cho hệ thống điều hoà không khí

+ Nhu cầu dùng cho các mục đích khác

Bảng 1. 2. Nhu cầu dùng điện của Cơ sở

STT	Thời gian sử dụng	Lượng tiêu thụ (kWh)
1	Tháng 03/2024	63.460
2	Tháng 04/2024	52.160
3	Tháng 05/2024	64.690
4	Tháng 06/2024	55.040
5	Tháng 07/2024	61.600
6	Tháng 08/2024	55.800
	Trung bình	58.791,7

Nguồn: Theo hoá đơn sử dụng điện của công ty TNHH Liên Anh, 2024

+ Tổng lượng điện sử dụng cho toàn bộ hệ thống trong từ tháng 03 đến tháng 08/2024 là 352.750 kWh, trung bình lượng sử dụng 58.791,7 kWh/tháng.

❖ Nhu cầu sử dụng nước:

+ Nguồn cung cấp nước: Cơ sở sử dụng nguồn nước sạch được cung cấp từ Chi nhánh cấp nước Dĩ An – Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương. Nhu cầu sử dụng cho mục đích sinh hoạt, cấp nước tưới cây, rửa đường và hoạt động của cán bộ công nhân viên tại Trạm xử lý nước thải.

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

STT	Thời gian sử dụng	Lượng tiêu thụ (m ³)
-----	-------------------	----------------------------------

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

1	Tháng 03/2024	1.464
2	Tháng 04/2024	2.769
3	Tháng 05/2024	3.205
4	Tháng 06/2024	3.229
5	Tháng 07/2024	3.584
6	Tháng 08/2024	4.362
	Trung bình	3.102,2

(Nguồn: Theo hoá đơn sử dụng nước của Công ty TNHH Liên Anh, 2024).

Tổng lượng nước sạch sử dụng từ tháng 03 đến tháng 08/2024 là **18.613 m³**, mức sử dụng trung bình khoảng **3.102,2 m³/tháng**.

Hoạt động của cơ sở là kinh doanh cho thuê hạ tầng kỹ thuật Nhà xưởng, kho bãi, do đó lượng hóa chất sử dụng chủ yếu là cho vận hành hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 1. 4. Danh mục hóa chất sử dụng cho 02 HT XLNT TT công suất 120 m³/ng.đ và 200 m³/ng.đ

STT	Tên hoá chất	Khối lượng sử dụng (kg/tháng)	Công dụng
1	H ₂ SO ₄ (60%)	50	Điều chỉnh pH
2	NaOH (99%)	10	Điều chỉnh pH
3	PAC keo tụ	2	Đông tụ nước thải
4	Polymer anion	2	Keo tụ nước thải
5	Polymer cation	37	Keo tụ bùn
6	Clorine (70%)	15	Khử trùng
7	Đường glucose	100	Nuôi cấy vi sinh

(Nguồn: Nhật ký vận hành hệ thống XLNT của cơ sở, 2024)

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Hiện trạng sản xuất kinh doanh của cơ sở

Quy mô sử dụng đất của Công ty TNHH Liên Anh trên tổng diện tích đất là 158.748,8 m², được phân bổ các khu chức năng như sau:

Bảng 1. 5. Quy hoạch sử dụng đất Công ty TNHH Liên Anh

Stt	Các hạng mục sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Khu văn phòng Công ty	2.520	1,59
2	Khu nhà xưởng, văn phòng, kho cho thuê	90.482	57
3	Trạm xử lý nước thải	100	0,06
4	Khuôn viên và đường giao thông	23.901	15,06
5	Bãi lên xuống hàng	5.500	3,46
6	Cây xanh	35.845,8	22,58
7	Hồ nước PCCC	400	0,25
Tổng cộng		158.748,8	100

(Nguồn: Công ty TNHH Liên Anh, 2024)

Ngày 01/11/2021 sơ sở đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho Công ty TNHH Liên Anh tại giấy phép số 34/GP-UBND. Theo đó, toàn bộ nước thải phát sinh trong Khu nhà xưởng cho thuê được thu gom triệt để về HT XLNT TT để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) trước khi thải ra môi trường và hết thời hạn xả thải vào ngày 01 tháng 11 năm 2024.

5.2. Công trình BVMT đã được xây lắp

Bảng 1. 6. Các công trình BVMT của Công ty TNHH Liên Anh

STT	Công trình BVMT	Thông số	Ghi chú
I	Công trình xử lý nước thải		
1	Mạng lưới thu gom nước mưa	- Được tách riêng với mạng lưới thoát nước thải; - Vật liệu: Ống tròn BTCT bố trí dọc vỉa hè các trục đường của khu sản xuất; - Nguồn tiếp nhận: Suối Tư Ngời	
2	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải	- Nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp tự xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn, sau đó nước thải được dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Liên Anh để xử lý. - Vật liệu: BTCT/PVC; - Nước thải trước khi chuyển về 02 HT XLNT TT	

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

STT	Công trình BVMT	Thông số	Ghi chú
		công suất 120 m³/ngày.đêm và 200 m³/ngày.đêm được Doanh nghiệp thứ cấp xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn; Công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể trung chuyển nước → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank giá thể → Bể lắng sinh học → Bể trung gian kết hợp khử trùng → thiết bị lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k_q= 0,9, k_r=1,1).	
II	Công trình xử lý bụi, khí thải		
1	Công ty không xây dựng hệ thống xử lý khí thải do hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải.		
III	Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại		
1	CTRSH, CTR CNTT, CTNH phát sinh từ các Nhà máy thứ cấp	Nhà máy thứ cấp tự thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.	
2	CTRSH, CTR CNTT, CTNH phát sinh từ hoạt động của cơ sở (nhà văn phòng)	CTSH: thu gom, lưu chứa vào các thùng rác sau đó chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý; CTR CNTT: thu gom, phân loại và bán phế liệu cho đơn vị có nhu cầu; CTNH: thu gom, phân loại, dán nhãn và lưu trữ trong kho chứa riêng biệt có diện tích khoảng 4 m² (2m x 2m) có mái che, nền bê tông, có gờ chống tràn, lắp đặt biển báo theo đúng quy định. Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.	

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Ngày 05 tháng 9 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1216/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, tầm nhìn đến năm 2030: Ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng môi trường sống; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, các-bon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

Công ty TNHH Liên Anh tọa lạc tại số 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thành lập theo mã số 3700530895 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 02/05/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18/01/2022.

Công ty có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp: với khu vực dân cư của khu phố Tân Phước;
- Phía Nam giáp: với khu vực dân cư của khu phố Tân Phước.
- Phía Đông giáp: với khu vực dân cư của khu phố Tân Phước.
- Phía Tây giáp: là mặt tiền đường Lê Hồng Phong.

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định.

- Công ty nằm trên địa bàn phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, là khu vực phát triển đô thị. Tuy nhiên, với ngành nghề cho thuê nhà xưởng và văn phòng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, (kq=0,9; kf=1,1) → chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại suối Tư Ngời bằng đường ống uPVC $\Phi 140\text{mm}$, rồi chảy thoát ra sông Đồng Nai. Sông Đồng Nai thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt của tỉnh và được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Công ty không có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên; không sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai; không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan

trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; không có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng.

Công ty đã được phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 21/09/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Đã được cấp Giấy phép xả thải số 34 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Dương, vì vậy đã được đánh giá sự phù hợp về khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải.

Theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Dĩ An vị trí của cơ sở đến năm 2030 sẽ được chuyển đổi thành đất ở đô thị. Do đó, khi cơ quan quản lý nhà nước có quyết định yêu cầu di dời Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định.

Theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương vị trí của cơ sở nằm trên địa bàn thành phố Dĩ An thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và khoảng cách tiếp giáp với các nhà dân.

Hiện nay, Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo theo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường của tỉnh. Cụ thể như sau:

- *Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý nước thải:*

Công ty đã thiết kế tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải.

+ Công ty đã bố trí hệ thống ống nhựa uPVC đường kính D90-D140mm để thu gom nước mưa trên mái các nhà xưởng và văn phòng. Sau đó, nước mưa được đầu nối vào đường cống thoát nước bằng BTCT (đường kính D400 – D1.200mm, dài khoảng 2.828m) trên đường nội bộ của khu nhà xưởng cho thuê của Công ty, rồi chảy ra suối Tư Ngời và thoát ra sông Đồng Nai.

+ Nước thải sinh hoạt (Từ các doanh nghiệp thứ cấp thuê nhà xưởng của Công ty, văn phòng Công ty, Nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải) → Thu gom vào các hố ga phía trước nhà xưởng (1,5x1,5m) → đường ống thu gom từ các đường ống nhánh BTCT dài khoảng 3.280m có đường kính Ø400mm → Đường ống BTCT dẫn về 02 hệ thống XLNT tập trung có tổng công suất là 320 m³/ngày.đêm (1 hệ 120 m³/ngày.đêm, 1 hệ 200 m³/ngày.đêm) có đường kính Ø600mm, chiều dài khoảng 1.728m → Hệ thống XLNT tập trung tổng công suất là 320 m³/ngày.đêm (1 hệ 120 m³/ngày.đêm, 1 hệ 200 m³/ngày.đêm) → Xả ra suối Tư Ngời bằng đường ống PVC Ø114mm → Rạch Ông Tiếp → Sông Đồng Nai.

- *Chất thải rắn:*

+ Chất thải sinh hoạt được Công ty bố trí 05 thùng chứa rác thải có dung tích 120 lít
→ Hợp đồng đơn vị thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Chất thải công nghiệp thông thường

• Các chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại cơ sở chủ yếu từ hoạt động văn phòng sẽ được lưu kho và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương.

+ Chất thải nguy hại → khu vực lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 2 m² → Hợp đồng đơn vị thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Tiếng ồn:*

+ Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị mài mòn.

+ Tại các khu vực có mức ồn cao, bố trí luân phiên các công nhân làm việc đảm bảo thời gian tiếp xúc phù hợp với quy định đối với từng mức ồn khác nhau và trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- *Ứng phó sự cố:* Đã xây dựng các phương án phòng ngừa ứng phó sự cố.

Công ty TNHH Liên Anh cam kết luôn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động nhằm đảm bảo nước thải, chất thải được xử lý đúng và đầy đủ theo các quy định hiện hành trước khi thải ra môi trường. Đồng thời, khi các cơ quan quản lý nhà nước ban hành các quyết định về di dời, Công ty cam kết sẽ thực hiện theo đúng lộ trình và thời gian quy định.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

✚ *Khả năng chịu tải của môi trường nước:*

Hiện tại, nước thải sau xử lý của cơ sở sẽ được xả thải ra suối Tư Ngời theo giấy phép xả thải số 34/GP-STNMT ngày 01/11/2021, giấy phép có thời hạn 03 năm kể từ ngày ký. Vì vậy, nước thải sau xử lý của cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nước.

✚ *Khả năng chịu tải của môi trường không khí:*

Tại cơ sở không phát sinh khí thải trong quá trình sản xuất. Khí thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu là từ hoạt động các xe vận chuyển nguyên, vật liệu ra vào cơ sở. Chủ cơ sở sẽ kiểm soát các hoạt động có thể phát sinh khí thải để đảm bảo quá trình hoạt động của công nhân viên tại cơ sở.

✚ *Biện pháp giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, môi trường tiếp nhận nước thải:*

Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng hướng dẫn, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép;

Thường xuyên kiểm tra lưu lượng xả thải, đảm bảo lưu lượng xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý;

Thường xuyên nạo vét, khơi thông hố ga thoát nước sau xử lý và hố ga thoát nước của khu vực, đảm bảo dòng chảy thông suốt.

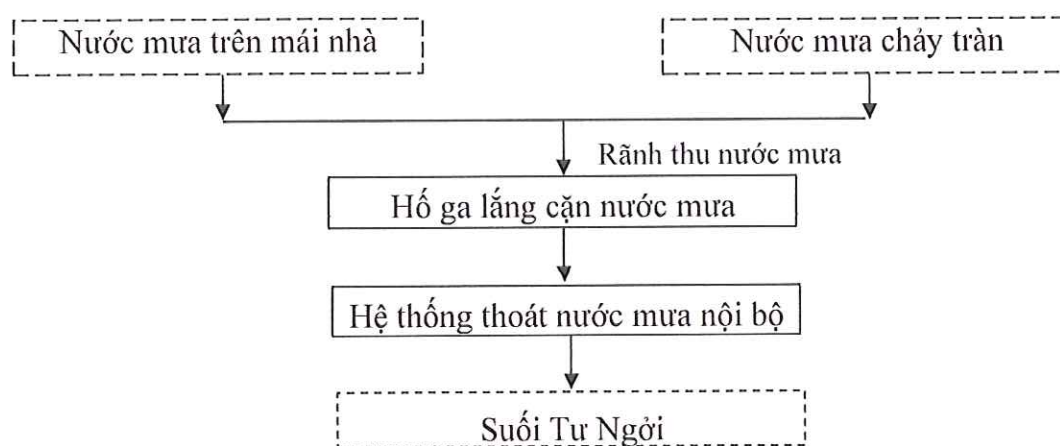
Chương III.

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Khu vực bố trí hệ thống thu gom nước mưa tại khu vực Công ty TNHH Liên Anh được thể hiện tại sơ đồ như sau:

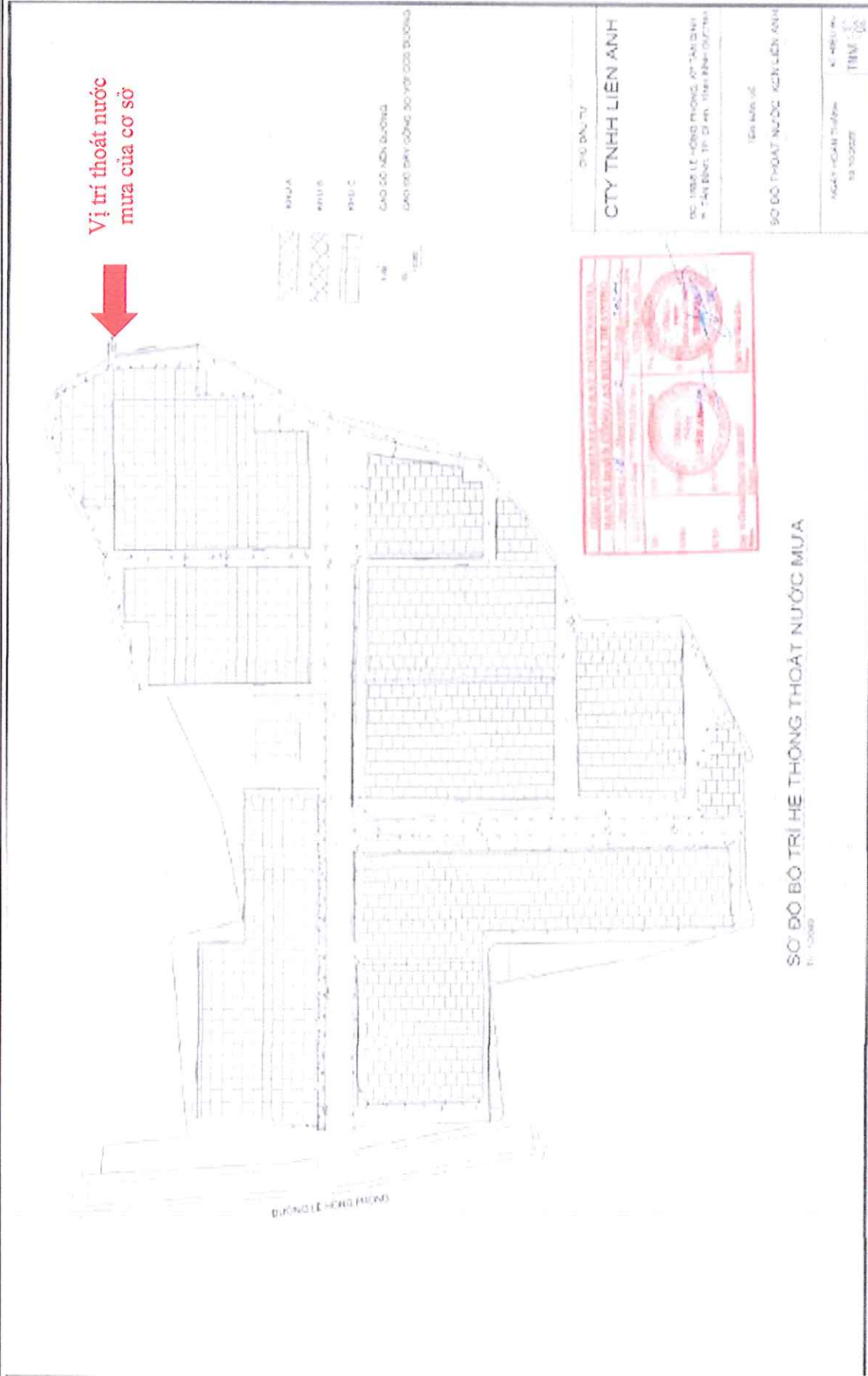


Hình 3. 1. Sơ đồ tuyến thu gom thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế độc lập và riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

Công ty đã bố trí hệ thống ống nhựa uPVC đường kính D90-D140mm để thu gom nước mưa trên mái các nhà xưởng và văn phòng. Sau đó, nước mưa được đầu nối vào đường cống thoát nước bằng BTCT (đường kính D400 – D1.200mm, dài khoảng 2.828m) trên đường nội bộ của khu nhà xưởng cho thuê của Công ty, rồi chảy ra suối Tư Ngời và thoát ra sông Đồng Nai.

“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”



Hình 3. 2. Sơ đồ thoát nước mưa Công ty TNHH Liên Anh.

Các doanh nghiệp thứ cấp thuê nhà xưởng, kho bãi đã được xây hệ thống thu gom nước mưa trong khuôn viên của cơ sở (hệ thống thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải), nước mưa được thu gom về hố ga thu gom nước mưa trong khu vực, sau đó đổ vào cống thoát nước mưa của Công ty TNHH Liên Anh và thoát ra nguồn tiếp nhận.

Hiện nay, hệ thống thoát nước mưa Đường các tuyến đường nội bộ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với tổng chiều dài của đường khoảng 2.828 m. Khối lượng hệ thống thoát nước mưa của các tuyến đường nội bộ đã hoàn thành được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 1. Khối lượng hạng mục hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

STT	Vật tư, quy cách	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống cống Ø600	m	5.477
2	Ống cống Ø800	m	1.704
3	Ống cống Ø1000	m	1.019
4	Ống cống Ø1200	m	33
5	Rãnh thoát nước B=0,8m	m	294
6	Hố ga (1,2x1,2)m	Cái	187
7	Hố ga (1,2x1,4)m	Cái	55
8	Hố ga (1,2x1,7)m	Cái	34
9	Hố ga (1,2x2,0)m	Cái	01
10	Cửa xả	cái	01

❖ (Nguồn: Công ty TNHH Liên Anh)

❖ Đánh giá khả năng tiêu thoát nước mưa:

Nước mưa được quy ước là nước sạch nếu không bị lẫn các tạp chất. Công ty TNHH Liên Anh cho vệ sinh quét dọn thường xuyên và sử dụng các song chắn rác để ngăn cản các tạp chất bị nước mưa cuốn theo. Ngoài ra, hệ thống thu gom nước mưa và hố ga được bố trí đều khu vực dự án, nước mưa chảy về hố ga chung trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận. Bên cạnh đó, trên toàn bộ diện tích đất của dự án có các tuyến đường nội bộ và trục đường giao thông đều được trải nhựa, có khả năng thu gom thoát nước dễ dàng. Do đó, mạng lưới thoát nước mưa đủ khả năng tiêu thoát nước mưa tại khu vực.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

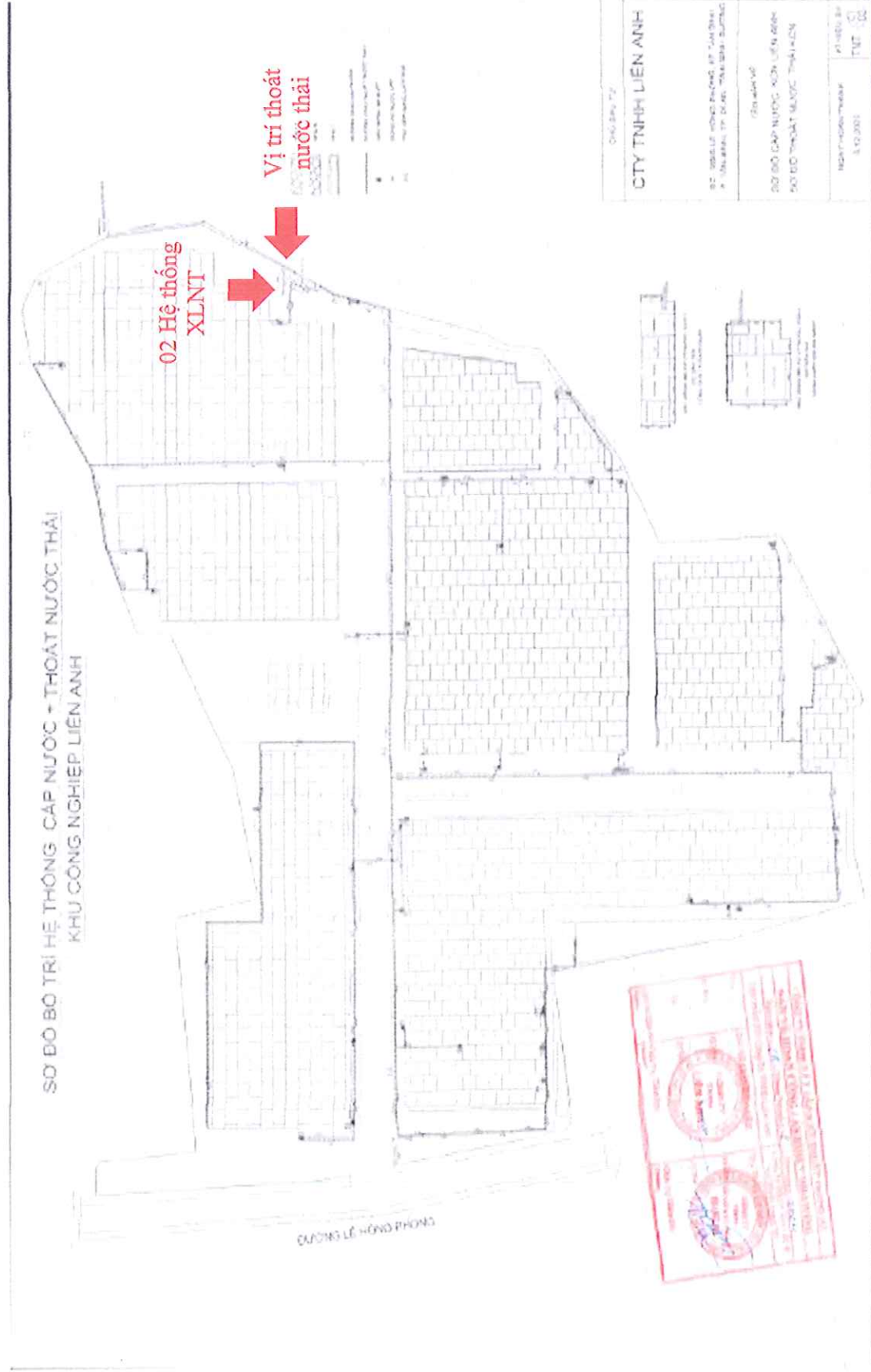
1.2.1. Nguồn phát sinh và lưu lượng nước thải phát sinh

Bảng 3. 2. Các doanh nghiệp phát sinh nước thải đã đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN

TT	Doanh nghiệp	Loại hình sản xuất	Lượng nước thải phát sinh hiện tại (m ³ /ngày đêm)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Cát Tường	Xưởng ép keo	0.9	
2	Công ty TNHH MTV Tự Hằng	Xưởng gia công khuôn	0.42	
3	Công ty TNHH MTV TBCN Hồng Thành	Xưởng gia công khuôn	0.99	
4	Công ty TNHH SX TM Kim Trường Phát	Xưởng gia công khuôn	1.08	
5	Công ty TNHH May Mặc Bowker Việt Nam	Thuê kho	0.18	
6	Công ty LD TNHH Nippon Express Việt Nam	Thuê kho	9.81	
7	Công ty TNHH Midea Consumer Electric Việt Nam	Thuê kho	-	Không phát sinh nước thải
8	Công ty TNHH May Mặc Premier Global Việt Nam	Thuê kho	-	Không phát sinh nước thải
9	Công ty TNHH K & K	Văn phòng	0.33	
10	Công ty TNHH Điện Mặt Trời Systech Miền Nam	Văn phòng	-	Không phát sinh nước thải
11	Công ty CP Vận tải Lộc Tiến Phát	Văn phòng	0.9	
	TỔNG CỘNG		13,71	

(Nguồn: Công ty TNHH Liên Anh tổng hợp, 2024)

“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m² tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”



Hình 3.3. Sơ đồ thoát nước thải Công ty TNHH Liên Anh.

1.2.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công ty đã được đầu tư hoàn chỉnh và tách biệt với hệ thống thoát nước mưa. Công ty TNHH Liên Anh chỉ thu gom và xử lý nước sinh hoạt của toàn khu, đối với các Công ty trong khu có phát sinh nước thải sản xuất sẽ tự thu gom và xử lý đạt quy chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Công ty TNHH Liên Anh.

Nước thải sinh hoạt (Từ các doanh nghiệp thứ cấp thuê nhà xưởng của Công ty, văn phòng Công ty, Nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải) → Thu gom vào các hố ga phía trước nhà xưởng (1,5x1,5m) → đường ống thu gom từ các đường ống nhánh BTCT dài khoảng 3.280m có đường kính Ø400mm → Đường ống BTCT dẫn về 02 hệ thống XLNT tập trung có tổng công suất là 320 m³/ngày.đêm (1 hệ 120 m³/ngày.đêm, 1 hệ 200 m³/ngày.đêm) có đường kính Ø600mm, chiều dài khoảng 1.728m → Hệ thống XLNT tập trung tổng công suất là 320 m³/ngày.đêm (1 hệ 120 m³/ngày.đêm, 1 hệ 200 m³/ngày.đêm) → Xả ra suối Tư Ngời bằng đường ống PVC Ø114mm → Rạch Ông Tiếp → Sông Đồng Nai.

Hiện nay, trong số 12 doanh nghiệp đang thuê nhà xưởng và kho bãi của Công ty TNHH Liên Anh đều không phát sinh nước thải sản xuất. Đối với nước thải sinh hoạt của các doanh nghiệp trong khu sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, bể tách dầu mỡ trước khi đầu nối về hệ thống XLNT tập trung của Công ty TNHH Liên Anh để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A (k_q = 0,9; k_f = 1,1), trước khi xả vào nguồn tiếp nhận là suối Tư Ngời.

Toàn bộ mạng lưới thu gom thoát nước thải của khu sản xuất có 3.280m đường ống DN 400, 1.748m đường ống DN 600, 149 hố ga nước thải (1,2x1,2)m bố trí dọc các tuyến đường nội bộ của Công ty.

Bảng 3. 3. Khối lượng hạng mục hệ thống thoát, xử lý nước thải của Cơ sở

STT	Vật tư, quy cách	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống cống Ø 400	m	3.280
2	Ống cống Ø 600	m	1.748
3	Hố ga (1,2 x 1,2)m	cái	149
4	Cửa xả	cái	01
5	Nhà máy xử lý nước thải	Hệ thống	02

(Nguồn: Công ty TNHH Liên Anh, 2024)

➤ **Nguồn tiếp nhận nước thải**

Suối Tư Ngời.

➤ **Vị trí xả nước thải:**

- phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi 3⁰): X=1209710; Y=0691093.

➤ **Chế độ xả nước thải:**

Liên tục 24/24h/ngày.đêm.

➤ **Phương thức xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận:**

Nước thải sau xử lý được dẫn vào kênh thoát nước sau đó chảy vào suối Tư Ngõi theo phương thức: tự chảy, xả mặt, ven bờ.



Hình 3. 3. Hình ảnh ống xả nước thải của Khu sản xuất.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải

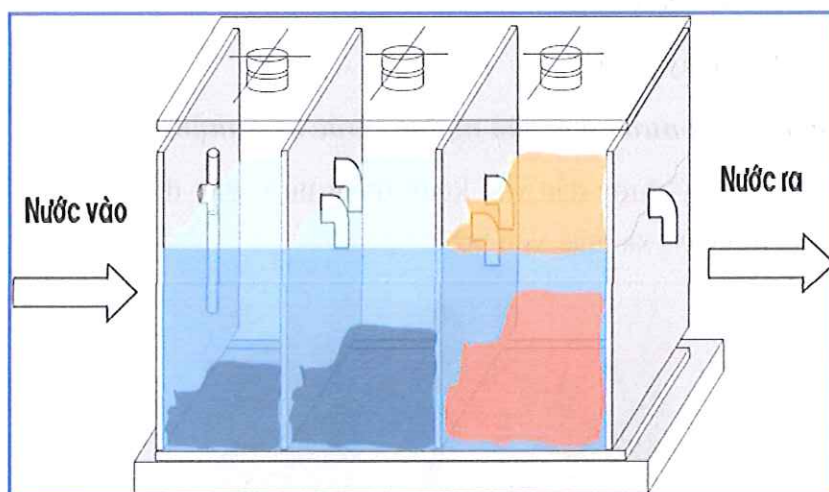
a. Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại có 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Qua thời gian 3- 6 tháng, cặn lắng lên men yếm khí.

Tại đây xảy ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ hòa tan và các chất dạng keo với sự tham gia của hệ vi sinh vật yếm khí. Trong quá trình sinh trưởng và phát triển, vi sinh vật yếm khí sẽ hấp thụ các chất hữu cơ hòa tan có trong nước thải, phân hủy và chuyển hóa chúng thành các hợp chất ở dạng khí. Bọt khí sinh ra bám vào các hạt bùn cặn. Các hạt bùn cặn này nổi lên trên làm xáo trộn, gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng.

Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH₄, CO₂, H₂S,... Cặn trong bể tự hoại, theo định kỳ sẽ

thuê đơn vị có chức năng đến hút thu gom một phần cặn lắng đi xử lý. Mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn.



Hình 3.4: Cấu tạo bể tự hoại ba ngăn

Thống kê số lượng bể tự hoại 3 ngăn tại cơ sở như sau:

Bảng 3.4: Tổng hợp số lượng bể tự hoại 3 ngăn tại cơ sở

STT	Vị trí bể tự hoại	Kích thước bể tự hoại D x R x C (m)	Thể tích của bể tự hoại (m ³)
1	Phía sau khu văn phòng	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
2	Sau kho A2	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
3	Trước cổng kho A2	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
4	Trước cổng kho A2 và A3	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
5	Góc A3	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
6	Sau kho A5	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
7	Sau kho A6 và A7	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
8	Góc kho A8	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
9	Mặt trước xưởng B1	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
10	Trong B1 đối diện khu văn phòng	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
11	Trong B1 đối diện khu A1	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
12	Trong B1 đối diện khu A3	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

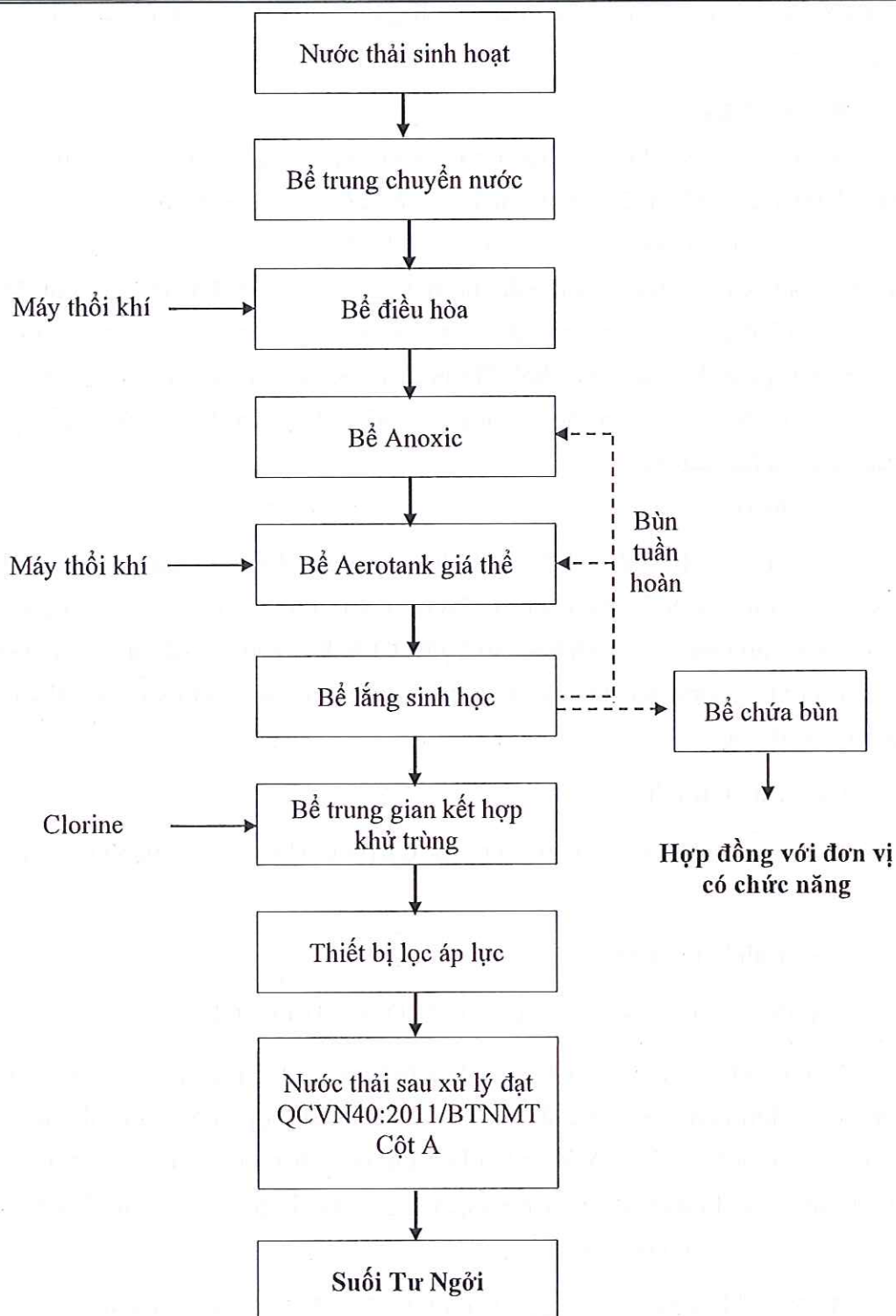
STT	Vị trí bể tự hoại	Kích thước bể tự hoại DxRx C (m)	Thể tích của bể tự hoại (m ³)
13	Phía đuôi xưởng B1 đối diện B2	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
14	Góc kho B4 gần hệ thống XLNT	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
15	Góc kho B5	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
16	Trước cổng kho C1	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
17	Trước kho C1 và C12	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
18	Góc kho C12	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
19	Kế bên kho C2	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
20	Phía sau kho C3	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
21	Phía sau kho C11	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
22	Góc kho C11	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
23	Giữa kho C3 và C11	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
24	Sau khu C10	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
25	Kế bên kho C9	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
26	Phía sau kho C13	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
27	Kế cổng kho C19	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
28	Kế bên khu XLNT	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
29	Kế kho B4 đối diện với B3	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
30	Trong khu B2	3,0 x 3,2 x 3,5	33,6
Tổng thể tích			1.008

Nguồn: Công ty TNHH Liên Anh, năm 2024

b. Hệ thống XLNT 120 m³/ngày đêm

Hiện nay, Công ty TNHH Liên Anh đã xây dựng hoàn thành 02 Hệ thống XLNT tập trung với công suất lần lượt là 120 m³/ngày đêm và 200 m³/ngày đêm, tiếp nhận và xử lý nước thải của các doanh nghiệp đạt Cột A - QCVN 40:2011/BTNMT (K_q= 0,9 và K_f= 1,1) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (Suối Tư Ngời).

Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung 120 m³/ngày đêm và Trạm xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm có cùng một công nghệ xử lý, được trình bày như sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải.

Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải:

Hồ gas trung chuyển nước thải

Có chức năng trung chuyển nước thải sinh hoạt từ hệ thống thu gom, nước thải sau khi tách rác lên bể điều hòa có cao trình cao hơn. Trong bể này có lắp đặt lưới chắn rác

để tách các cặn lớn trong nước thải tránh gây hư hỏng máy móc thiết bị của các công trình đơn vị phía sau.

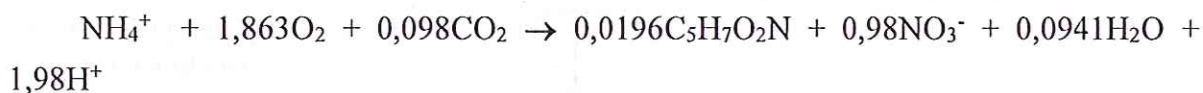
Bể điều hòa

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa về lưu lượng và nồng độ chất hữu cơ trong nước thải nhằm tránh gây hiện tượng quá tải vào các giờ cao điểm cũng như thời gian mà lượng nước gia tăng đột ngột. Do đó giúp cho hệ thống làm việc ổn định, cải thiện hiệu quả và giảm kích thước, giá thành cho những công trình đơn vị phía sau. Hệ thống sục khí trong bể điều hòa làm nước thải được xáo trộn và tránh sự lắng cặn trong bể, tránh hiện tượng phân hủy tạo mùi hôi. Để bơm nước sang bể thiếu (Anoxic), 02 bơm chìm được lắp đặt trong bể điều hòa hoạt động luân phiên và dự phòng nhằm đảm bảo thời gian nghỉ và bảo dưỡng.

Bể Anoxic

Quá trình xử lý sinh học hiếu khí hiệu quả cao đối với chất ô nhiễm COD, BOD và oxy hóa ammonia NH₃ thành nitrite NO₂⁻, cuối cùng là nitrate NO₃⁻. Chất dinh dưỡng được cung cấp theo tỷ lệ tính toán sơ bộ BOD:N:P = 100:5:1 để tăng hiệu quả xử lý nito. Quá trình xử lý sinh học tồn tại đồng thời giữa vùng hiếu khí và vùng thiếu khí là gồm hai quá trình sau:

Quá trình nitrat hóa:



Quá trình khử nitrat:



Nitrat sinh ra từ quá trình nitrat hóa trong điều kiện hiếu khí được khuếch tán sang vùng thiếu khí cùng với cơ chất, tạo điều kiện thích hợp cho quá trình khử nitrat xảy ra trong cùng một bông bùn. Với sự kết hợp giữa quá trình nitrat hóa và khử nitrat, nồng độ nito trong nước thải được xử lý hiệu quả bởi sự kết hợp giữa bể sinh học thiếu khí và bể sinh học hiếu khí bùn hoạt tính.

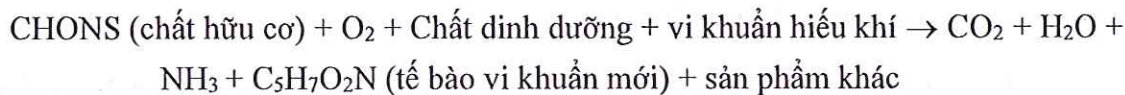
Bể thiếu khí còn đóng vai trò là một hệ chọn lọc vi sinh để chống lại hiện tượng bùn nổi do vi khuẩn gây ra. Nước sau bể thiếu khí sẽ tự chảy qua bể hiếu khí.

Bể Aerotank giá thể

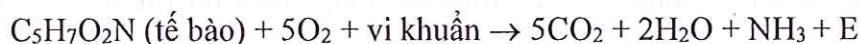
Tại bể sinh học hiếu khí bùn hoạt tính, các tạp chất hữu cơ hòa tan và không hòa tan còn lại sau quá trình xử lý sinh học thiếu khí tiếp tục được xử lý và chuyển hóa thành bông bùn sinh học. Các máy thổi khí (Air Blower) hoạt động luân phiên và hệ thống phân phối dạng đĩa có hiệu quả cao với kích thước bọt khí nhỏ hơn 10mm sẽ cung cấp oxy cho

bể sinh học. Lượng khí cung cấp vào bể với mục đích cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí chuyển hóa chất hữu cơ thành nước và cacbonic, chuyển hóa nito hữu cơ và amonia thành nitrat NO₃⁻. Mặt khác, hệ thống phân phối khí còn có chức năng xáo trộn đều nước thải và bùn hoạt tính, tạo điều kiện để vi sinh vật tiếp xúc tốt với các chất cần xử lý. Tải trọng chất hữu cơ của bể thổi khí thường dao động từ 0,34 - 0,64 kg BOD/m³.ngày đêm.

Oxy hóa tổng hợp



Hô hấp nội bào

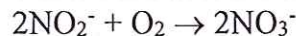


Bên cạnh quá trình chuyển hóa các chất hữu cơ thành cacbonic CO₂ và nước H₂O, vi khuẩn hiếu khí Nitrisomonas và Nitrobater còn oxy hóa ammonia NH₃ thành Nitrite NO₂⁻ và cuối cùng là nitrate NO₃⁻.

Vi khuẩn Nitrisomonas:



Vi khuẩn Nitrobater:



Tổng cộng:



Bể sinh học hiếu khí có hình dạng chữ nhật, hàm lượng bùn hoạt tính và nhu cầu oxy đồng nhất trong toàn bộ thể tích bể. Bể này có ưu điểm chịu được quá tải rất tốt. Hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải gọi là dung dịch xáo trộn (mixed liquor) tiếp tục được bơm tuần hòa về lại bể Anoxic để khử Nitrate NO₃⁻ và Aerotank để tiếp tục thực hiện quá trình xử lý bậc 2 giống như ở giai đoạn xử lý bậc 1 của quy trình xử lý sinh học.

Bể lắng sinh học

Quá trình xử lý sinh học sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi. Do đó, bể lắng bùn sinh học được thiết kế để thu gom lượng bùn này và giữ lại lượng bùn có khả năng xử lý tốt.

Bể lắng sinh học được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể và được gom vào tâm nhờ hệ thống gom bùn lắp đặt dưới đáy bể. Bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 8.000mg/L, một phần sẽ tuần hoàn lại bể sinh học (25%-75% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn tạo điều kiện phân hủy nhanh chất

hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 3000 mg/L. Độ ẩm bùn dao động trong khoảng 98,5 – 99,5%.

Do bùn sinh học khó lắng hơn bùn hóa lý nên bể lắng bùn sinh học sẽ có kích thước lớn hơn so với bể lắng bùn hóa lý. Phần nước trong sau lắng thu được thu lại bằng hệ máng thu nước được bố trí trên bề mặt bể và được dẫn sang bể keo tụ tạo bông để thực hiện quá trình keo tụ tạo bông.

Bể trung gian kết hợp khử trùng

Bể trung gian có nhiệm vụ chứa nước sau bể lắng để ổn định dòng nước. Nước thải sau khi tách bùn được châm Chlorine khử trùng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Chlorine là chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong quá trình khử nước thải. Ngoài mục đích khử trùng, chlorine có thể được sử dụng để giảm mùi. Hợp chất chlorine sử dụng ở dạng bột calcium hypochloride $[Ca(OCl)_2]$. Hàm lượng chlorine cần thiết để khử trùng cho nước sau lắng là 3-15mg/L. Hàm lượng cung cấp vào nước thải ổn định bằng bơm định lượng hóa chất. Sau khi khử trùng, nước thải đảm bảo tiêu chuẩn Loại A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

Xử lý bùn

Quá trình xử lý sinh học sẽ làm tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm nước thải và chết đi. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể nén bùn.

Tại bể nén bùn, sau một thời gian nén cố định để gia tăng nồng độ và cô đặc, bùn sẽ được đưa vào máy ép bùn nhằm tiến hành tách nước làm giảm độ ẩm và thể tích của bùn để thuận tiện cho quá trình xử lý bùn. Bùn khô sau khi ép tách nước được thu gom – vận chuyển đi xử lý đúng nơi quy định hoặc phối trộn làm phân bón cho cây trồng.

Nước tách bùn phát sinh từ bể nén bùn và máy ép bùn được đưa về bể điều hòa.

❖ Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT, công suất 120 m³/ngày đêm

Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật của HTXLNT, công suất 120 m³/ngày đêm

1. Hồ gom trung chuyển nước thải	
Nhiệm vụ	Chứa nước để bơm trung chuyển nước thải về hệ thống
Số lượng	25 hồ
Kích thước	1,2 x 1,2 x 1,2m = 1,73 m ³
Vật liệu	BTCT

2. Bể điều hòa	
Nhiệm vụ	Điều hòa lưu lượng nước thải vào công trình xử lý sau
Số lượng	01 bể
Kích thước	2,7 x 4,0 x 3,5m = 37,8 m ³
Vật liệu	BTCT
Thời gian lưu nước	7,5 giờ
3. Bể Anoxic	
Nhiệm vụ	Xử lý chất thải ô nhiễm bằng vi sinh thiếu khí
Số lượng	01 bể
Kích thước	2,5 x 2,1 x 3,5m = 18,38 m ³
Vật liệu	BTCT
Thời gian lưu nước	3,7 giờ
4. Bể Aerotank	
Nhiệm vụ	Xử lý chất thải ô nhiễm bằng vi sinh hiếu khí
Số lượng	01 bể
Kích thước	3,1 x 4,0 x 3,5m = 43,4 m ³
Vật liệu	BTCT
Thời gian lưu nước	8,7 giờ
5. Bể lắng sinh học	
Nhiệm vụ	Lắng bùn từ quá trình xử lý sinh học
Số lượng	01 bể
Kích thước	2,4 x 2,5 x 3,5m = 21m ³
Vật liệu	BTCT
6. Bể trung gian kết hợp khử trùng	
Nhiệm vụ	Chứa nước thải trung gian sang các công trình phía sau
Số lượng	01 bể

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

Kích thước	1,3 x 2,4 x 3,5m = 10,92 m ³
Vật liệu	BTCT
7. Bể chứa bùn	
Nhiệm vụ	Thu bùn từ bể lắng
Số lượng	01 bể
Kích thước	1,2 x 2,2 x 3,5m = 9,24 m ³
Vật liệu	BTCT

Bảng 3. 6. Thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị đi kèm HT XLNT, công suất 120 m³/ngày đêm.

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
Hố gas trung chuyển nước thải				
1	Song chắn rác	Cái	1	- Mất lưới 5mm - Vật liệu: Inox
2	Bơm nước thải	Cái	2	- Bơm chìm, hoạt động luân phiên - Lưu lượng: 12m ³ /giờ - Công suất: 0,4 kW - Điện áp: 3 pha/380V - Vật liệu: Gang và Inox
Bể điều hòa				
3	Bơm nước thải	Cái	2	- Bơm chìm, hoạt động luân phiên - Lưu lượng: 12m ³ /giờ - Công suất: 0,4 kW - Điện áp: 3 pha/380V - Vật liệu: Gang và Inox
4	Đĩa phân phối khí tinh	Cái	8	- Loại bọt khí mịn - Lưu lượng max: 8,5 m ³ /giờ - Đường kính: 9’’
Bể Anoxic				

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
5	Thiết bị khuấy trộn chìm	Cái	1	- Đường kính cánh khuấy: 176mm - Tốc độ khuấy: 1380 vòng/phút - Công suất N = 1,1kW
Bể hiếu khí				
6	Máy thổi khí	Cái	2	- Cột áp H = 4m - Lưu lượng: 2,44m ³ /phút - Công suất: 3,0 kW
7	Đĩa phân phối khí tinh	Cái	12	- Loại bọt khí mịn - Lưu lượng max: 8,5 m ³ /giờ - Đường kính: 9’’
8	Bơm tuần hoàn	Cái	2	- Lưu lượng: 12m ³ /giờ - Cột áp: H = 8m - Công suất: 0,75 kW
Bể lắng				
9	Ống lắng trung tâm	Bộ	1	- Inox dày 1,2 ly - DxH: 0,5x2,0m
10	Máng răng cưa thu nước	Bộ	1	- Inox dày 1,2 ly - DxH: 7,0x0,25m
11	Máng ngăn bọt	Bộ	1	- Inox dày 1,2 ly - DxH: 6,4x0,25m
12	Bơm bùn	Cái	1	- Lưu lượng: 5m ³ /giờ - Cột áp: H = 8m - Công suất: 045 kW
Thiết bị lọc áp lực				
13	Bồn lọc áp lực	Cái	1	- DxH: 0,8x1,8m - Chân cao: 0,4m - Inox 304

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
14	Bơm áp lực	Cái	2	- Bơm ly tâm trục ngang - Lưu lượng 6m ³ /giờ - Cột áp: H = 28m - Công suất 1,5 kW
Bể trung gian kết hợp khử trùng				
15	Bơm định lượng hóa chất	Cái	1	- Lưu lượng: 20 lít/giờ - Cột áp: 15 bar - Điện áp: 1 pha
16	Bồn chứa hóa chất	Cái	1	- Thể tích: 500 lít - Vật liệu: Nhựa
Hệ thống kỹ thuật khác				
17	Hệ thống đường ống công nghệ	HT	1	Toàn bộ đường ống và phụ kiện dẫn nước thải và phân phối khí trong khu vực HTXL
18	Hệ thống điện, tủ điện điều khiển tự động	HT	1	Tủ điện bằng thép sơn tĩnh điện. Linh kiện LS

(Nguồn: Công ty TNHH Liên Anh, năm 2024)

❖ **Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT, công suất 200 m³/ngày đêm**

Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của HTXLNT, công suất 200 m³/ngày đêm

1. Bể điều hòa	
Nhiệm vụ	Điều hòa lưu lượng nước thải vào công trình xử lý sau
Số lượng	01 bể
Kích thước	6,0 x 3,2 x 3,0m = 57,6 m ³
Vật liệu	BTCT
Thời gian lưu nước	7 giờ
2. Bể Anoxic	
Nhiệm vụ	Xử lý chất thải ô nhiễm bằng vi sinh thiếu khí
Số lượng	01 bể

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

Kích thước	4,9 x 3,6 x 3,0m = 35,28 m ³
Vật liệu	BTCT
Thời gian lưu nước	4,3 giờ
3. Bể Aerotank	
Nhiệm vụ	Xử lý chất thải ô nhiễm bằng vi sinh hiếu khí
Số lượng	01 bể
Kích thước	4,7 x 3,6 x 3,0m = 50,76 m ³
Vật liệu	BTCT
Thời gian lưu nước	6,1 giờ
4. Bể lắng sinh học	
Nhiệm vụ	Lắng bùn từ quá trình xử lý sinh học
Số lượng	01 bể
Kích thước	2,5 x 2,5 x 4,0m = 25m ³
Vật liệu	BTCT
5. Bể trung gian kết hợp khử trùng	
Nhiệm vụ	Chứa nước thải trung gian sang các công trình phía sau
Số lượng	01 bể
Kích thước	2,5 x 1,0 x 1,5m = 3,75 m ³
Vật liệu	BTCT
6. Bể chứa bùn	
Nhiệm vụ	Thu bùn từ bể lắng
Số lượng	01 bể
Kích thước	2,5 x 2,0 x 3,0m = 15 m ³
Vật liệu	BTCT

Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị đi kèm HT XLNT, công suất 200 m³/ngày đêm.

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
Bể điều hòa				
1	Bơm nước thải	Cái	2	- Bơm chìm, hoạt động luân phiên - Lưu lượng: 12m³/giờ - Công suất: 0,4 kW - Điện áp: 3 pha/380V - Vật liệu: Gang và Inox
2	Giò chắn rác tinh	Bộ	1	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước khe lọc: 10mm - Xuất xứ: Việt Nam
3	Phao điện	Cái	2	- Vật liệu: Nhựa tổng hợp - Xuất xứ: Đài Loan
4	Xích treo bơm	Cái	2	- Vật liệu: Inox 304 - Xuất xứ: Việt Nam
5	Đĩa phân phối khí tinh	Cái	8	- Loại bọt khí mịn - Lưu lượng max: 8,5 m³/giờ - Đường kính: 9’’
Bể Anoxic				
6	Thiết bị khuấy trộn chìm	Cái	2	- Công suất N = 1,0 Hp - Xuất xứ: Đài Loan - Loại máy: Máy khuấy trộn chìm
Bể Aerotank				
7	Máy thổi khí	Cái	2	- Lưu lượng: 2,5 - 3m³/phút - Công suất: 5,5 Hp
8	Đĩa phân phối khí tinh	Cái	12	- Loại bọt khí mịn - Lưu lượng max: 8,5 m³/giờ - Đường kính: 9’’
9	Vật liệu vi sinh bám dính	M ³	12	- Loại giá thể: Giá thể tổ ong

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

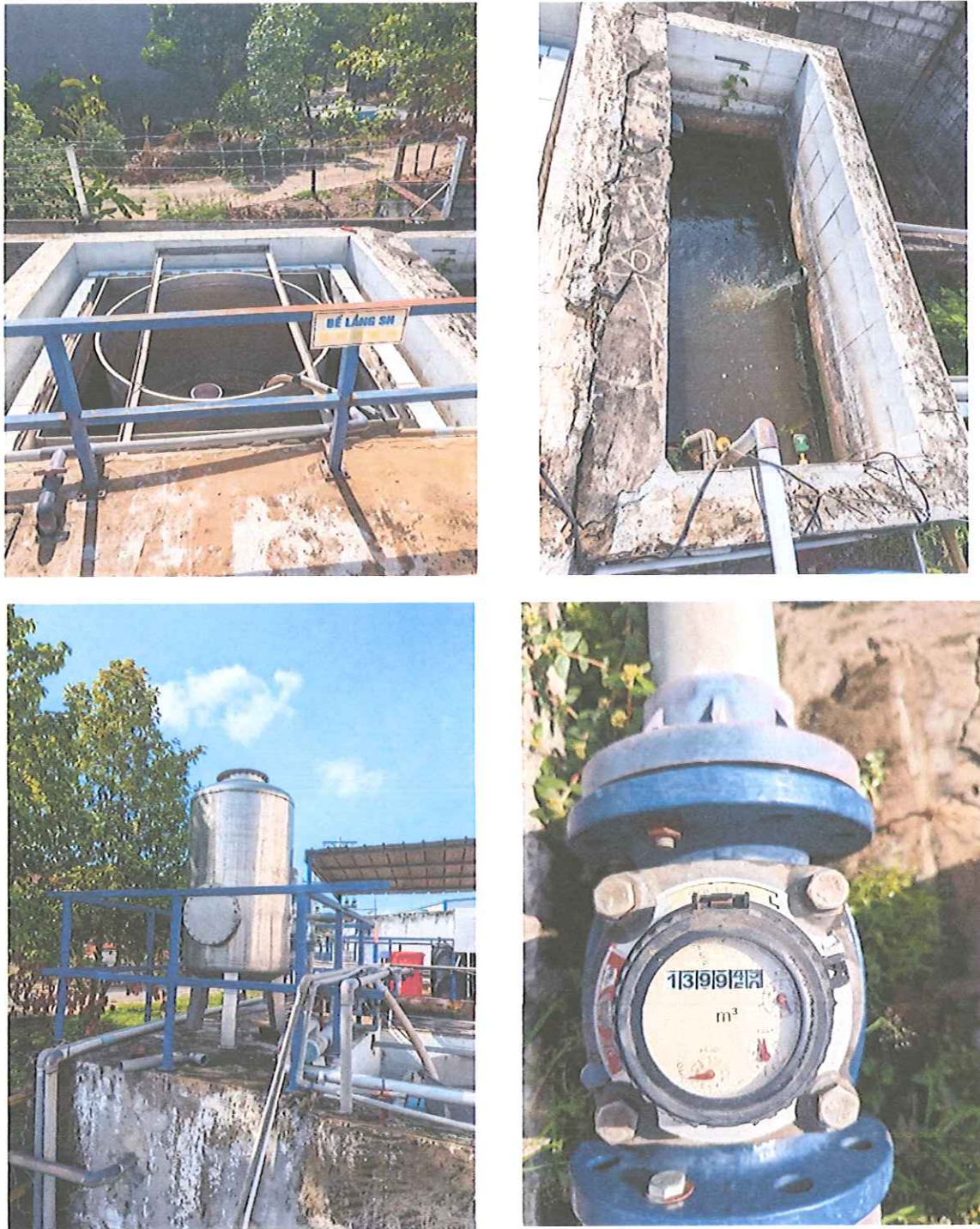
Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
				- Vật liệu: PVC
10	Giá đỡ vật liệu vi sinh bám dính	Bộ	1	- Vật liệu: Thép V4
Bể lắng				
11	Ống lắng trung tâm	Bộ	1	- Inox dày 1,2 ly - DxH: 0,4x2,0m
12	Ống giá đỡ trung tâm	Bộ	1	- Thép CT3, phủ Epoxy
13	Tấm chắn dòng, máng răng cưa	Bộ	1	- Inox 304 dày 0,8mm - DxH: 6,4x0,25m
14	Bơm bùn	Cái	1	- Lưu lượng: 9m ³ /giờ - Cột áp: H = 10m - Công suất: 1Hp
Thiết bị lọc áp lực				
15	Bồn lọc áp lực	Cái	1	- Thép CT3, sơn phủ epoxy - Kích thước: DxH = 0,6x1,8m
16	Bơm áp lực	Cái	2	- Lưu lượng 9m ³ /giờ - Cột áp: H = 10m - Công suất 2Hp
Bể trung gian kết hợp khử trùng				
17	Bơm định lượng hóa chất	Cái	1	- Lưu lượng: 100 lít/giờ - Cột áp: 3 bar - Điện áp: 1 pha
18	Bồn chứa hóa chất	Cái	1	- Thể tích: 500 lít - Vật liệu: Nhựa
Bể chứa bùn + sân phơi bùn				
19	Bơm bùn	Cái	1	- Bơm chìm - Lưu lượng 5m ³ /giờ

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
				- Cột áp H = 8m - Công suất 0,4 kW
20	Máy ép bùn	Cái	01	- Công suất: - Xuất xứ:
21	Sân phơi bùn	Sân	01	Diện tích: 20m ²
Hệ thống kỹ thuật khác				
22	Hệ thống đường ống công nghệ	HT	1	Toàn bộ đường ống và phụ kiện dẫn nước thải và phân phối khí trong khu vực HTXL
23	Hệ thống điện, tủ điện điều khiển tự động	HT	1	Tủ điện bằng thép sơn tĩnh điện. Linh kiện LS

(Nguồn: Công ty TNHH Liên Anh, năm 2024)





Hình 3.7. Hình ảnh thực tế của 02 Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở.

❖ Hiệu quả xử lý qua từng cụm bể:

Bảng 3. 7. Hiệu suất xử lý một số chỉ tiêu qua từng quá trình xử lý

Công trình		SS	Dầu mỡ tổng	COD	BOD	Tổng N	Tổng P	Coliform
Bể điều hòa	C(mg/l)	348,3	2,52	783	369	50	10	10.000
	H(%)	5	5	5	5	0	0	0
Bể anoxic	C(mg/l)	330,89	2,39	743,85	350,55	50	10	10.000

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tọa lạc tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

Công trình		SS	Dầu mỡ tổng	COD	BOD	Tổng N	Tổng P	Coliform
	H(%)	0	0	30	60	60	60	0
Bể hiếu khí	C(mg/l)	330,89	2,39	520,7	140,22	20	4	10.000
	H(%)	40	10	80	80	40	40	5
Bể lắng bùn sinh học	C(mg/l)	198,53	2,15	104,14	28,04	12	2,4	9.500
	H(%)	80	0	20	20	10	10	20
Bể trung gian kết hợp khử trùng	C(mg/l)	7,94	1,51	33,32	19,07	10,26	2,05	6.840
	H(%)	0	0	0	0	0	0	0
Nước sau xử lý	C(mg/l)	7,54	1,51	33,32	19,07	10,26	2,05	1.368
Kết quả phân tích	H(%)	25	1,4	9	4	2,24	0,16	240

Nguồn: Tính toán theo thực tế.

❖ Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3. 8. Tổng hợp hóa chất sử dụng tại trạm xử lý

Stt	Tên hóa chất, vi sinh	Công đoạn sử dụng	Liều lượng sử dụng	Khối lượng sử dụng (kg/tháng)	Cách pha
1	Clorin	Khử trùng	500 gram/500L nước	38	Cấp 250 lít nước vào bồn 500 lít nước. Cho từ từ 500 gram chlorine vào bồn chứa. Sau đó cho thêm 250 lít nước vào bồn, mở máy khuấy 15 phút cho đến khi Clorin tan hết thì tắt máy.
2	NaOH 45%	Trung hòa	Tùy vào độ pH của nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải	16	Hóa chất này được cấp vào bằng bơm định lượng và hoạt động dựa trên tín hiệu nhận được từ đầu điều khiển pH. pH của nước thải được điều chỉnh đến khoảng cho phép để tạo hiệu quả tốt cho quá trình xử lý sinh học
3	PAC	Trợ lắng	12,5 kg/500L nước	15	Cấp 300 lít nước vào bồn 500 lít nước. Cho từ từ 12,5kg PAC vào bồn chứa. Sau đó cho thêm 200 lít nước vào bồn, mở máy khuấy 15 phút cho đến khi Clorin tan hết thì tắt máy.
4	Mật rỉ đường	Bổ sung dinh dưỡng cho vi sinh	12lít/lần/tuần	360	Khuấy đều chế phẩm vi sinh với nước sạch. Chờ cho đến khi chế phẩm vi sinh tan hết thì đổ vào bể sinh học. Định kỳ kiểm tra nồng độ bùn trong bể sinh học, giữ nồng độ bùn trong khoảng 200-250mg/l : 1 ngày/lần

1.3.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không có. Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Tại các doanh nghiệp trong Khu sản xuất: các doanh nghiệp tự thu gom và có biện pháp xử lý thích hợp đúng quy định, tiến hành quan trắc định kỳ các thông số ô nhiễm lập báo cáo giám sát định kỳ 6 tháng/lần.

- Tại Trạm XLNT tập trung: quá trình vận hành Trạm XLNT không sử dụng các thiết bị máy gây ô nhiễm bụi và khí thải.

- Bố trí trồng cây xanh xung quanh khuôn viên của khu xử lý: hệ thống tầng đệm cây xanh xung quanh toàn bộ khu xử lý.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

❖ *Chất thải rắn sinh hoạt*

+ Tại các Doanh nghiệp trong Khu sản xuất: Chất thải rắn trong sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp được các doanh nghiệp tự thu gom, phân loại và lưu trữ đúng quy định, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

+ Tại Trạm XLNT tập trung: Chất thải rắn sinh hoạt của trạm XLNT tập trung được thu gom chứa trong thùng rác đặt tại Nhà văn phòng khoảng 03 kg/ngày.

+ Tại các khu vực tập trung rác trong khuôn viên, Công ty đã bố trí các thùng thu gom rác, thể tích 120 lít có nắp đậy xung quanh các nhà xưởng, gần điểm phát sinh chất thải sinh hoạt tại các nhà xưởng cho thuê.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Công ty được thu gom và hợp đồng với Công ty TNHH MTV Hân Gia đến thu gom và mang đi xử lý hàng ngày theo đúng quy định. *(Theo hợp đồng thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt số 0101/2024/HDDV ngày 29/12/2023, hợp đồng được đính kèm phụ lục 1 của báo cáo).*

❖ *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*

- Ngành nghề của Công ty là hoạt động cho thuê nhà xưởng nên chất thải rắn không nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động văn phòng như giấy thải, bao bì giấy carton, ... Còn đối với chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp thứ cấp sẽ do các Công ty tự chịu trách nhiệm thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Các chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại cơ sở chủ yếu từ hoạt động văn phòng sẽ được lưu kho và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương.

❖ ***Biện pháp, công trình lưu giữ đối với bùn thải sau ép***

Bùn thải từ các công trình lắng, bể lắng sẽ được thu hồi, ép khô 85% (tách nước) bằng máy ép bằng tải trước khi đưa vào vị trí sân phơi bùn được bố trí trong khuôn viên của Công ty với diện tích khoảng 20m². Lượng bùn thải sau khi phơi ước tính khoảng 9.865 kg/năm sẽ được Công ty TNHH Liên Anh phối hợp với đơn vị có chức năng để đến thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, yêu cầu cán bộ công nhân viên nghiêm túc thực hiện nội quy tại khu vực hệ thống xử lý, nghiêm cấm hành vi xả thải rác thải không đúng quy định.

(Hợp đồng thu gom, xử lý chất thải rắn được đính kèm tại phụ lục của báo cáo)

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong Khu sản xuất được các nhà đầu tư thứ cấp tự thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Riêng đối với chất thải nguy hại phát sinh từ nhà văn của Công ty TNHH Liên Anh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, pin, ắc quy chì thải, ... Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được trình bày như sau:



Hình 3. 6. Kho chứa chất thải nguy hại

Bảng 3. 9. Tổng hợp chất thải nguy hại phát sinh trung bình năm

<i>STT</i>	<i>Tên chất thải</i>	<i>Mã CTNH</i>	<i>Khối lượng thống kê theo KQ BVMT đã được phê duyệt (kg/năm)</i>	<i>Khối lượng thống kê năm 2023 (kg/năm)</i>
1	Hộp mực in thải	08 02 04	3	0
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5	0
3	Các loại Dầu, mỡ thải	16 01 08	2	0
4	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	2	0
	Tổng cộng (kg/năm)		12	0

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn của nhà máy chủ yếu do hoạt động của các thiết bị như máy thổi khí, máy bơm, máy phát điện, khu vực xử lý bùn và phương tiện giao thông đi lại ở khu sản xuất.

Các thiết bị có thể gây mức ồn vượt ngưỡng quy chuẩn cho phép tại khu vực hoạt động trong khuôn viên nhà máy; ảnh hưởng đến thính lực, sức khỏe của cán bộ nhân viên hoạt động tại nhà máy; khu dân cư cách xa khu vực xử lý (>500m) nên tiếng ồn của hoạt động sản xuất sẽ không gây ảnh hưởng tới người dân xung quanh. Vì vậy, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp thiết kế, bố trí để hạn chế tối đa tác động tới con người cũng như môi trường không khí xung quanh:

- Áp dụng các biện pháp hạn chế tiếng ồn tại nguồn: Thiết kế bộ phận giảm âm ngay tại khu vực bố trí thiết bị. Các thiết bị này được bố trí trong các phòng kín (xây bằng tường gạch 100m, trần bê tông).

- Đối với máy bơm, máy thổi khí: Bố trí trong phòng có sử dụng vật liệu cách âm bọc tường, lắp đệm chống rung.

- Đối với máy phát điện: Bố trí hệ thống lò xo để chống rung, bố trí nhà cách âm và cách ly với các khu vực khác.

- Thường xuyên kiểm tra sự cân bằng của máy móc, máy bơm; kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết máy hư hỏng.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động...), thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4-6 tháng/lần, thiết bị cũ 3 tháng/lần.

- Áp dụng biện pháp giảm thiểu tiếng ồn cho toàn khu là trồng cây xanh (các loại cây ăn quả lâu năm, cây bóng mát...) cách ly theo đúng quy chuẩn xây dựng.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Trang bị PCCC

Hệ thống XLNT được bố trí các bình chữa cháy tại chỗ tại vị trí bên ngoài Kho lưu trữ chất thải nguy hại và bên trong Nhà văn phòng mỗi vị trí gồm: 2 bình chữa cháy BC MFZ8 (8 kg), biển nội quy phòng cháy và chữa cháy, tiêu lệnh chữa cháy.



Hình 3. 7. Thiết bị phòng cháy chữa cháy

- Định kỳ tổ chức tập huấn tại hiện trường.
- Tiến hành kiểm tra, sửa chữa và theo dõi định kỳ các thùng chứa và phương tiện vận chuyển.
- Nghiêm cấm sử dụng các chất gây cháy tại nơi tập kết hóa chất, khu vực thu gom rác, thùng phuy, xe tải.
- Bố trí hệ thống chữa cháy xách tay: Bình chữa cháy xách tay được đặt tại khu vực kho chứa chất thải nguy hại.
- Bố trí các biển hiệu, biển cảnh báo an toàn cháy nổ, biển hướng dẫn công tác chữa cháy tại khu văn phòng, dịch vụ công cộng
- Bố trí lực lượng chữa cháy: Bố trí người đã được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định.

*** Phòng ngừa, khắc phục sự cố cháy nổ do thiết bị điện**

- Cháy do dùng điện quá tải: Khi thiết kế chọn loại dây dẫn phù hợp với dòng điện;

- Khi sử dụng không được sử dụng thêm quá nhiều dụng cụ tiêu thụ điện có công suất lớn nếu mạng điện đó không tính được đến việc dùng thêm những dụng cụ khác.
- Chú ý kiểm tra nhiệt độ các máy móc thiết bị không để nóng quá mức quy định
- Những nơi cách điện bị đập, nhựa cách điện bị biến màu là những nơi dễ phát lửa khi dòng điện quá tải cần được thay dây mới.
- Khi sử dụng mạng điện và các máy móc thiết bị là phải có những bộ phận bảo vệ như cầu chì, role...

*** Phòng chống cháy do chập mạch**

- Khi mắc dây điện, chọn và sử dụng máy móc thiết bị điện phải đúng theo quy chuẩn kỹ thuật an toàn như dây điện trần phía ngoài nhà phải cách nhau 0,25m.
- Nếu dây dẫn tiếp xúc với kim loại sẽ bị mòn, vì vậy cấm dùng đinh, dây thép để buộc giữa dây điện
- Các dây điện nối vào phích cắm, đuôi đèn, máy móc phải chắc, gọn, điện nối vào mạch rẽ ở hai đầu dây nóng và nguội không được trùng lên nhau.

*** Phòng chống cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở)**

Để phòng chống cháy do nối dây không tốt, các điểm nối dây phải đúng kỹ thuật. Khi thấy nơi quấn băng dính bị khô và cháy sáng thì phải kiểm tra ngay và nối chặt lại điểm nối. Không được co kéo dây điện hay treo các vật nặng lên dây. Đường dây dẫn điện, các cầu chì, cầu dao không được để bị gi, nếu bị gi thì nơi gi là nơi phát nhiệt lớn.

*** Phòng cháy do tia lửa tĩnh điện**

Để đề phòng, cơ sở áp dụng truyền điện tích tĩnh điện đi bằng cách tiếp đất cho các thiết bị máy móc, các bể chứa các ống dẫn.

- Tăng độ ẩm tương đối của không khí ở trong các phân xưởng có nguy hiểm tĩnh điện lên 70% (vì phần lớn các vụ cháy nổ do tích điện gây ra khi độ ẩm của không khí thấp trong khoảng 30-40% và dẫn điện kém), ion hóa không khí để nâng cao tính dẫn điện của không khí.

*** Phòng chống cháy máy biến thế**

- Nếu máy biến thế làm việc quá công suất (hiện tượng ống bảo nhiệt độ hoặc đồng hồ sẽ chỉ số quá an toàn) nên kiểm tra nhiệt độ.
- Nếu thấy phía thành của nắp máy biến thế có hiện tượng khói trắng mờ, bình dầu phụ của máy biến áp có khói và mùi khét thì phải đình chỉ ngay hoạt động của máy. Bộ phận vận hành ca trực thông báo tới trạm trưởng, báo cáo lãnh đạo Trung tâm, liên hệ Tổ

trực vận hành Điện lực thành phố Dĩ An để tiến hành kiểm tra kỹ thuật. Trong quá trình kiểm tra, sửa chữa và khắc phục, trung tâm thông báo tới doanh nghiệp và khu vực lân cận. Đồng thời, nhanh chóng thay mới hoặc sửa chữa thiết bị để đảm bảo cho công tác vận hành tại hệ thống.

- Phòng đặt máy biến thế phải xây dựng bằng vật liệu không cháy, cửa cũng phải làm bằng vật liệu không cháy và mở ngoài. Trong các phòng có máy biến thế không được để những vật khác.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải

*** Biện pháp quản lý chất lượng nước thải của doanh nghiệp đầu nối**

- Doanh nghiệp đầu nối phải xây hố ga riêng trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu sản xuất.

- Hàm lượng chất ô nhiễm nước thải của các nhà máy trong Khu sản xuất đã qua hệ thống xử lý sơ bộ trước khi vào hệ thống thu gom nước thải của Khu sản xuất.

- Thường xuyên lấy mẫu nước thải đầu ra của doanh nghiệp trước khi vào hệ thống thu gom chung của Hệ thống XLNT tập trung (không thông báo trước) để phân tích, nhằm tránh trường hợp doanh nghiệp xả nước thải chưa xử lý hoặc xử lý chưa đạt sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động của Hệ thống XLNT tập trung.

*** Biện pháp khắc phục sự cố tại Hệ thống xử lý nước thải**

- Sự cố quá tải về lưu lượng nước thải: Hiện nay, 02 Hệ thống XLNT tập trung Công ty TNHH Liên Anh đang tiếp nhận và xử lý nước thải của 12 doanh nghiệp với lưu lượng khoảng 86,61 m³/ngày đêm (đạt khoảng 27% công suất thiết kế), do đó giai đoạn hiện nay sẽ không có hiện tượng quá tải về lưu lượng nước thải.

Trong trường hợp 01 trong 2 HT XLNT tập trung của Công ty TNHH Liên Anh gặp sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt Quy chuẩn hiện hành thì nước thải sẽ được kiểm soát và đóng van của hệ thống gặp sự cố, mở van cho nước chảy về hệ thống hoạt động bình thường để tiến hành xử lý và sẽ xả ra môi trường nếu đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Sự cố nồng độ ô nhiễm của nước thải đầu vào đột ngột tăng cao do sự cố trong xử lý nước thải của doanh nghiệp đầu nối:

+ Trong trường hợp vận hành chưa đạt công suất thiết kế: hiện nay chỉ vận hành xử lý khoảng 86,61 m³/ngày đêm (đạt khoảng 27 % công suất thiết kế) - do đó nước thải được lưu lại tại các bể để xử lý sự cố (tăng lượng hoá chất để xử lý và hoàn lưu nước tiếp

tục xử lý nếu nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn) và đề nghị doanh nghiệp đầu nối sớm có biện pháp khắc phục.

+ Trong trường hợp lượng nước thải tiếp nhận đạt khoản 70% công suất thiết kế: khi đó nước thải đầu vào sẽ được lưu trong hồ xử lý sự cố để xử lý đạt quy chuẩn và đề nghị doanh nghiệp đầu nối sớm có biện pháp khắc phục.

- Sự cố chất lượng nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn: Nếu chất lượng nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn, khi đó nước thải sau Bể lắng hoá lý sẽ được hoàn lưu về Bể Anoxic để tiếp tục xử lý.

- Sự cố tại các bể xử lý: thực hiện tốt chương trình quan trắc và tiến hành các hoạt động thường nhật sẽ giúp Trạm XLNT hoạt động tốt trong thời gian dài. Tuy nhiên, nếu có sự cố xảy ra, điều quan trọng là phải phân tích nguyên nhân để giải quyết sự cố. Dưới đây là một số sự cố thường gặp khi vận hành hệ thống XLNT cùng với nguyên nhân và hoạt động sửa chữa cần tiến hành:

Bảng 3. 10. Các sự cố có thể xảy ra của hệ thống XLNT và biện pháp khắc phục

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Song chắn	Mùi	Vật chất bị lắng trước khi tới song chắn	Loại bỏ vật lắng
	Tắc	Không làm vệ sinh sạch sẽ	Tăng lượng nước làm vệ sinh
Bể điều hoà	Mùi	Lắng trong bể	Tăng cường khuấy và sục khí
Bể Aeroten	Bọt trắng nổi lên bề mặt bể	Có quá ít bùn (thể tích bùn thấp)	Dùng lấy bùn dư
		Nhiễm độc tính (thể tích bùn bình thường)	Tìm nguồn gốc phát sinh để xử lý
	Bùn có màu đen	Có lượng oxi hoà tan (DO) quá thấp (yếm khí)	Tăng cường sục khí
	Bùn có chỉ số thể tích bùn cao	Lượng DO trong bể thấp	Kiểm tra sự phân bố khí và điều chỉnh
	Có bọt khí ở một số chỗ trong bể	Thiết bị phân phối khí bị nứt	Thay thế thiết bị phân phối khí
	Hiệu suất loại BOD hoà tan thấp	Thời gian cư trú của vi khuẩn trong bể quá ngắn	Tăng lượng bùn thải
		pH quá cao hoặc quá thấp	Trung hòa nước thải đầu vào

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
		Thiếu dưỡng chất N và P	Cung cấp thêm dưỡng chất cho nước thải đầu vào
		Nước thải đầu vào có chứa độc tố	Loại bỏ các chất độc trong nước thải đầu vào
		Sục khí không đủ	- Tăng công suất thiết bị sục khí - Phân bố lại các ống phân phối khí trong bể
		Khuấy đảo không đủ, "mạch ngắn"	- Tăng mức độ sục khí - Gắn thêm các đập phân phối nước
Bể lắng	Bùn đen trên mặt	Thời gian lưu bùn quá lâu	Loại bỏ bùn thường xuyên
	Có nhiều bông nổi ở dòng thải	Nước thải quá tải	Xây bể lớn hơn
		Máng tràn quá ngắn	Tăng độ dài của máng tràn
	Nước thải không trong	Khả năng lắng của bùn kém	Tăng lượng bùn trong bể hiếu khí

c. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Đối với công tác phòng cháy chữa cháy: Trang bị hệ thống phòng cháy nổ, bình CO₂. Định kỳ tổ chức tập huấn tại hiện trường. Tiến hành kiểm tra, sửa chữa và theo dõi định kỳ các thùng chứa và phương tiện vận chuyển. Nghiêm cấm sử dụng các phương tiện gây cháy trong quá trình thu gom bằng cách dán các biển cấm vào khu vực thu gom, thùng phuy, xe tải.

- Quá trình tập kết chất thải: Không được xếp cùng kho các loại chất thải có tính chất kỵ nhau hoặc có cách chữa cháy khác nhau. Tổ chức thông gió tốt cho khu vực lưu giữ để tránh tích tụ nồng độ đến mức nguy hiểm

- Đối với thùng chứa chất thải rắn: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn của bồn, thùng chứa, sắp xếp và bố trí gọn gàng khu vực kho chứa.

- Đối với công tác an toàn lao động: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom. Bố trí các thiết bị, dụng cụ và thuốc men cần thiết để kịp thời sơ cứu trước khi chuyển nạn đến các bệnh viện.

d. Phương án phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông

Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị, tập huấn đào tạo công nhân viên thành thạo trước khi đi vào vận hành, kiểm tra kỷ luật lao động thường xuyên và có các hình thức kỷ luật cụ thể nếu vi phạm về an toàn để nâng cao ý thức của cán bộ trong nhà máy.

e. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Quá trình vận hành HT XLNT sử dụng một số hóa chất (NaOH, phèn PAC, chất khử trùng Clorin) hỗ trợ cho công tác vận hành nhằm đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt chuẩn quy định, do đó sẽ không tránh khỏi xảy ra các sự cố về hóa chất.

*** Vận chuyển hóa chất**

Trước khi vận chuyển phải quan sát đường đi, không được để có vật gì làm cản trở lối đi vận chuyển hóa chất.

Bình chứa hóa chất nặng từ 10 kg trở lên phải có dụng cụ để khiêng hoặc dùng xe, không được mang, vác.

Khi vận chuyển axit, kiềm có nồng độ đậm đặc và có khối lượng lớn hơn 5 kg: phải khiêng hoặc dùng xe đẩy. Phải chứa axit và kiềm trong thùng kín chắc chắn, nếu để trên xe cần chèn chắc.

*** Sử dụng hóa chất**

Hoá chất lưu trữ có nhãn mác rõ ràng, đầy đủ các thông tin: tên hoá chất, nồng độ, có nhãn hiệu. Không sử dụng các loại hóa chất mất nhãn hiệu.

Khi sử dụng, tiếp xúc với các loại hoá chất phải sử dụng phương tiện bảo hộ thích hợp, nơi làm việc cần có biện pháp thông gió phù hợp.

Tuyệt đối không dùng miệng hút dung dịch hoá chất mà phải dùng dụng cụ chuyên dụng thích hợp.

Khi sửa chữa các thiết bị có kiềm, axit phải xả hết các dung dịch đó ra ngoài, dùng vòi nước rửa sạch hoặc mở nước cho chảy để rửa ống (nếu có trong ống) rồi mới sửa chữa.

Khi rửa các dụng cụ đựng chất độc phải đổ đầy nước từ hai đến ba lần để cho hơi còn lại trong dụng cụ thoát ra ngoài. Khi đổ đầy nước phải quay mặt đi chỗ khác để tránh hít phải hơi độc.

Tuyệt đối không ăn uống trong khi thao tác với hoá chất, đặc biệt là hoá chất độc hại; không để thức ăn trong khu vực làm việc. Chỉ được ăn uống khi đã rửa tay kỹ nhiều lần bằng xà bông và đã ra khỏi nơi làm việc.

Nghiêm cấm hút thuốc hay sử dụng các nguồn nhiệt gây nên cháy tại nơi làm việc có chất dễ cháy. Với công việc cần thiết dùng bếp đun thì phải dùng bếp có cách nhiệt và được cô lập.

*** Sự cố rò rỉ hóa chất**

Để tránh hiện tượng tràn đổ rò rỉ hóa chất, trong kho bảo quản sẽ sắp xếp các lô hóa chất ngay ngắn và theo từng khu vực riêng. Không xếp chồng các cal lên nhau hoặc xếp cao quá chiều cao quy định (<2m) có thể gây nghiêng đổ. Trong quá trình nhập kho sẽ kiểm tra kỹ bao bì, phuy cal chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ, rách thùng thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập kho. Cấm để ghè lau, ghè bẩn dính dầu mỡ trong kho, không hút thuốc hay mang các vật có khả năng gây cháy vào kho chứa hóa chất.

Các bồn chứa hoá chất pha để xử lý nước thải được làm bằng composite dạng trụ đứng thể tích 3m³ có khả năng chịu được sức ép bên trong và bên ngoài trong điều kiện bình thường, các bồn hoá chất được đặt nơi thoáng mát có mái che, có rãnh thu gom tránh hoá chất tràn ra ngoài.

*** Biện pháp ứng phó sự cố**

Mỗi loại hóa chất đều có đặc tính riêng, do đó khi sự cố xảy ra ta cần phải phán đoán chính xác các nguyên nhân để thực hiện các biện pháp ứng cứu kịp thời. Về cơ bản, nhiệm vụ chính của giai đoạn ứng cứu là làm thế nào để:

- Ngăn chặn sự lan truyền hậu quả và thiệt hại của sự cố, đưa các nạn nhân ra khỏi vùng sự cố, chuẩn đoán sơ bộ, cấp cứu, loại bỏ sự tiếp xúc với chất nguy hại và đưa nạn nhân đến bệnh viện.

- Hạn chế những thiệt hại do sự cố gây ra, tìm hiểu sơ bộ nguyên nhân xảy ra sự cố để khắc phục tại chỗ và có hướng giải quyết để ngưng ngay diễn tiến của sự cố.

- Hạn chế khối lượng cần làm sạch, xử lý sự cố.

- Loại bỏ các nguy cơ nghiêm trọng để có thể bắt đầu làm vệ sinh.

*** Vệ sinh sau sự cố**

Tùy vào sự cố và các tác nhân gây sự cố thực hiện các biện pháp vệ sinh thích hợp. Thông thường, các sự cố khẩn cấp dễ nhận biết cần giải quyết là cháy nổ và chất nguy hại bị rò rỉ hoặc đổ tràn. Các giai đoạn cần làm vệ sinh sau sự cố là:

- Khi chất nguy hại bị đổ vỡ hay rò rỉ nên giải quyết trực tiếp, khẩn trương và sau đó dùng tấm phủ che bảo vệ bằng chất liệu thích hợp.

- Chất lỏng bị tràn nên dùng cát và mùn cưa hút hết và không để lại bụi. Bụi mùn cưa được thu gom vào thùng kín và xử lý cùng với chất thải nguy hại.

- Đối với chất khí độc thoát ra do sự cháy hay rò rỉ nên được ứng phó bằng cách thông thoáng khu vực xung quanh và sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp cho người.

- Ngăn ngừa nạn ô nhiễm nước ngầm và nước mặt do chất thải nguy hại sinh ra trong quá trình xảy ra sự cố.

*** Tính chất, cách bảo quản và biện pháp sơ cứu một số hóa chất sử dụng tại Hệ thống XLNT**

❖ Chất khử trùng Canxi hypoclorit $\text{Ca}(\text{OCl})_2$

Tính chất: $\text{Ca}(\text{OCl})_2$ 10% ở dạng dung dịch. Là chất độc hại gây tổn thương da, mắt và hệ hô hấp...

Lưu ý: Lưu trữ trong thùng kín. Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp.

Biện pháp sơ cứu y tế khi bị tai nạn do tiếp xúc với $\text{Ca}(\text{OCl})_2$ 10%

- Tai nạn do tiếp xúc với mắt và trên da: Rửa thật kỹ bằng nước sạch trong 15 phút.

- Tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Chuyển nạn nhân tới nơi thoáng mát, hô hấp nhân tạo hoặc cho thở bình oxy nếu cần thiết và chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất.

- Tai nạn theo đường tiêu hóa: Không được nôn mửa sau đó cho uống nhiều nước và chuyển ngay tới bệnh viện.

Sau khi sơ cứu phải đến ngay cơ sở y tế, bệnh viện gần nhất

Biện pháp phòng ngừa ứng phó khi có sự cố:

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ và thích hợp theo tiêu chuẩn. Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước.

- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ và thích hợp theo tiêu chuẩn. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước, hoặc thấm chất còn lại bằng đất sét, và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc với Ca(OCl)₂ 10%: quần áo dài tay, găng tay an toàn hoá chất, giày bảo hộ, ủng cao su.

❖ Xút vẩy Sodium Hydroxide NaOH

Dạng tồn tại: chất rắn màu trắng (hút ẩm mạnh, dễ chảy rữa), không mùi

Tính chất khác xút vẩy:

- Hút ẩm mạnh, sinh nhiệt khi hòa tan vào nước. Do đó, khi hòa tan NaOH bắt buộc phải dùng nước lạnh.

- Mất ổn định khi tiếp xúc với các chất không tương thích, hơi nước, không khí ẩm.

- Phản ứng mạnh với kim loại.

- Có phản ứng với các loại chất khử, chất oxy hóa, acid, kiềm, hơi nước.

Tác hại: Tùy thuộc thời gian tiếp xúc:

- Gây đột biến: Gây đột biến các tế bào vú có thể gây ung thư vú. Hủy hoại các bộ phận: màng nhầy, hệ hô hấp, da, mắt

- Tiếp xúc da: Ăn mòn, gây kích thích (bong), và thấm qua da - Triệu chứng: ngứa, mọc vảy, tấy đỏ, bong.

- Tiếp xúc mắt: Hủy hoại thủy tinh thể hoặc gây mù - Triệu chứng: đỏ mắt, chảy nước mắt và ngứa.

- Hít bụi: Gây ảnh hưởng đến hệ hô hấp (triệu chứng: cháy nám phổi, hắt hơi, ho) hít quá nhiều có thể làm hỏng phổi, gây tắc thở, ngất hoặc thậm chí là chết.

- Nuốt, uống: Gây hại cho ruột - triệu chứng: giống như khi hít bụi NaOH

Sơ cứu:

- Mắt: rửa nước sạch liên tục trong ít nhất 15 phút (có thể dùng nước lạnh), nhanh chóng chuyển đến các cơ sở y tế.

- Da: rửa nước sạch, nếu nghiêm trọng phải rửa bằng xà phòng, bôi kem chống nhiễm khuẩn. Chuyển ngay đến cơ sở y tế.

- Hít nhầm: Đưa ra nơi an toàn, thoáng khí. Nới rộng hoặc gỡ bỏ bớt trang phục. Hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở. Cho thở oxy nếu khó thở. Nhanh chóng đưa đi bệnh viện.

- Nuốt: Không ép nạn nhân nôn mửa, trừ khi là nhân viên y tế. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng nạn nhân. Nới lỏng trang phục. Chuyển cấp cứu y tế.

*** Tuân thủ các quy định về quản lý an toàn hoá chất**

Bên cạnh các biện pháp phòng chống sự cố, Công ty đã lập Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất của dự án gửi Sở Công thương tỉnh Hậu Giang theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017.

Cán bộ tiếp nhận vận hành có trình độ chuyên môn và phổ biến kiến thức về hoá chất sử dụng tại Trạm XLNT cho người lao động.

Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất theo đúng quy định.

Thông báo kịp thời cho tổ chức cá nhân cung cấp hoá chất, cơ quan quản lý hoá chất khi phát hiện các biểu hiện về đặc tính nguy hiểm mới của hoá chất sử dụng.

Chấp hành các yêu cầu kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về an toàn hoá chất.

Bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và môi trường trong quá trình sử dụng và bảo quản hoá chất.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Không có.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Không có

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên tại Hệ thống xử lý nước thải.

+ Nguồn số 02: Nguồn nước thải thu gom, đầu nối xử lý từ các Doanh nghiệp thứ cấp thuê nhà xưởng, kho bãi của Công ty TNHH Liên Anh.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 320 m³/ngày đêm

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Tư Ngõi, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Tương ứng với dòng nước thải sau 02 hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung có công suất lần lượt là 120 m³/ngày đêm và 200 m³/ngày đêm (thu gom, xử lý nước thải từ các nguồn số 01, 02) sau đó chảy ra suối Tư Ngõi theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1209710; Y = 0691093 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰).

Điểm xả nước thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng thải số 01: Lưu lượng xả lớn nhất 320 m³/ngày đêm.

1.2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp sau xử lý xả ra suối Tư Ngõi theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

1.2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Xả liên tục 24 giờ/ngày.

1.2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong đó:

Bảng 4. 1. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Đầu ra (QCVN 40:2011/BTNMT-cột A với K _q =0,9; K _f = 1,1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Lưu lượng đầu vào, đầu ra	m ³ /h	Lưu lượng xả thải tối đa của dòng thải	03 tháng/lần (theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2.	Nhiệt độ	°C	40		
3.	pH	-	6 - 9		
4.	COD	mg/l	90		
5.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	60		
6.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
7.	Amoni (tính theo Nito)	mg/l	5		
8.	Tổng Nitơ	mg/l	24		
9.	Tổng Photpho	mg/l	4,8		
10.	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không có.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có)

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Khu vực bơm hóa chất tại HT XLNT 120m³/ngày đêm.
- + Nguồn số 02: Khu vực bơm hóa chất tại HT XLNT 200m³/ngày đêm.
- + Nguồn số 03: Khu vực máy ép bùn.
- + Nguồn số 04: Khu vực máy thổi khí HT XLNT 120m³/ngày đêm.
- + Nguồn số 05: Khu vực máy thổi khí HT XLNT 200m³/ngày đêm.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- + Nguồn số 01: tọa độ: X= 1209715; Y= 0691099,
- + Nguồn số 02: tọa độ: X= 1209732; Y=0691086,
- + Nguồn số 03: tọa độ: X= 1209720; Y= 0691088,
- + Nguồn số 02: tọa độ: X= 1209730; Y= 0691074,
- + Nguồn số 03: tọa độ: X= 1209711; Y= 0691085.

“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).

3.3. Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4. 2. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

Bảng 4. 3. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt
2	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, tuy nhiên theo quy định về quản lý chất thải tại Luật bảo vệ môi trường, chủ dự án đăng ký phát sinh các loại chất thải sau:

4.1. Chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	2
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5
3	Các loại Dầu, mỡ thải	16 01 08	3
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2
	Tổng cộng (kg/năm)		12

4.2. Chất thải rắn thông thường

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng 9.865 kg/năm.

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

+ Rác sinh hoạt phát sinh từ công nhân vận hành trạm xử lý: 0,96 Tấn/năm.

“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tọa lạc tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ 02 năm liên tiếp của nhà máy như sau:

- Vị trí giám sát: 01 điểm nước thải sau hệ thống xử lý của Công ty Liên Anh trước khi xả vào suối Tư Ngời;
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng Nitơ, Tổng Phot pho, Dầu mỡ động thực vật, Coliform;
- Tần suất quan trắc: 4 đợt/năm;
- Loại quan trắc: quan trắc chất phát thải;
- Thời gian quan trắc từng năm như sau:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải theo quý năm 2022 và 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả năm 2022				Kết quả năm 2023				QCVN 40:2011/BTNMT Cột A (Kq = 1,1; Kf = 0,9)
			Đợt 1 01/03/2022	Đợt 2 08/06/2022	Đợt 3 12/09/2022	Đợt 4 01/12/2022	Quý 1 01/03/2023	Quý 2 02/06/2023	Quý 3 06/09/2023	Quý 4 05/12/2023	
1	Độ pH	--	7,18	7,21	7,22	7,14	7,25	7,16	7,06	6,78	6 – 9
2	TSS	mg/L	29	27	31	29	31	32	28,5	29	50
3	BOD5	mgO2/L	25,3	26,5	26,7	27,4	27,9	28,5	28,3	27,6	30

“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả năm 2022				Kết quả năm 2023				QCVN 40:2011/BTNMT Cột A (Kq = 1,1; Kf = 0,9)
			Đợt 1 01/03/2022	Đợt 2 08/06/2022	Đợt 3 12/09/2022	Đợt 4 01/12/2022	Quý 1 01/03/2023	Quý 2 02/06/2023	Quý 3 06/09/2023	Quý 4 05/12/2023	
4	COD	mgO ₂ /L	54,7	57,8	58,2	59,6	61,7	62,3	60,7	60,4	75
5	Tổng Nito	mg/L	7,25	7,74	7,36	7,59	7,73	7,89	7,94	7,45	20
6	Tổng Phospho	mg/L	1,52	1,83	1,71	1,73	1,86	1,94	1,89	1,79	4
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	0,74	0,92	0,89	0,84	0,92	1,02	0,95	0,91	-
8	Tổng Coliform	MPN/100mL	2.400	2.500	2.500	2.300	2.500	2.600	2.500	2.400	3.000

- **Nhận xét:** Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Liên Anh cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt so với quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (Kq = 0,9; Kf = 1,1).

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Căn cứ theo quy định tại Điểm c và d, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Quan trắc nước thải: Căn cứ theo khoản 2, điều 111 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và điều 97 nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform.

+ Số lượng vị trí quan trắc: 03 vị trí

+ Loại mẫu: Nước thải, mẫu đơn

+ Vị trí mẫu:

NT-1: Mẫu nước thải trước xử lý, tại bể gom nước thải;

NT-2: Nước thải sau hệ thống xử lý 120m³/ngày đêm, trước khi vào nguồn tiếp nhận;

NT-3: Nước thải sau hệ thống xử lý 200m³/ngày đêm, trước khi vào nguồn tiếp nhận.

+ Quy chuẩn so sánh hiện hành: QCVN 40:2021/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, hệ số K_q=0,9; K_f=1,1.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Quan trắc khí thải: Căn cứ theo khoản 2, điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và khoản 3 điều 98 nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với khí thải.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

*“Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m²
tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương”*

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

STT	Hạng mục	Số lượng	Chi phí giám sát môi trường (VNĐ)
1	Giám sát môi trường nước thải	Toàn bộ	10.000.000
2	Nhân công	Toàn bộ	2.000.000
3	Vận chuyển	Toàn bộ	2.000.000
4	Thu thập số liệu và viết báo cáo	Toàn bộ	3.000.000
Tổng cộng			17.000.000

Tổng chi phí dự kiến khoảng 17.000.000 VNĐ (Mười bảy triệu đồng).

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian 02 năm gần nhất (từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023) cơ sở chưa có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Thực hiện đúng theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, các nội dung quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chủ cơ sở cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Chất lượng nước thải đầu ra của HT XLNT TT công suất lần lượt là 120 m³/ngày.đêm và 200 m³/ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi dẫn ra nguồn tiếp nhận là suối Tư Ngời.

- Công ty cam kết sẽ không xả nước thải dưới bất kỳ hình thức và vị trí nào khác ngoài những vị trí, số lượng và chế độ xả thải đã trình bày trong báo cáo.

- Thường xuyên giám sát chặt chẽ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải và vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình, đúng công suất nhằm đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm đạt tiêu chuẩn cho phép. Đảm bảo công tác bảo dưỡng định kỳ cho các hệ thống xử lý.

- Trong trường hợp xảy ra các sự cố, Công ty sẽ nhanh chóng khắc phục như kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác động đến nguồn tiếp nhận. Bom nước thải về lưu chứa tại các bể và quay vòng lại để xử lý đạt chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là suối Tư Ngời.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, môi trường làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân trong khu vực, Công ty cam kết tổ chức bồi thường thiệt hại đầy đủ.

- Quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành của cơ sở. Thực hiện đầy đủ các chương trình quản lý môi trường, giám sát môi trường như đã đề xuất trong báo cáo.

Cam kết thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, chủ đầu tư, đơn vị quản lý, vận hành cam kết thực hiện đầy đủ công tác bảo vệ môi trường như:

- Cam kết thực hiện chương trình quan trắc môi trường tại chương VI
- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam và không vi phạm các Công ước Quốc tế, cam kết không để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.
- Công ty cam kết sẽ di dời, chuyển công năng theo đúng thời hạn cho thuê đất và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất theo quy định của UBND tỉnh Bình Dương.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1
PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700530897

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 05 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 18 tháng 01 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: LIANCO.

2. Địa chỉ trụ sở chính

189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743.752528

Fax: 02743.752558

Email: info@lienanhvietnam.com

Website: www.lienanhvietnam.com

3. Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRƯƠNG THỊ THÚY LIÊN	Việt Nam	Số 48, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20.000.000.000	40,000	045151002835	
2	TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH	Việt Nam	Số 377, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20.000.000.000	40,000	048143000114	

3	LÊ ĐÌNH BỬU TRIỂN	Việt Nam	Số 377, Hai Bà Trung, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	10.000.000.000	20,000	079075019310	
---	----------------------	----------	--	----------------	--------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐÌNH BỬU TRIỂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 17/02/1975 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079075019310

Ngày cấp: 01/05/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 377, Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 377, Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam

K.T. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Ngọc Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4683/UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày 3 tháng 10 năm 2005

Về Chợ nguyên phụ liệu dệt may
và da giày và Kho ngoại quan
của Công ty TNHH Liên Anh

Kính gửi : - Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Cục Hải quan Bình Dương
- Sở Thương mại-Du lịch
- Công ty TNHH Liên Anh

Xét đề nghị của Công ty TNHH Liên Anh tại văn thư ngày 28/9/2005, ý kiến của Bộ Thương mại tại công văn số 1996/TM-TTTN ngày 26/4/2005, về việc đầu tư thành lập Chợ nguyên phụ liệu dệt may và da giày và Kho ngoại quan, thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Về chủ trương, chấp thuận cho Công ty TNHH Liên Anh được đầu tư thành lập Chợ nguyên phụ liệu dệt may và da giày và Kho ngoại quan tại ấp Tân Phú, xã Tân Bình, huyện Dĩ An.

- Công ty TNHH Liên Anh cần lập hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền xem xét và phê duyệt theo đúng trình tự thủ tục quy định hiện hành.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận
- Như trên,
- LDVP,
Lưu VP, Chí

Ch41005



Trần Văn Lợi

1/2

1/2

1/2

1. The first part of the report is devoted to a general survey of the situation in the country.

2. The second part is devoted to a detailed study of the various branches of the economy.

3. The third part is devoted to a study of the social and cultural life of the country.

4. The fourth part is devoted to a study of the political situation in the country.

5. The fifth part is devoted to a study of the international relations of the country.

6. The sixth part is devoted to a study of the future prospects of the country.

7. The seventh part is devoted to a study of the conclusions and recommendations.

8. The eighth part is devoted to a study of the bibliography.

9. The ninth part is devoted to a study of the appendixes.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 386 /UBND-KTTH

Bình Dương, ngày 06 tháng 11 năm 2014

V/v Công ty TNHH Liên Anh
đầu tư cho thuê lại nhà xưởng
để các doanh nghiệp hoạt động
sản xuất kinh doanh

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Công ty TNHH Liên Anh.

Xét nội dung báo cáo và kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 360/BC-SKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2014 về việc Công ty TNHH Liên Anh cho thuê lại nhà xưởng để các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Liên Anh được đầu tư nhà xưởng cho các doanh nghiệp thuê lại để hoạt động với các ngành nghề sản xuất, gia công dệt may, da giày, ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành dệt may, da giày tại khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (theo chủ trương tại Công văn số 4683/UBND-KTTH ngày 03/10/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Thời hạn cho thuê lại nhà xưởng để thực hiện dự án là 05 (năm) năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương.

2. Nhà đầu tư liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan để được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về đất đai và xây dựng công trình theo quy định; đảm bảo các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: CT, TNMT, XD;
- UBND TX. Dĩ An;
- LĐVP, (Tr, Lg) Tạo, Hg, KTN;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Lê Thanh Cung

100
101
102

103

104

105

106

107

108

109

110

111

112

113

114

115

116

117

118

119

120

121

122

123

124

125

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 5893/UBND-KT

Bình Dương, ngày 02 tháng 12 năm 2020

V/v gia hạn thời gian cho thuê
nhà xưởng của Công ty TNHH
Liên Anh

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Công ty TNHH Liên Anh.

Căn cứ Thông báo số 293/TB-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung cuộc họp giao ban Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét nội dung báo cáo và kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 507/BC-SKHĐT ngày 03/11/2020 về việc gia hạn thời gian cho thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất theo nội dung đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư, chấp thuận cho Công ty TNHH Liên Anh gia hạn thời gian cho thuê lại nhà xưởng để các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Đề nghị Công ty TNHH Liên Anh thực hiện di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc chuyển đổi công năng phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh sau khi hết thời gian gia hạn cho thuê nhà xưởng như đã nêu trên./. *✓*

Nơi nhận:

- CT và các PCT;
- Như trên;
- Các Sở: TNMT, XD, CT, CA tỉnh;
- UBND thành phố Dĩ An;
- LĐVP (Lg, Th), Tạo, Tiến, TH;
- Lưu VT *7*

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI...
Số chứng thực: 20237. Nguồn số: 12 SCT/B

Nguyễn Thanh Trúc

NGÀY: 12-11-2021



Nguyễn Chí Nguyễn

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT

1954

CHICAGO, ILL.

TO THE PRESIDENT OF THE UNIVERSITY OF CHICAGO

FROM THE PHYSICS DEPARTMENT

RE: [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3/10 /STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày 16 tháng 7 năm 2020

V/v xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ
môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường
chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh

Kính gửi: Công ty TNHH Liên Anh

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Báo cáo hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Công ty TNHH Liên Anh đã thực hiện các nội dung của Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015, cụ thể:

- Đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.

- Đã lắp đặt đường ống nhựa đường kính từ 60 -114mm để thu gom nước mưa từ các mái nhà xưởng dẫn xuống các cống tròn bê tông cốt thép đường kính từ 400 -1.200mm dọc theo nhà xưởng, sau đó thải ra suối Tư Ngõi.

- Đã lắp đặt ống nhựa đường kính từ 60 -90mm để thu gom nước thải từ các doanh nghiệp về công trình xử lý nước thải tập trung.

- Đã đầu tư xây dựng 02 công trình xử lý nước thải tập trung với công suất xử lý lần lượt là 120m³/ngày (công trình 01) và 200 m³/ngày (công trình 02) theo quy trình sau: Nước thải sinh hoạt => Bể thu gom => Bể điều hòa => Bể anoxic => Bể Aeroten có giá thể => Bể lắng sinh học => Bể trung gian kết hợp khử trùng => Bồn lọc áp lực => Nguồn tiếp nhận (suối Tư Ngõi).

+ Chế độ vận hành: vận hành liên tục 24/24 giờ.

+ Hóa chất sử dụng: Chlorine, mật rỉ đường.

Tại thời điểm kiểm tra, nước thải sau công trình xử lý của Công ty đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường (QCVN 40:2011/BTNMT cột A với K_q= 0,9; K_f= 1,1); riêng chỉ tiêu pH thấp hơn so với quy định (pH = 5,4), kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 2939/KQ-TTQTKT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

- Đã bố trí nhà chứa có diện tích 04m² để chứa chất thải nguy hại, cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các CTNH định kỳ được chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đã bố trí các thùng chứa rác có dung tích 120 lít để lưu chứa chất thải rắn thông thường và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

2. Các công trình bảo vệ môi trường đã được thay đổi, điều chỉnh so với phương án đề xuất trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt:

So với Đề án bảo vệ môi trường đã phê duyệt thì quy trình xử lý nước thải không thay đổi nhưng Công ty đã đầu tư tách riêng 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt ($120\text{m}^3/\text{ngày}$ và $200\text{m}^3/\text{ngày}$) thay cho 01 công trình xử lý $280\text{m}^3/\text{ngày}$.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty TNHH Liên Anh trong quá trình hoạt động phải:

- Vận hành các công trình xử lý chất thải tuân thủ đúng quy trình, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quan trắc chất lượng môi trường định kỳ hàng quý và lập báo cáo giám sát môi trường theo quy định gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường để kiểm tra, xem xét.

- Duy trì kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trong quá trình vận hành nếu có sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra làm ô nhiễm môi trường, cơ sở phải chủ động xử lý, khắc phục ngay và có báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Liên Anh để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TN&MT tp Dĩ An;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mh4.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM .
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/17/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết
Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8m²
tại 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình,
thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Liên Anh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8m² tại 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Liên Anh;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8m² đã được hoàn chỉnh gửi kèm văn bản ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Công ty TNHH Liên Anh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 642/TTr-STNMT ngày 11 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8m² tại 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Liên Anh với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, ngành nghề, công suất hoạt động:

BÌNH DƯƠNG

1.1. Vị trí thực hiện: 189/8 đường LA Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.2. Ngành nghề hoạt động: cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

1.3. Quy mô, công suất: tổng diện tích 158.748,8m².

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Công ty:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường.

2.3. Trong thời hạn tối đa là ba (03) tháng kể từ ngày ký Quyết định này phải hoàn thành việc xây dựng các biện pháp bảo vệ môi trường. Thời hạn vận hành thử nghiệm không quá sáu (06) tháng; việc kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, báo cáo kết quả thực hiện đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng về hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($k_a=0,9$; $k_f=1,1$).

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường.

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

3.3. Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tổ chức giám sát chất thải với tần suất tối thiểu 3 tháng 01 lần; định kỳ tổng hợp báo cáo giám sát môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

- Lắp đặt máng đo thủy lực để quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 28 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 29 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3.4. Các yêu cầu khác:

- Chỉ thu hút đầu tư các ngành sản xuất (sản xuất, gia công dệt may, da giày, ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành dệt may, da giày) theo đúng chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 3867/UBND-KTTH ngày 06 tháng 11 năm 2014.

- Quy định cụ thể đối với các đơn vị thuê nhà xưởng về việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thông qua hợp đồng trách nhiệm.

- Báo cáo bằng văn bản tiến độ thực hiện đề án chi tiết theo thời hạn quy định tại mục 2.3 của Quyết định này đến Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

- Sau khi hoàn thành toàn bộ các công trình bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Quyết định phê duyệt đề án chi tiết, Công ty phải gửi văn bản báo cáo hoàn thành toàn bộ các công trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận.

Điều 2. Báo cáo bằng văn bản và chỉ được thực hiện những thay đổi liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Điều 3. Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty.

Điều 4. Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xem xét giải quyết các điều chỉnh và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án báo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, Người đại diện pháp luật Công ty TNHH Liên Anh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở: TN&MT, XD, KH&ĐT;
- UBND thị xã Dĩ An;
- Công ty TNHH Liên Anh;
- LĐVP (Nh, Lg), Tiến, TH;
- Lưu: VT. *N*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Trần Văn Nam



Ủy ban nhân dân tỉnh
Binh Dương
01.11.2021 14:44:03
+07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /GP-UBND

Bình Dương, ngày 04 tháng 11 năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Công ty TNHH Liên Anh và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 285/TTr-STNMT ngày 26 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Liên Anh, địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Tư Ngời – rạch Ông Tiếp - sông Đồng Nai;



2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải vào suối Tư Ngời: X: 1209710 ; Y: 0691093

- Địa chỉ: phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m³/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q=0,9$; $k_r=1,1$ đối với các thông số pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Amoni, Coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Liên Anh :

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Tư Ngời cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.

- Thông số quan trắc: các chỉ tiêu pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Amoni, Coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty TNHH Liên Anh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Liên Anh còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND Tỉnh;
- Cục QLTTN;
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Dĩ An;
- Cty TNHH Liên Anh;
- LĐVP (Dg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VT, 4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Mai Hùng Dũng

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 17 tháng 01 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 186 /GPXD

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Tân Phú, Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà kho mở rộng.
- Bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TMB 01; KT (01-05); KC (01-07).
- Do Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng PAP lập.
- Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng công trình: Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
 - + Mật độ xây dựng: 60%; Hệ số sử dụng đất 0,70.
 - + Chỉ giới đường đỏ: 11m tính từ tim đường Lê Hồng Phong.
 - + Chỉ giới xây dựng: 15m tính từ tim đường Lê Hồng Phong.
 - + Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị các công trình theo mặt bằng tổng thể.

* Công trình - Nhà kho mở rộng:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Diện tích xây dựng: 2.370,2m².
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): ±0,00m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 11,24m; Số tầng: 01 tầng.
- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; Khung cột, vì kèo bằng thép; Mái lợp tôn; Tường xây gạch phía trên ốp tôn; Nền bê tông.
- Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế tường rào bằng cọc bê tông cốt thép, hệ thống phòng cháy chữa cháy, thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 163211 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CT00471) ngày 13/9/2010 do UBND tỉnh Bình Dương cấp



cho Công ty TNHH Liên Anh, diện tích 141.836,1m²; Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; Thời hạn sử dụng đến 27/4/2053 (SKC).

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, M.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



The first part of the paper is devoted to a review of the literature on the topic. The second part presents the results of the empirical analysis. The third part discusses the implications of the findings. The fourth part concludes the paper.

References

[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]

[11] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [19] [20]

[21] [22] [23] [24] [25] [26] [27] [28] [29] [30]

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 208 /GPXD

Căn cứ công văn số 4683/UBND-KTTH ngày 03/10/2005 và công văn số 6656/UBND-KTTH ngày 29/12/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về dự án và về xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Liên Anh.

I. Cấp cho: Công ty trách nhiệm hữu hạn Liên Anh.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Tân Phú- xã Tân Bình- huyện Dĩ An- tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000466 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 02/05/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 22/12/2003.

II. Được phép xây dựng công trình: Xưởng sản xuất và gia công giấy da, may mặc các loại ...theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật do Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế và xây dựng Đất Việt lập, gồm các hạng mục sau:



1/ Nhà xưởng và nhà ăn:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp III, có gác lửng.
- Diện tích nền tầng trệt: $20m \times 90m = 1.800m^2$. Diện tích sàn gác: $6m \times 10m = 60m^2$. Tổng diện tích: $1.860m^2$.
- Cấu trúc: Móng, khung cột, sàn gác bằng bê tông cốt thép. Nền, sàn lát gạch ceramic. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tole, xà gỗ thép, kèo thép. Cửa kính khung nhôm, cửa sắt bọc tole.

2/ Ký túc xá 1, 2, 3 và 4:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp III.
- Diện tích:
 - + Diện tích ký túc xá 1: $16m \times 45m = 720m^2$.
 - + Diện tích ký túc xá 2: $16m \times 37m = 592m^2$.
 - + Diện tích ký túc xá 3: $16m \times 45m = 720m^2$.
 - + Diện tích ký túc xá 4: $8,75m \times 19m = 166,25m^2$.

- Cấu trúc: Móng, khung cột bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tole, xà gỗ thép, trần nhựa. Cửa đi kính khung sắt, cửa sổ kính khung nhôm.

3/ Khu vệ sinh, giặt đồ:

- Qui mô: Nhà trệt, cấp IV.
- Diện tích ô-ôm x 24m = 96m².
- Cấu trúc: Móng, cột gạch. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tole, xà gỗ thép. Cửa đi sắt kính, cửa sổ nhôm kính.

4/ Hạ tầng:

- Công trình có thiết kế hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

III. Địa điểm xây dựng công trình:

- Công trình được xây dựng trên khu đất có diện tích 138.292,6m².
- Tọa lạc tại: xã Tân Bình- huyện Dĩ An- tỉnh Bình Dương.
- Vị trí:
 - + Đông Bắc giáp: Đất Đỗ Văn Sấm, Nguyễn Văn Thành Đăng, Phan Văn Chang.
 - + Nam giáp: Từ Thị Lắc.
 - + Tây Nam giáp: Đường đất, đất Công ty TNHH Đại Quang.
 - + Tây Bắc giáp: Đất Lê Kim Huê, Đặng Văn Lắm, Phạm Thị Kim Loan.
 - + Đông Nam giáp: đất Trừ Văn Tấn, Tống Thị Trong, Đặng Văn Lâm.
- Theo chứng nhận quyền sử dụng đất số 119 QSDĐ/2004 ngày 27/4/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp, kèm theo hợp đồng thuê đất số 563/HĐ.TĐ ngày 09/6/2004.
- Chỉ giới xây dựng: định vị theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo quy chuẩn xây dựng hiện hành do nhà nước quy định.

IV. Những điều cần lưu ý:

A/ Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.

B/ Chủ đầu tư phải thực hiện các điều sau đây:

- Những điều chỉnh bổ sung thiết kế trước khi khởi công xây dựng công trình: Bổ sung hệ thống thoát nước cho công trình.

- Thực hiện đúng theo nội dung công văn số 47/TĐ-PCCC ngày 23/01/2006 của phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh Bình Dương, công văn số 67/PXN-TNMT ngày 15/01/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

- Chủ đầu tư, đơn vị thiết kế, đơn vị thi công tự chịu trách nhiệm về chất lượng và độ an toàn bền vững của công trình.

- Khi xây dựng không được làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và các công trình kỹ thuật hạ tầng của khu vực.

- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư và xây dựng và giấy phép xây dựng này.

- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

- Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và yết báo phối cảnh công trình, số giấy phép, tên đơn vị thiết kế, tên đơn vị thi công, ngày hoàn thành tại địa điểm xây dựng công trình.

- Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

- Khi xây dựng xong và làm đầy đủ thủ tục thuê đất theo quy định thì Chủ đầu tư mới được phép lập hồ sơ hoàn công. Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản kiểm tra công trình mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.

C/ Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ký; quá thời hạn trên thì phải xin giấy phép gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu phòng KTKT.
- VP. (để lưu).



Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2006
GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Văn Nhiều

25



SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- 000 -----

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 313 /GPXD

Căn cứ công văn số 4683/UBND-KTTH ngày 03/10/2005 và số 6656/UBND-KTTH ngày 29/12/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về dự án sản xuất và xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Liên Anh.

I. Cấp cho: Công ty trách nhiệm hữu hạn Liên Anh.

Địa chỉ trụ sở chính: ấp Tân Phú- xã Tân Bình- huyện Dĩ An- tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000466 do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 02/5/2002, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 22/12/2003.

II. Được phép xây dựng công trình: Nhà văn phòng và chợ nguyên phụ liệu theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật do Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế và xây dựng Đất Việt lập, gồm các hạng mục sau đây:

1/ Văn phòng: nhà 2 tầng

- Quy mô: Nhà trệt, cấp III.
- Diện tích nền tầng trệt: $(30m \times 84m) = 2.520m^2$. Diện tích sàn lầu: $(20m \times 84m) = 1.680m^2$. Tổng diện tích: $4.200m^2$.
- Cấu trúc: Móng, khung cột, sàn lầu, cầu thang, cửa sổ, cửa ra vào bằng bê tông cốt thép. Nền, sàn lát gạch ceramic, tường sơn nước. Cửa kính khung nhôm.

2/ Nhà kho:

- Quy mô: Nhà 1 tầng, cấp III.
- Diện tích $80m \times 108m = 8.640m^2$.
- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông xoa phẳng. Tường xây gạch sơn nước cao 5m, phía trên ốp tole. Mái lợp tole, xà gỗ thép, cột khung, kèo thép. Cửa kính khung sắt.

Bùi Văn Ngời

3/ Chợ nguyên liệu:

- Quy mô: Nhà 1 tầng, cấp III.
- Diện tích: $(48m \times 270m) + (72m \times 84m) = 19.008m^2$.
- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông xoa phẳng. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tole, xà gỗ thép, cột khung, kèo thép. Cửa kính khung nhôm.

III. Địa điểm xây dựng công trình:

- Công trình được xây dựng trên khu đất có diện tích 138.292,6m².
- Tọa lạc tại: xã Tân Bình- huyện Dĩ An- tỉnh Bình Dương.
- Vị trí:
 - Phía Đông bắc giáp: đất Đỗ Văn Sấm, Nguyễn Văn Thành Đăng, Phan Văn Chang.
 - Phía Tây Nam giáp: đường đất, đất Công ty TNHH Đại Quang.
 - Phía Tây Bắc giáp: đất Lê Kim Huê, Đặng Văn Lâm, Phạm Thị Kim Loan.
 - Phía Đông Nam giáp: đất Trừ Văn Tấn, Tống Thị Trong, Đặng Văn Lâm.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 119/QSĐĐ/2004 ngày 21/4/2004 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, kèm theo hợp đồng thuê đất số 653/HĐ.TĐ ngày 09/6/2004.

- Chỉ giới xây dựng: định vị theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo quy chuẩn xây dựng hiện hành do nhà nước quy định.

IV. Những điều cần lưu ý:

A/ Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.

B/ Chủ đầu tư phải thực hiện các điều sau đây:

- Bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy, điện chiếu sáng, cấp thoát nước và thu lồi chống sét.
- Thực hiện đúng theo công văn số 67/PXN-TNMT ngày 15/01/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.
- Phải liên hệ phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy- Công an tỉnh Bình Dương để được hướng dẫn thực hiện.
- Khi xây dựng không được làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và các công trình kỹ thuật hạ tầng của khu vực.

- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư và xây dựng và giấy phép xây dựng này.

- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

- Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và yết báo phối cảnh công trình, số giấy phép, tên đơn vị thiết kế, tên đơn vị thi công, ngày hoàn thành tại địa điểm xây dựng công trình.

- Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

- Khi xây dựng xong, chủ đầu tư phải báo cho cơ quan cấp phép lập hồ sơ hoàn công. Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản kiểm tra công trình mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.

- Công trình Nhà văn phòng và chợ nguyên phụ liệu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Liên Anh chỉ được cấp sở hữu và đưa vào hoạt động khi có văn bản thẩm định của Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh Bình Dương.

C/ Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ký; quá thời hạn trên thì phải xin giấy phép gia hạn.

Bình Dương, ngày 06 tháng 05 năm 2006

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu phòng KTKT.
- VP. (để lưu).



Nguyễn Văn Nhiều



1. The first thing I noticed when I stepped out of the plane was the fresh air. It felt like a breath of new life after being cooped up in a small, cramped space for hours. The sun was shining brightly, and the birds were chirping happily. I took a deep breath and smiled at the world around me.

2. As I walked through the airport, I saw many people with luggage, some looking tired and others excited. I felt a sense of anticipation and nervousness. I had heard that the trip would be amazing, but I wasn't sure what to expect. I took a deep breath and walked towards the exit.

3. The moment I stepped out of the airport, I felt like I had entered a new world. The air was so fresh, and the sun was so warm. I took a deep breath and smiled at the world around me. I felt like I had reached a new beginning.

4. I walked towards the exit, feeling a sense of anticipation and nervousness. I had heard that the trip would be amazing, but I wasn't sure what to expect. I took a deep breath and walked towards the exit.

5. The moment I stepped out of the airport, I felt like I had entered a new world. The air was so fresh, and the sun was so warm. I took a deep breath and smiled at the world around me. I felt like I had reached a new beginning.

6. I walked towards the exit, feeling a sense of anticipation and nervousness. I had heard that the trip would be amazing, but I wasn't sure what to expect. I took a deep breath and walked towards the exit.

7. The moment I stepped out of the airport, I felt like I had entered a new world. The air was so fresh, and the sun was so warm. I took a deep breath and smiled at the world around me. I felt like I had reached a new beginning.

8. I walked towards the exit, feeling a sense of anticipation and nervousness. I had heard that the trip would be amazing, but I wasn't sure what to expect. I took a deep breath and walked towards the exit.

9. The moment I stepped out of the airport, I felt like I had entered a new world. The air was so fresh, and the sun was so warm. I took a deep breath and smiled at the world around me. I felt like I had reached a new beginning.

10. I walked towards the exit, feeling a sense of anticipation and nervousness. I had heard that the trip would be amazing, but I wasn't sure what to expect. I took a deep breath and walked towards the exit.

gag.

BẢN SAO

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 412 / GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Liên Anh.

Địa chỉ: Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000466, đăng ký lần đầu ngày 02/5/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/8/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà xưởng. Công trình cấp III.
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 163211; vào sổ số CT00471 ngày 13/9/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp với diện tích: 141.836,1m².
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,8m so với cốt sân.
- Chỉ giới đường đỏ (CGĐĐ), chỉ giới xây dựng (CGXD):
(CGĐĐ): tính từ đường nhựa đến hàng rào tối thiểu là 21m.
(CGXD): tính từ đường nhựa đến chân hàng mục công trình đầu tiên tối thiểu là 28m.

2.1- Nhà xưởng 1:

- Qui mô: Nhà 1 tầng.
- Diện tích: $(12 \times 35) = 420\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường ốp tole. Cột, khung kèo, xà gỗ thép. Mái lợp tole. Cửa kính khung sắt, cửa sắt đẩy.

2.2- Nhà văn phòng:

- Qui mô: Nhà 1 tầng.
- Diện tích: $(10 \times 15) + (1,95 \times 5) = 159,75\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tole, xà gỗ thép, kèo thép. Cửa kính khung nhôm.

2.3- Nhà bảo vệ:

- Qui mô: Nhà 1 tầng.
- Diện tích: $(4 \times 3) = 12\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, khung cột, mái bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch sơn nước. Cửa kính khung nhôm.

2.4- Nhà ăn:



- Qui mô: Nhà 1 tầng.
- Diện tích: $(4 \times 16) = 64m^2$.
- Cấu trúc: Móng, khung cột, mái bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch sơn nước. Cửa kính khung nhôm.

2.5- Nhà xe:

- Qui mô: Nhà 1 tầng.
- Diện tích: $(6 \times 15) = 90m^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Không vách.

2.6- Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế khu vực để bồn ga, hệ thống thoát nước, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

- Chiều cao công trình: từ nền đến đỉnh mái cao 5,7m.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 04 năm 2011.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Ph.QLHĐXD.
- Lưu VP.



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ LỢI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 0.0.0.0.6.1.62. Quyền số: SCT/BS
Ngày: 27-04-2011

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN



TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
LƯU TRỮ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Phan Thị Nhiên

SAO Y HỒ SƠ LƯU

Số: 52 /SY

Ngày: 03 tháng 01 năm 2013

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Kim Dung

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Thủ Dầu Một, ngày tháng năm
SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

GI TRƯỞNG
31/01/2018
TÊN *

11-1-11 1.1.11

Dĩ An, ngày 16 tháng 5 năm 2022

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN
Số: 716 /GPXD**

1. Cấp cho: Công ty TNHH Liên Anh
 - Địa chỉ: Số 189/8, đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
2. Được phép xây dựng công trình: Nhà kho - Cấp III.
 - Theo thiết kế do: Công ty TNHH kiến trúc xây dựng I.A.DESIGN, địa chỉ: Số 8/48, đường Hoàng Hoa Thám, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại Phong Tín, địa chỉ: Số 233/65, đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng cách tim đường Lê Hồng Phong đến mép chân công trình 367 m, thửa đất số 3, tờ bản đồ số E, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
 - + Chỉ giới đường đỏ: 11 m (tính từ tim đường).
 - + Chỉ giới xây dựng: 15 m (tính từ tim đường).
 - + Cốt nền xây dựng công trình: (-); Màu sắc công trình: (-); Mật độ xây dựng: (-); Hệ số sử dụng đất: (-)
 - + Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 4093,6 m²
 - + Tổng diện tích xây dựng: 4093,6 m² (tầng 1: 4093,6 m²)
 - + Chiều cao tầng 1: 13,57 m
 - + Chiều cao công trình: 13,57 m
 - + Số tầng: 01.
 - + Kết cấu: Mái tôn, vách gạch+tôn, nền BT, cột thép, móng BTCT.
3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT09932 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/4/2015, với diện tích: 158748,8 m² (Trong đó có 158748,8 m² đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp).
4. Công trình được tồn tại đến: tháng 12/2025 hoặc khi nhà nước triển khai thực hiện quy hoạch theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - Lý do cấp phép xây dựng có thời hạn:
 - Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Tân Bình được UBND thành phố Dĩ An phê duyệt tại Quyết định số 6683/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 định hướng khu đất có chức năng là đất ở.
5. Chủ đầu tư phải tự dỡ bỏ công trình, không được bồi thường phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn khi Nhà nước thực hiện quy hoạch theo thời hạn ghi trong giấy phép được cấp.



6. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Phòng QLĐT;
- UBND phường Tân Bình (Bản photo);
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Huy

CHỦ ĐẦU TƯ, HỘ GIA ĐÌNH, ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Phải xuất trình giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.
6. Hộ gia đình, đơn vị thi công phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng công trình, đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.
7. Hộ gia đình, đơn vị thi công phải đảm bảo vệ sinh môi trường và liên hệ đơn vị có chức năng để hợp đồng thu gom rác, xả bần xây dựng.
8. Liên hệ cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng đấu nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của thành phố đi qua (hoặc đấu nối hệ thống đấu nối chờ trước).



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 1362...../GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Liên Anh.

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700530897 đăng ký lần đầu ngày 02/5/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 7/7/2011 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Công trình công nghiệp (giai đoạn mở rộng).

- Cấp công trình: Cấp III.

- Vị trí xây dựng: Thửa đất số 18; Tờ bản đồ E2, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 163211 (số vào sổ GCN: CT00471) ngày 13/9/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp. Diện tích đất: 141836,10m², đất cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể.

Các hạng mục công trình gồm:

* Nhà kho (mở rộng):

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt công trình (tính từ cốt sân): 0,2m.

- Diện tích xây dựng: 1.500m².

- Cấu trúc: Móng, cột, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vỉ kèo, xà gỗ thép. Mái tôn. Cửa cuốn và cửa sắt kính. Nền bê tông.

- Chiều cao công trình (hạng mục cao nhất từ cốt nền đến đỉnh mái): 7,2m.

- Hồ sơ thiết kế do: Công ty cổ phần VG thiết kế (số bản vẽ KT01/09-KT09/09) chịu trách nhiệm về chất lượng cũng như độ bền vững công trình.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

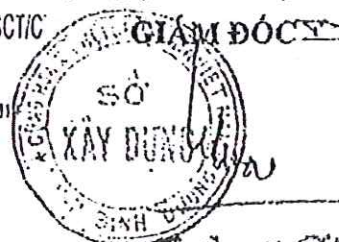
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐƯỢC SỬ DỤNG VỚI BẢN CHÍNH, ngày 20 tháng 7 năm 2012.

Nơi nhận: Số chứng thực 1416, Quyền số 8, TP/CC.SCTIC

- Như trên; Ngày 01/10/2012

- Phòng QLHX và TCHL, PHƯỜNG AN BÌNH

- Lưu: VT, Tán



Phạm Công Dân

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý chất thải, vv...).
4. Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng.
5. Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1- Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

2- Thời hạn có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1308 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 18.. tháng 7.. năm 2014

BẢN SAO

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH.

- Địa chỉ trụ sở chính: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3700530897 đăng ký lần đầu ngày 02/5/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2013 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình:

- Tên công trình: Nhà kho.
- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: KT(01-07); KC(01-07).
- Do: Công ty Cổ phần VG lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Minh Long.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại thửa đất số 18; Tờ bản đồ số E2; Tại xã Tân Bình, huyện Dĩ An (nay là phường Tân Bình, thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 24,81%, hệ số sử dụng đất: 0,26.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.

2.1. Nhà kho:

- Diện tích xây dựng: 928m².
- Cốt nền công trình: ±0,00m cao hơn 0,2m so với cốt sân.
- Chiều cao công trình: 7,95m tính từ cốt sân. Số tầng: 01 tầng.
- Cấu trúc: Móng, đà kiềng, cột bằng bê tông cốt thép; Tường xây gạch, sơn nước; Cột, vì kèo, xà gồ bằng thép, mái lợp tôn. Nền bê tông. Cửa sắt.

2.2. Các nội dung khác: Công trình có sơ đồ đầu nổi thoát nước.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 163211 (số vào sổ cấp GCN: CT00471) ngày 13/9/2010, do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Liên Anh diện tích 141.836,1m², mục đích sử dụng đất là đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (141.836,1m²). Thời hạn sử dụng đến 27/4/2053 (SKC).

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận: \

- Như trên;
- Lưu: VT, Ng.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm.....

GIÁM ĐỐC

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực quyền số 5/2016 SCT/BS
NGÀY 23-08-2016



Phạm Công Dân



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1688 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 31 tháng 8 năm 2015

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Tân Phú, Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà kho A, nhà kho B.
- Bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TMB (01-02); KT (01-05); KC (01-26).
- Do Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng PAP và Công ty TNHH Một thành viên Kiến trúc - Xây dựng Lữ Gia Phát lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Nhà Bạ.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Thửa đất số 18; Tờ bản đồ số E2, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 49%, hệ số sử dụng đất: 0,49.

+ Chỉ giới đường đỏ: 11m tính từ trục đường Lê Hồng Phong.

+ Chỉ giới xây dựng: 15m tính từ trục đường Lê Hồng Phong.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị các công trình theo mặt bằng tổng thể.

- Tổng số công trình: 02 công trình.

a) Công trình số 1 - Nhà kho A:

+ Loại công trình: Công trình công nghiệp.

+ Cấp công trình: Cấp III.

+ Diện tích xây dựng: 13.126,8m².

+ Cốt nền công trình (so với cốt sân): +0,3m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 16,5m; Số tầng: 1 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, cột, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép; Khung cột, vì kèo bằng thép; Mái lợp tôn; Tường xây gạch, phía trên ốp tôn; Nền bê tông; Cửa sắt.

b) Công trình số 2 - Nhà kho B:

+ Loại công trình: Công trình công nghiệp.

+ Cấp công trình: Cấp III.

+ Diện tích xây dựng: 9.621m².



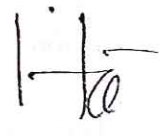
- + Cốt nền công trình (so với cốt sàn): +0,3m.
 - + Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 16,5m; Số tầng: 1 tầng.
 - + Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; Khung cột, vì kèo bằng thép; Mái lợp tôn; Tường xây gạch, phía trên ốp tôn; Nền bê tông; Cửa sắt.
- b) Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế sơ đồ đầu nối hệ thống điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy, chống sét.
3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 163211 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CT00471) ngày 13/9/2010 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Liên Anh, diện tích 141.836,1m²; Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; Thời hạn sử dụng đến 27/4/2053 (SKC).
4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, M.^{ky}

KT. GIÁM ĐỐC 
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

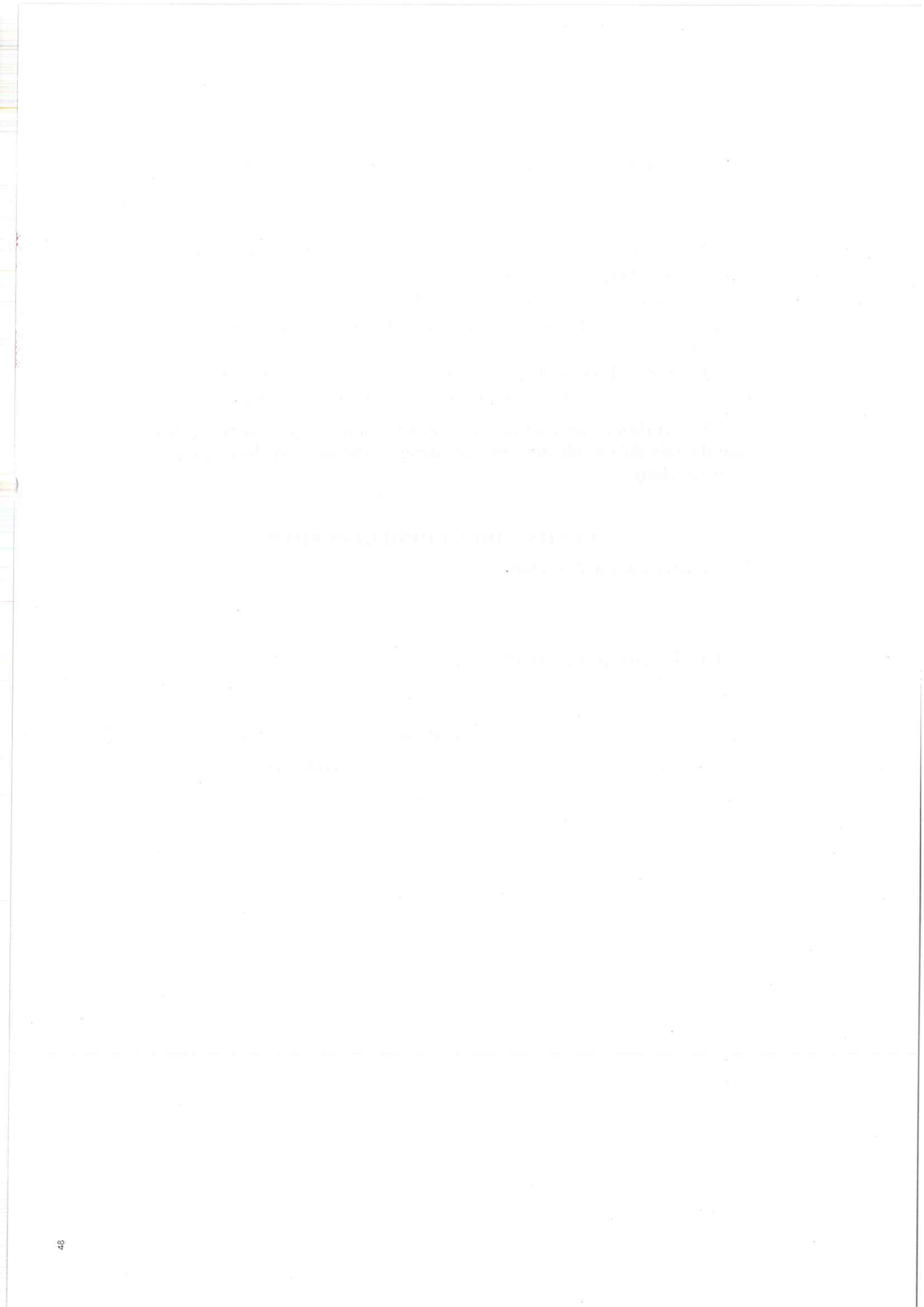
GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC





giấy phép xây dựng

GIẤY PHÉP XÂY DỰNGSố: 2059/GPXD**1. Cấp cho: Công ty TNHH Liên Anh.**

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phú 1, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700530897 đăng ký lần đầu ngày 02/5/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 7/7/2011 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Công trình công nghiệp (giai đoạn mở rộng).

- Cấp công trình: Cấp III.

- Vị trí xây dựng: Thửa đất số 18; tờ bản đồ số E2; phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 163211 (số vào sổ GCN: CT00471) ngày 13/9/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp. Diện tích đất: 141836,10m². Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Chỉ giới xây dựng được cấp: Định các vị hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể.

- Mật độ xây dựng: 39,64%.

- Hệ số sử dụng đất: 0,41.

Các hạng mục công trình gồm:

* Nhà kho: 1.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

- Diện tích xây dựng: 19.136,9m².

- Cấu trúc: Móng, cột, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch, phía trên ốp tôn. Khung cột, kèo, xà gỗ thép. Mái tôn. Cửa cuốn và cửa sắt kính. Nền bê tông.

* Nhà kho: 2.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

- Diện tích xây dựng: 557,5m².

- Cấu trúc: Móng, cột, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vỉ kèo, xà gỗ thép. Mái tôn. Cửa sắt. Nền bê tông.

* Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế hệ thoát nước, PCCC và thu lồi chống sét.

- Chiều cao công trình (hạng mục cao nhất từ nền đến đỉnh mái): 15,3m.

- Hồ sơ thiết kế do: Công ty cổ phần VG thiết kế (KT01/10 - KT10/10; KC01/10 - KC10/10; PC01/08 - PC08/08). Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế và đơn vị thi công chịu trách nhiệm về chất lượng cũng như độ bền vững công trình.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Bình Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT, Tầm.



Trần Văn Dũng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kết.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình và giấy phép xây dựng.
3. Trước khi khởi công xây dựng 7 ngày làm việc, chủ đầu tư công trình có trách nhiệm gửi văn bản thông báo ngày khởi công cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu đính kèm giấy phép xây dựng), đồng thời gửi văn bản thông báo ngày khởi công kèm theo bản sao giấy phép xây dựng cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình biết để theo dõi, kiểm tra.
4. Phê duyệt biện pháp thi công đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng và công trình lân cận; đồng thời gửi văn bản phê duyệt cho Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi khởi công xây dựng công trình.
5. Treo biển báo tại nơi thi công công trình với các nội dung sau: Tên chủ nhà; địa chỉ liên lạc và số điện thoại của chủ nhà, nếu có; số và ngày cấp Giấy phép xây dựng.
6. Tổ chức triển khai và thực hiện đúng nội dung của giấy phép xây dựng; khi có sự điều chỉnh, thay đổi thiết kế phải được sự chấp thuận của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
7. Bảo đảm an toàn, vệ sinh, môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình.
8. Đảm bảo các quy định về phòng cháy chữa cháy, môi trường theo quy định pháp luật có liên quan.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1- Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

2- Thời hạn có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

CHÍNH

SỞ
ĐƯ

ĐƯ



GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

- Đồng ý cho Công ty TNHH Liên Anh được phép điều chỉnh giấy phép xây dựng theo đơn xin điều chỉnh giấy phép xây dựng ngày 12/3/2013.

- Nội dung:

+ Nhà kho 1: Diện tích đã cấp phép: 19.136,9m². (xây dựng thêm nhà văn phòng).

. Nhà 01 tầng có gác lửng.

. Diện tích xây dựng tầng 1: 126m². Diện tích gác lửng: 126m². Tổng diện tích: 252m².

. Cấu trúc: Móng cột, đà kiềng dầm sàn bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Mái sử dụng chung nhà kho 1.

+ Nhà kho 2:

. Diện tích xây dựng: 749m².

- Các nội dung khác không thay đổi theo Giấy phép xây dựng số 2059/GPXD ngày 26/11/2012 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

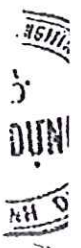
2. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép

Bình Dương, ngày ...11... tháng ...4... năm 2013.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dũng



ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

- Đồng ý cho Công ty TNHH Liên Anh được phép điều chỉnh giấy phép xây dựng theo đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng ngày 22/5/2014.

- Nội dung:

Nhà kho 1: diện tích đã cấp phép 19262,9m². (Mở rộng dọc nhà kho 2,4m).
Diện tích mở rộng: 134,2 x 2,4m = 322,06m².

- Các nội dung khác không thay đổi theo giấy phép xây dựng số 2059/GPXD ngày 26/11/2012 và văn bản điều chỉnh giấy phép ngày 11/4/2013 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: *W*

Bình Dương, ngày 30. tháng 6. năm 2014

KT. GIÁM ĐỐC *th*

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lộc Hà



1. The first part of the paper is devoted to a general discussion of the problem of the existence of solutions of the system of equations

$$\frac{dx}{dt} = f(x, y, z), \quad \frac{dy}{dt} = g(x, y, z), \quad \frac{dz}{dt} = h(x, y, z),$$

where f, g, h are continuous functions of x, y, z and satisfy certain conditions. It is shown that under these conditions the system has a unique solution for any initial conditions.

2. In the second part of the paper the author considers the problem of the stability of the solutions of the system of equations. It is shown that if the functions f, g, h satisfy certain conditions, then the solutions of the system are stable.

3. In the third part of the paper the author considers the problem of the periodicity of the solutions of the system of equations. It is shown that if the functions f, g, h satisfy certain conditions, then the solutions of the system are periodic.

4. In the fourth part of the paper the author considers the problem of the bifurcation of the solutions of the system of equations. It is shown that if the functions f, g, h satisfy certain conditions, then the solutions of the system bifurcate.

5. In the fifth part of the paper the author considers the problem of the chaos of the solutions of the system of equations. It is shown that if the functions f, g, h satisfy certain conditions, then the solutions of the system are chaotic.



6. In the sixth part of the paper the author considers the problem of the ergodicity of the solutions of the system of equations. It is shown that if the functions f, g, h satisfy certain conditions, then the solutions of the system are ergodic.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2506 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Tân Phú, Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà xưởng.
- Bản vẽ thiết kế có ký hiệu: KT (01-10); KC (01-12).
- Do Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng PAP lập.
- Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng công trình: Thửa đất số 18; Tờ bản đồ số E2, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
 - + Mật độ xây dựng: 59%, hệ số sử dụng đất: 0,69.
 - + Chỉ giới đường đỏ: 11m tính từ trục đường Lê Hồng Phong.
 - + Chỉ giới xây dựng: 15m tính từ trục đường Lê Hồng Phong.
 - + Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị các công trình theo mặt bằng tổng thể.

* Công trình - Nhà xưởng:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Diện tích xây dựng: Tầng 1: 15.109m²; Tầng 2: 15.040m². Tổng diện tích: 30.149m².
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): ±0,00m.
- Chiều cao tầng 1 (tính từ cốt nền): 5,3m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 16,25m; Số tầng: 2 tầng.
- Cấu trúc: Móng, đà kiềng, sàn bằng bê tông cốt thép; Khung cột, vì kèo bằng thép; Mái lợp tôn; Tường xây gạch phía trên ốp tôn; Nền bê tông.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 163211 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CT00471) ngày 13/9/2010 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Liên Anh, diện tích 141.836,1m²; Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; Thời hạn sử dụng đến 27/4/2053 (SKC).



4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, M.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *quyue*



Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm ...

GIÁM ĐỐC



GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh: Đồng ý cho Công ty TNHH Liên Anh điều chỉnh giấy phép xây dựng số 2506/GPXD-SXD ngày 29/8/2016 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp với các nội dung như sau:

*** Công trình - Nhà xưởng:**

- Diện tích xây dựng: Tầng 1: 15.197m²; Tầng 2: 15.128m². Tổng diện tích: 30.325m².

* Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 342019 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CT09932) ngày 01/4/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Liên Anh.

- Các nội dung khác không thay đổi theo giấy phép xây dựng số 2506/GPXD-SXD ngày 29/8/2016 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

2. Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép: Kể từ ngày ký.

Bình Dương, ngày 09.. tháng 12.. năm 2016

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, M.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lộc Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 4105-RNH/HD - KT/22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Liên Anh

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX, của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải - Công ty CP Nước - Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo số bảng phân định chất thải nguy hại của công ty TNHH Liên Anh ngày 08 tháng 11 năm 2022.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Liên Anh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700530897 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11.01.2013.

Hôm nay, ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH.

Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu Phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.752528.

Fax: 02743.752558.

Tài khoản số:.....

Tại:.....

MST: 3700530897.

Do Ông/Bà: Lê Đình Bửu Triển

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Trang 1

Mã khách hàng: 3700530897DA00

Ngành sản xuất: Kho.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI - CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI - CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: Ngô Chí Thắng

Chức vụ: Phó Giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 09/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/ 02 tháng vào thứ 6..... tuần thứ 3.....của tháng..... (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Liên Anh. (Địa chỉ : 189/8 Lê Hồng Phong, Khu Phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý đồng/kg	Đơn giá vận chuyển đồng/lần
01	Thùng đựng keo, dầu nhớt	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	2.000	600.000
02	Phuy đựng dung môi	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt/ tẩy rửa	2.000	
03	Dầu máy	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	3.000	
04	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	10.000	
05	Giẻ lau, bao tay, cọ dính keo	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	6.000	
06	Keo thải	Rắn	08 03 01	Thiêu đốt	6.000	
07	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	10.000	
08	Hóa chất hết hạn sử dụng.	Lỏng	19 05 02	Thiêu đốt	10.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Đỗ Văn Lanh	ktlienanh@gmail.com	0907522345
Phan Bình Tú	vplienanh@gmail.com	0934068885

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.

- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cần xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2. 

- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :

- + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
- + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
- + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.

- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.

- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 07 tháng 11 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng. *N*

Trang 5

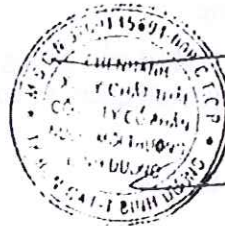
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

h
ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Lê Đình Bửu Triền

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ngô Chí Thưởng
Phó Giám Đốc

The first part of the paper discusses the importance of the study and the objectives of the research. It also mentions the scope of the study and the limitations. The second part of the paper discusses the methodology used in the study. It mentions the data sources and the data collection methods. The third part of the paper discusses the results of the study. It mentions the findings and the conclusions. The fourth part of the paper discusses the implications of the study. It mentions the practical applications and the future research.

Table 1: Summary of the study	
Study Title	Study of the importance of the study and the objectives of the research
Study Scope	Scope of the study and the limitations
Study Methodology	Methodology used in the study
Study Results	Results of the study
Study Implications	Implications of the study

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 011445

/202 /1-2-3-4-5-6-028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 2-3-4-5-6-028.VX
ĐT: 02743.844.900 CÔNG TY
ĐT: 02743.844.844 TNHH
ĐT: 02743.844.844 MIỀN ANH



2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Cty TNHH Liên Anh

Mã số QLCTNH:

Cty Liên Anh

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

KP Tân Phước Khánh, P. Tân Bình, TX. DA, BQ

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Không khai						
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển

61C321.85

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Phạm Thành Duy

Ký:

Duy

Ngày:

17/6/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD ngày 17 tháng 6 năm 2022

Nguyễn Văn Bình

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày tháng năm

Bi liên số

☐

☐

☒

☐

☐

Ghi chú

Ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT

Mẫu vàng (Chủ Nguồn Thải)

Được quét bằng CamScanner

Scanned with CamScanner



BIÊN BẢN HÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 047607**

Gửi: Bên giao (chủ thu gom, vận chuyển):

CTY TNHH Liên Anh

Địa chỉ và:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: **Đ. Lê Hồng Phong, Tân Phú, TB, DA, BD** DT:2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI****CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương**

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác CN (cát đá, xỉ hàn)	8030	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

BD ngày 5 tháng 12 năm 2022 Bên giao Phan Binh Tu (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	BD ngày 5 tháng 12 năm 2022 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
@Liên số: ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5	

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT

số: CN 025579

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Cty TNHH liên anh



Địa chỉ văn phòng: 1

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Đường Lê Hồng Phong, KP. Tân Phú, P. Tân An, TX. Dĩ An, B.Đ.

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác CN, cát đất, xà bần	11870	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

610 36996

B.Đ. ngày 05 tháng 11 năm 2011

Bên giao

..... ngày tháng năm

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☒

4 ☐

5 ☐

Được quét bằng CamScanner

Scanned with CamScanner

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY
540 EAST 57TH STREET
CHICAGO, ILL. 60637



CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
HÂN GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ THU GOM VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI SINH HOẠT
Số:0101/2024/HĐDV/LIÊN ANH – HÂN GIA

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Địa chỉ: 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phú, Phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274-2473 648 Fax: 0274-3727 933

Mã số thuế: 3700 530 897

Đại diện: **ÔNG LÊ ĐÌNH BỬU TRIỂN**

Chức vụ: **Giám đốc**

Và

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÂN GIA

Địa chỉ: Số 25 Đường Cô Bắc, Khu phố Bình Minh 1, Phường Dĩ An, Tp Dĩ An, Bình Dương.

Điện thoại: 0931454679

Mã số thuế: 3703100042

Đại diện: **BÀ TRỊNH THỊ KIM PHƯỢNG**

Chức vụ: **Giám Đốc**



Sau khi thỏa thuận, Các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng với điều kiện và các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt cho bên A. Bên B nhận thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo dự toán lập theo định mức quy định và được 2 bên thống nhất với chi tiết cụ thể như sau:

1.1 Khu vực làm việc: Dịch vụ sẽ được Bên B cung cấp tại địa điểm do Bên A tại: 189/8, Đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phú, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.2 Thời gian làm việc: Thời gian thực hiện thu gom: Từ 06:00 đến 16:00 có thể thay đổi theo yêu cầu của bên Bên A;

- Số lần lấy rác: 03 lần/tuần; khối lượng rác do hai bên đã thống nhất là 07 tấn/tháng.
- Phương tiện lưu chứa rác và khối lượng: Thùng rác (240 lít, hoặc 660 lít);
- Phương tiện lấy rác: Xe ép rác chuyên dụng.

ĐIỀU 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 2.1 Giao rác theo thời gian trên và đặt tại các vị trí cố định trong khuôn viên Công ty.
- 2.2 Cử người giám sát khi Bên B đến thu gom, vận chuyển rác, ký xác nhận khối lượng vào sổ vận chuyển mỗi lần lấy rác.
- 2.3 Thanh toán cho Bên B đúng giá trị khối lượng đã nghiệm thu và đúng thời hạn thỏa thuận.
- 2.4 Thông báo cho Bên B trong trường hợp khối lượng chất thải tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom, phí phát sinh do hai bên thỏa thuận.
- 2.5 Bên A chịu trách nhiệm kiểm tra rác thải sinh hoạt trước khi cho vào thùng chứa và không để rác sinh hoạt lẫn chung với loại rác khác (chất thải nguy hại, rác thải xây dựng, rác công nghiệp và hàng hóa bất hợp pháp, cháy nổ chưa được phân loại).
- 2.6 Gửi biên bản nghiệm thu khối lượng từng tháng theo đúng thời gian thỏa thuận.
- 2.7 Thanh toán đầy đủ tiền sau 05 ngày nhận đủ hồ sơ.

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 3.1 Cam kết có đầy đủ thẩm quyền và chức năng để ký kết Hợp đồng này. Bên B đã đăng ký và được cấp giấy phép hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật.
- 3.2 Đảm bảo nhận hết rác thải của Bên A bằng xe chuyên dụng theo đúng quy định về khối lượng và thời gian tại khoản 1.2 Điều 1 của Hợp đồng và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về đảm bảo vệ sinh môi trường.
- 3.3 Bên B chịu trách nhiệm kiểm tra rác thải sinh hoạt trước khi thu gom, vận chuyển và được quyền từ chối nhận khối lượng rác chứa chất thải nguy hại, rác thải xây dựng, rác công nghiệp và hàng hóa bất hợp pháp, cháy nổ chưa được phân loại.
- 3.4 Bố trí nhân sự và phương tiện đến thu gom chất thải rác sinh hoạt do Bên A giao theo đúng thời gian và vị trí thỏa thuận.
- 3.5 Thực hiện đúng quy định nội bộ của Bên A trong khi ra vào địa điểm nhận rác. Đăng ký ra vào tại cổng chính với bảo vệ công ty khi thu gom rác. Trong quá trình thu gom tại khu vực Bên B thì tránh rơi vãi rác thải hoặc gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và không cản trở lưu thông khu vực thu gom.
- 3.6 Thông báo cho Bên A kịp thời để Bên A xử lý về việc không đúng chủng loại rác, những hàng hóa bất hợp pháp, chất cháy nổ hoặc hóa chất độc hại được tìm thấy trong rác.
- 3.7 Thực hiện đúng theo các quy định và vệ sinh môi trường của thành phố.
- 3.8 Đảm bảo việc thu gom rác theo đúng thời gian và tuần suất đã quy định. Trong trường hợp vi phạm tần suất lấy rác theo quy định quá 2 lần tháng mà không có lý do chính đáng thì sẽ không được thanh toán tiền phí dịch vụ của tháng đó.
- 3.9 Xuất hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đúng qui định.

ĐIỀU 4. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 **Đơn giá:** 9.675.000 đồng/tháng (Chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng/tháng), chưa bao gồm thuế VAT.

4.2 **Phương thức thanh toán:** Vào ngày 29 mỗi tháng, Bên B gửi đề nghị thanh toán và hóa đơn VAT cho Bên A. Bên A thanh toán cho Bên B vào ngày 01 đến ngày 05 của tháng kế tiếp. Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Nếu quá thời hạn trên 10 ngày thì Bên B sẽ ngừng thu gom vận chuyển chất thải rắn thông thường của Bên A.

4.3 **Thông tin tài khoản Bên B:**

- + Tên tài khoản: **Công Ty TNHH Một Thành Viên Hân Gia**
- + Số tài khoản: **5591931454679**
- + Ngân hàng: **Agribank – Chi nhánh Dĩ An, Sóng Thần**

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai Bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác hai Bên cùng có lợi.

5.2 Khi Bên A không còn cung cấp dịch vụ thì Hợp đồng mặc nhiên chấm dứt. Bên A sẽ có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ cho Bên B đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng kể từ ngày bàn giao và thanh toán theo Điều 4 trong Hợp đồng này.

5.3 Trường hợp Bên A muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì Bên A phải thông báo cho Bên B trước **30 ngày**; Bên A chỉ có nghĩa vụ thanh toán đối với các dịch vụ được thực hiện hoàn tất cho đến ngày hợp đồng chấm dứt.

5.4 Bất kỳ sửa đổi bổ sung đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên.

5.5 Khi hợp đồng hết hạn, nếu có yêu cầu, hai bên sẽ cùng bàn bạc, thảo luận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục hợp đồng để gia hạn. Sau khi hai bên hoàn tất các nghĩa vụ trong Hợp đồng này, và hai bên không có thỏa thuận khác thì Hợp đồng này sẽ được thanh lý. Việc chấm dứt hợp đồng hoặc thanh lý sẽ được lập biên bản thanh lý giữa hai bên.

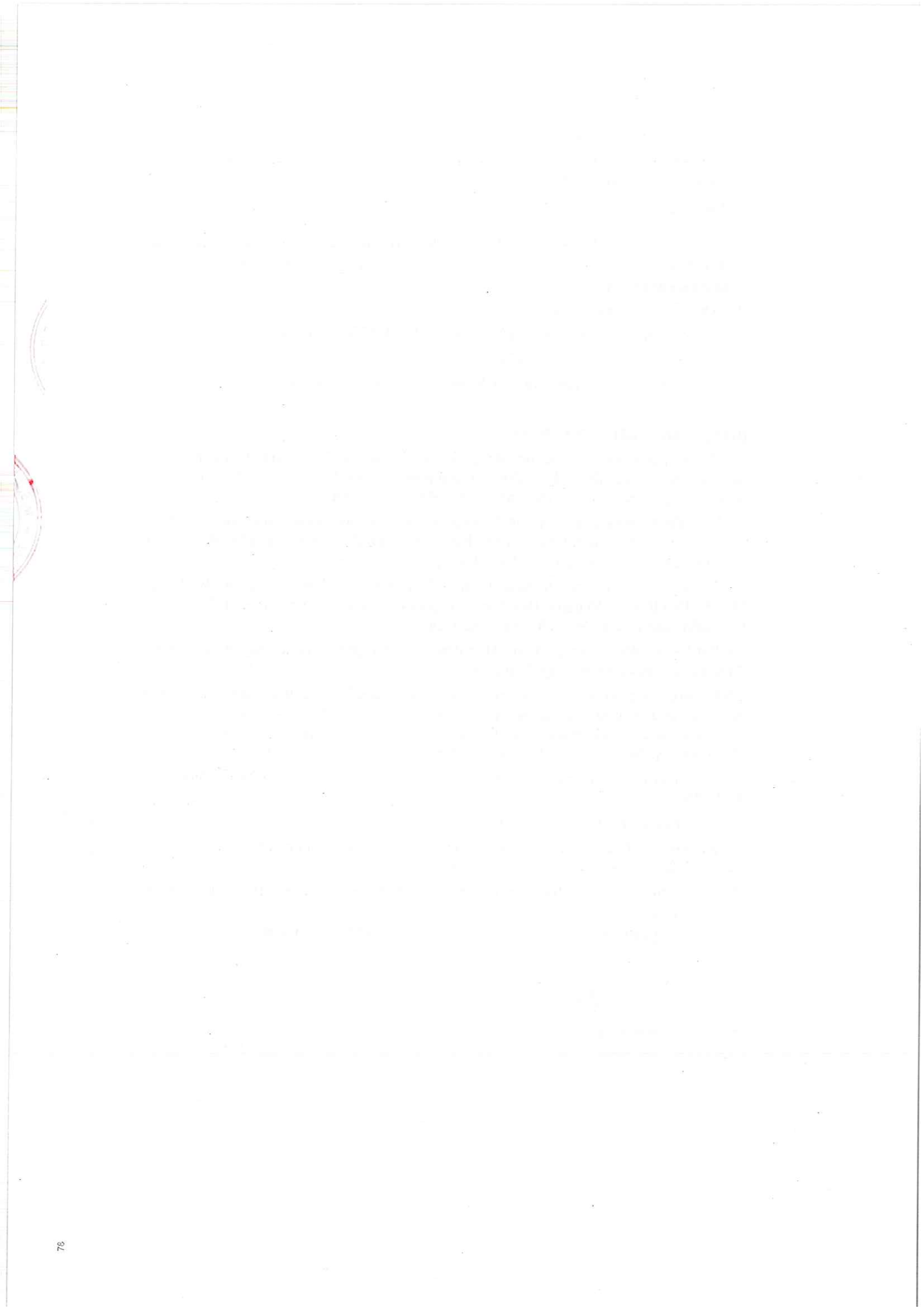
5.6 Thời hạn hợp đồng cung cấp dịch vụ có giá trị từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

5.7 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

5.8 Khi hết thời hạn ghi trên Hợp đồng và mặc nhiên được thanh lý khi Bên A đã thanh toán tiền đầy đủ cho Bên B thì xem như hợp đồng đã được thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.





TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 20

BIÊN BẢN NGHIỆM THU & BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

Công trình : **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Hạng mục : **Thiết kế công nghệ - thi công xây dựng lắp đặt thiết bị và vận hành Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 120m³/ngày đêm**

Địa điểm : **189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P.Tân Bình, TX. Dĩ An, Bình C**

- Căn cứ Hợp đồng số 01/042014/HĐKT-DACO ký ngày 15/04/2014, về việc "Thiết kế công xây dựng, lắp đặt thiết bị Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt" công suất 120m³/ngày đêm.

1. Đại diện tham gia trực tiếp :

BÊN A (Chủ đầu tư): CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Đại diện 1 : Trương Thị Ngọc Anh Chức vụ : GIÁM ĐỐC

Đại diện 2 : Bùi Đức Thịnh Chức vụ : nhân viên giám sát

Đại diện 3 : Chức vụ :

BÊN B (Đơn vị thi công): CÔNG TY TNHH MTV XD-TM-DV MÔI TRƯỜNG ĐÔNG Á

Đại diện 1 : PHAN MINH ĐẮC Chức vụ : Kỹ Thuật

Đại diện 2 : Trần Văn Lâm Nhật Chức vụ : Chủ trì giám đốc

2. Thời gian hướng dẫn & bàn giao :

- Bắt đầu : giờ phút, ngày tháng năm 2015

- Kết thúc : giờ phút, ngày tháng năm 2015

3. Nội dung :

- Bên B đã thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung thỏa thuận theo hợp đồng trên.
- Công trình này được Bên B bàn giao chính thức cho Bên A kể từ giờ phút này.

Các ý kiến khác (nếu có) :

4. Kết luận :

Đồng ý và thông qua nội dung trên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi Bên giữ 01 b:

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trương Thị Ngọc Anh
Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Văn Lâm Nhật
Chủ trì giám đốc

11/11/11

CT TNHH KỸ THUẬT TỔNG HỢP
LÂM ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Đ/c: 62 Huỳnh Văn Nghệ, KP5,
P. Phú Lợi, TP. TDM, BD
ĐT: 0274 2470 290
Email: lamanhcop@gmail.com

Thủ Dầu Một, ngày 25 tháng 03 năm 2017

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công trình: Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày.đêm;

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 năm 2017. Tại Công ty TNHH Liên Anh, Chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty TNHH Kỹ Thuật Tổng Hợp Lâm Anh

Đại diện là (Ông)	: Nguyễn Ngô Tùng Lâm	Chức vụ: Giám Đốc
(Ông)	: Nguyễn Trọng Tuyên	Chức vụ: PPKT
(Ông)	: Trần Trung Hiếu	Chức vụ: NVKT

Địa chỉ : Số 62, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP5, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

Điện thoại : (0274) 2470290

Email : lamanhcop@gmail.com

Bên B: Công ty TNHH Liên Anh

Đại diện là (Ông/bà) : Trương Thị Thúy Liên Chức vụ: Phó Giám Đốc

(Ông/bà) : Chức vụ:

(Ông/bà) : Chức vụ:

Địa chỉ : 189/8 Lê Hồng Phong, P. Tân Bình, TX. Dĩ An, Bình Dương;

Điện thoại : (0274) 2473648

❖ Hai bên cùng tiến hành xem xét, rà soát danh mục công trình máy móc, thiết bị của HTXL nước thải được nghiệm thu, bàn giao như sau:

Bảng. Danh mục công trình, máy móc và thiết bị được nghiệm thu, bàn giao

S/TT	Hạng Mục	Quy Cách	S/L	Ghi Chú
PHẦN CÔNG TRÌNH				
01	Nhà điều hành	- Đáy: Bê tông dày 200mm. - Thành: Xây gạch ống, mái lợp tôn. - Diện tích: (2,5m x 2m)	01 Nhà	
02	- Bể điều hòa	- Đáy: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 2 lớp, gia cố đã chạy dọc theo các vách tường sắt Ø12. - Thành: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 1 lớp. - Kích thước: (6,0m x 3,2m x 3,0m)	01 Bể	
03	- Bể Anoxic	- Đáy: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 2 lớp, gia cố đã chạy dọc theo các vách tường sắt Ø12. - Thành: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 1 lớp. - Lắp: BTCT, M250, dày 80mm. Sắt Ø10, a100, đan 1 lớp. - Kích thước: (4,9m x 2,4m x 3,0m)	01 Bể	
04	- Bể Aerotank	- Đáy: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 2 lớp, gia cố đã chạy dọc theo các vách tường sắt Ø12. - Thành: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 1 lớp. - Kích thước: (4,7m x 3,6m x 3,0m)	01 Bể	
05	- Bể lắng	- Đáy: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 2 lớp, gia cố đã chạy dọc theo các vách tường sắt Ø12. - Thành: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 1 lớp. - Kích thước: (2,5m x 2,5m x 4,0m)	01 Bể	
06	- Bể khử trùng	- Đáy: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 2 lớp. - Thành: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 1 lớp. - Kích thước: (2,5m x 1,0m x 1,5m)	01 Bể	
07	- Bể chứa bùn	- Đáy: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 2 lớp, gia cố đã chạy dọc theo các vách tường sắt Ø12. - Thành: BTCT, M250, dày 200mm. Sắt Ø10, a150, đan 1 lớp. - Lắp: BTCT, M250, dày 80mm. Sắt Ø10, a100, đan 1 lớp. - Kích thước: (2,5m x 2,0m x 3,0m)	01 Bể	

PHẦN THIẾT BỊ				
01	Bể Điều Hòa			
	- Giỏ chắn rác tĩnh	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước khe lọc: 3-4 mm - Xuất xứ: Việt Nam	01 Bộ	
	- Bơm nước thải	- Loại bơm: Bơm nhúng chìm - Model: F 21U - Công suất: 1HP - Điện áp: 380V - Ống có mặt bích (kèm theo) - Cột áp: 8mH ₂ O - Lưu lượng: 12 m ³ /h - Dây đủ phao, xích Inox kèm theo - Hãng sản xuất HCP - Xuất xứ: Đài Loan	02 Bộ	
	- Phao điện;	- Vật liệu: Nhựa tổng hợp - Xuất xứ: Đài Loan	02 Bộ	
	- Xích treo bơm	- Vật liệu: Inox 304 - Xuất xứ: Việt Nam	02 Bộ	
	- Đĩa thổi khí;	- Loại đĩa: Đĩa thổi khí thô - Vật liệu: PVC cao cấp - Kích thước: D=110mm - Xuất xứ: Taiwan	12 Đĩa	
02	Bể Anoxic			
	- Máy khuấy chìm	- Công suất: 1,5 kW - Điện áp: 380V/3pha/50Hz - Cấp độ bảo vệ: IP68 - Cánh: Gang - Trục: Inox 304 - Vỏ Motor: Inox 304 - Dây đủ xích treo, giá đỡ Inox 304.	02 Bộ	
03	Bể Aerotank			
	- Máy thổi khí	- Nhãn hiệu: Longtech - Taiwan - Model: LT 050 - Điện áp 3P - 380v - 50Hz - 5,5Hp - Phụ kiện đi kèm: Đầu thổi khí, ống giảm thanh đầu vào, van một chiều, van an toàn, đồng hồ áp, khung đỡ, khớp nối chữ T, khớp nối mềm.	02 Bộ	
	- Vật liệu vi sinh bám dính;	- Loại giá thể: Giá thể tổ ong - Vật liệu: PVC - Xuất xứ: Taiwan;	13 m ³	
	- Đĩa phân phối khí;	- Loại đĩa: Đĩa thổi khí tĩnh - Vật liệu: PVC cao cấp - Kích thước: D=270mm - Xuất xứ: Taiwan	16 Đĩa	
	- Giá đỡ vật liệu vi sinh bám dính;	- Vật liệu: Thép V4, sơn phủ Epoxi - Xuất xứ: Việt Nam	01 Bộ	
04	Bể Lắng			

	- Bơm bùn;	- Nhãn hiệu: Ebara - Lưu lượng: $Q = 5\text{m}^3/\text{h}$ - Cột áp: $H = 08\text{mH}_2\text{O}$ - Công suất: 1HP - Điện áp: 3 pha 380V - Thân: Inox 304	01 Bơm	
	- Ống trung tâm;	- Inox 304, $D = 400\text{mm}$, $H = 2,0\text{m}$	01 Bộ	
	- Giá đỡ ống trung tâm;	- Vật liệu: Thép CT3, phủ Epoxi - Xuất xứ: Việt Nam	01 Bộ	
	- Tấm chắn dòng, máng răng cưa;	- Vật liệu: Inox 304, dày 0,8mm - Xuất xứ: Việt Nam	01 Bộ	
05	Bể Khử Trùng			
	- Bồn chứa hóa chất;	- Vật liệu: PVC - Thể tích: $V = 500$ lít	01 Bồn	
	- Bơm định lượng;	- Loại: Bơm màng, chuyên dùng cho bơm hóa chất - Lưu lượng: 100 lít/giờ - Cột áp: 10 PSI, Công suất: 0,04 KW - Điện áp: 1 pha 220V, 50 Hz - Nhãn hiệu: Blue & White - USA	01 Bơm	
	- Phao điện	- Nhãn hiệu: Onpas - Vật liệu: PVC	01 Bộ	
06	Bồn Lọc Áp Lực			
	- Thiết bị lọc áp lực	- Vật liệu: Thép CT3, phủ Epoxi 2 lớp. - Kích thước: ($D \times H = 0,6 \times 1,8$)	01 bộ	
	- Bơm cấp lọc	- Nhãn hiệu: Ebara - Lưu lượng: $Q = 9\text{m}^3/\text{h}$ - Cột áp: $H = 10\text{mH}_2\text{O}$ - Công suất: 2HP - Điện áp: 3 pha 380V - Thân: Inox 304	01 Bơm	
	- Lốp vật liệu lọc;	- Vật liệu lọc tổng hợp đã lắp đặt hoàn chỉnh;	01 Mục	
07	Thiết Bị Khác			
	- Hệ thống lan can bảo vệ	- Vật liệu: Thép hộp, sơn phủ Epoxi. - Xuất xứ: Việt Nam - Đã lắp đặt hoàn chỉnh, chạy xuyên suốt theo hành lang công tác của công trình	01 Hệ	
	- Hệ thống ống kỹ thuật;	- Hệ thống ống uPVC Bình Minh + phụ kiện kết nối công trình (Đã lắp đặt hoàn chỉnh)	01 Hệ	
	- Hệ thống ống phân phối khí;	- Đường ống sắt tráng kẽm phân phối khí cho bể điều hòa và Aerotank (Đã lắp đặt hoàn chỉnh)	01 Hệ	
	- Hệ thống điện động lực + tủ điều khiển;	- Linh kiện LG (Korea), dây điện CADIVI (VN), tủ điều khiển điện động lực (Đã lắp đặt hoàn chỉnh)	01 Hệ	
	- Hóa chất ban đầu;	- Cho toàn hệ thống	01 Mục	

❖ Sau khi xem xét rà soát, hai bên cùng thỏa thuận thống nhất:

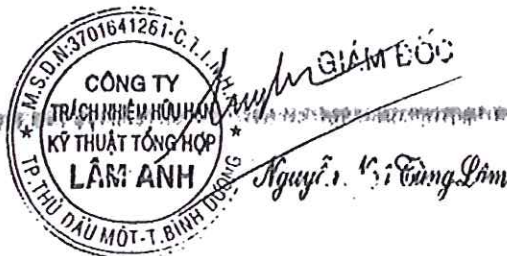
- Bên A đã hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt hoàn thiện máy móc, thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m³/ngày đêm cho bên B ngày 20/03/2017.
- Bên A đã vận hành chạy thử nghiệm các thiết bị của hệ thống để bên B kiểm tra, đồng thời hướng dẫn vận hành sơ bộ cho bên B tại hiện trường.
- Bên A bàn giao toàn bộ các công trình, máy móc và thiết bị được liệt kê ở trên kèm theo các giấy tờ CO-CQ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của các thiết bị cho bên B quản lý và bảo quản.
- Biên bản nghiệm thu và bàn giao này là một trong những cơ sở để làm thanh lý hợp đồng số 32/2016/HĐMT ngày 21/11/2016.
- Hai bên đã đọc và thống nhất ký biên bản này.
- Biên bản nghiệm thu và bàn giao này gồm 05 trang không thể tách rời và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

Nơi nhận : Công ty TNHH Liên Anh

Lưu : Công ty TNHH kỹ thuật tổng hợp Lâm Anh

ĐẠI DIỆN BÊN A

Công ty TNHH Kỹ Thuật Tổng Hợp
Lâm Anh



ĐẠI DIỆN BÊN B

Công ty TNHH Liên Anh



GIÁM ĐỐC
Trương Thị Ngọc Anh

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC**

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: motruongrec@gmail.com



Mã số: 22.03.01-...../H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, TX Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0301/KK/PIVN/001: Không khí khu vực cổng bảo vệ
- Ngày lấy mẫu: 01/03/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,2	--	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ ẩm ^{(a)(b)}	%	QCVN 46: 2012/BTNMT	62,4	--	
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	58,6	70	
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,21	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,070	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,062	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	5,19	30	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu cl: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

BM:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021

Trang 1



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moltruongrec@gmail.com



Mã số: 22.03.01-...../H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, TX Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0301/NT/PIVN/001: Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: 01/03/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	7,18	6 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	29	50
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C : 2017	54,7	75
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	25,3	30
5	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,25	20
6	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&E:2017	1,52	4
7	Dầu mỡ tổng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	0,74	--
8	T. Coliforms ^(c)	MPN/100mL	TCVN 6187-2 : 1996	2.4×10 ³	3000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đại Vimecerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c): Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC**

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moltruongrec@gmail.com



Mã số: 22.06.08- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, TX Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0608/KK/ 001: Không khí khu vực cổng bảo vệ
- Ngày lấy mẫu: 08/06/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,5	--	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ ẩm ^{(a)(b)}	%	QCVN 46: 2012/BTNMT	62,1	--	
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	57,9	70	
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,19	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,067	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,058	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	5,26	30	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincertis; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

BM:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021

Trang 1

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC**

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



Mã số: 22.06.08- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

2. Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, TX Dĩ An, Bình Dương

3. Tên mẫu: Nước thải

Số lượng: 01 mẫu

- Vị trí lấy mẫu: 0608/NT/ 001: Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý

4. Ngày lấy mẫu: 08/06/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	7,21	6 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	27	50
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C : 2017	57,8	75
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	26,5	30
5	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,74	20
6	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&E:2017	1,83	4
7	Dầu mỡ tổng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	0,92	--
8	T. Coliforms ^(c)	MPN/100mL	TCVN 6187-2 : 1996	2.5×10 ³	3000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)

2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c): Chỉ tiêu đo NTP thực hiện

3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC**

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



Mã số: 22.09.05- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 12 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, TX Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0905/KK/LA/001: Không khí khu vực cổng bảo vệ
- Ngày lấy mẫu: 05/09/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,5	--	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ ẩm ^{(a)(b)}	%	QCVN 46: 2012/BTNMT	61,7	--	
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	59,3	70	
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,22	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,068	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,060	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	5,24	30	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám đốc

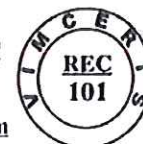
Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
- Đầu (a): Chỉ tiêu đại Vimcerts; Đầu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Đầu c1: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

BM:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021



Mã số: 22.09.05- VLKT /H/Q/TMT/REC

Tp.HCM, ngày 12 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, TX Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0905/NT/LA/001: Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: 05/09/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	7,22	6 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	31	50
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C : 2017	58,2	75
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	26,7	30
5	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,36	20
6	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&E:2017	1,71	4
7	Dầu mỡ tổng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	0,89	--
8	T. Coliforms ^(c)	MPN/100mL	TCVN 6187-2 : 1996	2.5×10 ³	3000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám đốc

TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincert; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC**

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



Mã số: 22.12.01- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

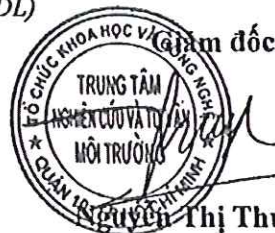
- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, TX Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 1201/KK/CTLA/001: Không khí khu vực cổng bảo vệ
- Ngày lấy mẫu: 01/12/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,3	--	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ ẩm ^{(a)(b)}	%	QCVN 46: 2012/BTNMT	63,4	--	
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	59,1	70	
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,17	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,069	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,060	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	5,11	30	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm


 Nguyễn Minh Thiện


 Giám đốc
 Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimecerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

BM:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021

Trang 1

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC**

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



Mã số: 22.12.01- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM1. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

2. Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, TX Dĩ An, Bình Dương

3. Tên mẫu: Nước thải

Số lượng: 01 mẫu

- Vị trí lấy mẫu: 1201/NT/CTLA/001: Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý

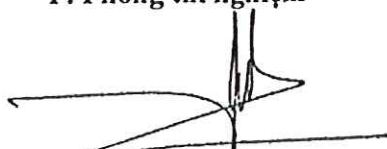
4. Ngày lấy mẫu: 01/12/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	7,14	6 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	29	50
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C : 2017	59,6	75
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	27,4	30
5	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,59	20
6	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&E:2017	1,73	4
7	Dầu mỡ tổng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	0,84	--
8	T. Coliforms ^(c)	MPN/100mL	TCVN 6187-2 : 1996	2.3×10 ³	3000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm


Nguyễn Minh Thiện



Giám đốc


Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 23.03.01- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Tp. Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0301/KK/CTLA/001: Chất lượng không khí khu vực cổng bảo vệ
- Ngày lấy mẫu: 01/03/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,4	--	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ ẩm ^{(a)(b)}	%	QCVN 46: 2012/BTNMT	63,8	--	
3	Tiếng ồn ^{(a)(b)}	dBA	TCVN 7878:2:2010	58,2	70	
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,19	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,065	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,051	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	5,27	30	

Ghi chú: (--) - Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Dấu (a) Chỉ tiêu đạt Vincertis; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

BM:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021

Trang 1



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moltruongrec@gmail.com



MA số: 23.03.01- VLKT/HQ/TMT/REC

Tp.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Tp. Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0301/NT/CTLA/001: Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: 01/03/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH ^(a,b)	--	TCVN 6492 : 2011	7,25	6 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	31,0	50
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C : 2017	61,7	75
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	27,9	30
5	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,73	20
6	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&E:2017	1,86	4
7	Dầu mỡ tổng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	0,92	--
8	T. Coliforms ^(c)	MPN/100mL	TCVN 6187-2 : 1996	2.5×10 ³	3000

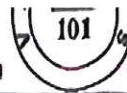
Ghi chú: (-) - Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đại Vmccert; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c): Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 23.06.02- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Tp. Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0602/KK/CTLA/001: Không khí khu vực cổng bảo vệ
- Ngày lấy mẫu: 02/06/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,3	--	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ ẩm ^{(a)(b)}	%	QCVN 46: 2012/BTNMT	64,1	--	
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	59,8	70	
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,20	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,070	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,062	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	5,34	30	

Ghi chú: (--) -- Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Điều kiện: Chỉ áp dụng cho các mẫu thử nghiệm tại phòng thí nghiệm.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

BM:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021

Trang 1



Mã số: 23.06.02- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Tp. Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0602/NT/CTLA/001: Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: 02/06/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	7,16	6 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	32	50
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C : 2017	62,3	75
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	28,5	30
5	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,89	20
6	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&E:2017	1,94	4
7	Dầu mỡ tổng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	1,02	--
8	T. Coliforms ^(c)	MPN/100mL	TCVN 6187-2 : 1996	2,6×10 ³	3000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c): Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moltruongrec@gmail.com



Số: 23.09.06- VLKT /H/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 13 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Tp. Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0906/KK/CTLA/001: Không khí khu vực cổng bảo vệ
- Ngày lấy mẫu: 06/09/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,2	--	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ ẩm ^{(a)(b)}	%	QCVN 46: 2012/BTNMT	63,8	--	
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	58,4	70	
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,18	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,067	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,059	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	5,21	30	

Ghi chú: (--) - Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Nguyễn Thị Thủy Vân

- Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincetris, Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

BM:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021

Trang 1



Mã số: 23.09.06- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 13 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Tp. Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0906/NT/CTLA/001: Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: 06/09/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	7,06	6 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	28,5	50
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C: 2017	60,7	75
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	28,3	30
5	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,94	20
6	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&E:2017	1,89	4
7	Dầu mỡ tổng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	0,95	--
8	T. Coliforms ^(c)	MPN/100mL	TCVN 6187-2 : 1996	2,5×10 ³	3000

Ghi chú: (--) -- Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám đốc
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts, Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường, Dấu c1: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

BM:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021

Trang 2



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



Mã số: 23.12.05- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 12 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Tp. Dĩ An, Bình Dương

Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu

Vị trí lấy mẫu: 1205/KK/CTLA/001: Không khí khu vực cổng bảo vệ

Ngày lấy mẫu: 05/12/2023

Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,0	--	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ ẩm ^{(a)(b)}	%	QCVN 46: 2012/BTNMT	64,7	--	
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	58,2	70	
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,18	0,3	QCVN 05:2023/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,065	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,054	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	5,19	30	

Ghi chú: (--) - Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám đốc
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Phú Thủy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)

2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincert; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu cl: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện

3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

BM:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021

Trang 1



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moltruongrec@gmail.com



Số: 23.12.05- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 12 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Tp. Dĩ An, Bình Dương

Tên mẫu: Nước thải

Số lượng: 01 mẫu

- Vị trí lấy mẫu: 1205/NT/CTLA/001: Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý

Ngày lấy mẫu: 05/12/2023

Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	6,78	6 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	29	50
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C: 2017	60,4	75
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	27,6	30
5	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,45	20
6	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&E:2017	1,79	4
7	Dầu mỡ tổng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	0,91	--
8	T. Coliforms ^(c)	MPN/100mL	TCVN 6187-2 : 2020	2,4×10 ³	3000

M chú: (--) -- Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám đốc
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Thị Thúy Vân

Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
Đầu (a): Chỉ tiêu đạt Vimecerts; Đầu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường; Đầu c1: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

M:19.01

Version: 03

NBH:10/05/2021

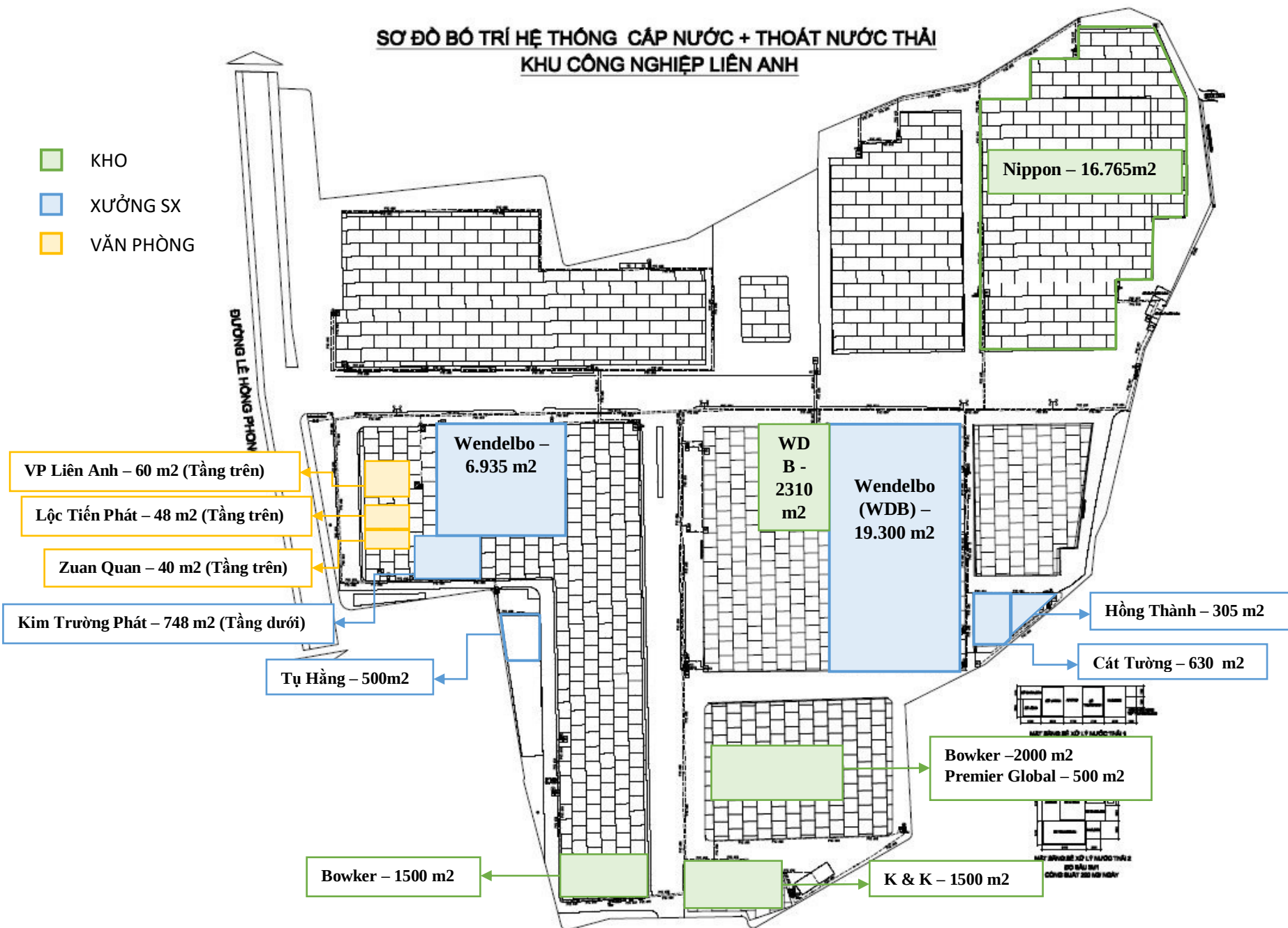
Trang 2

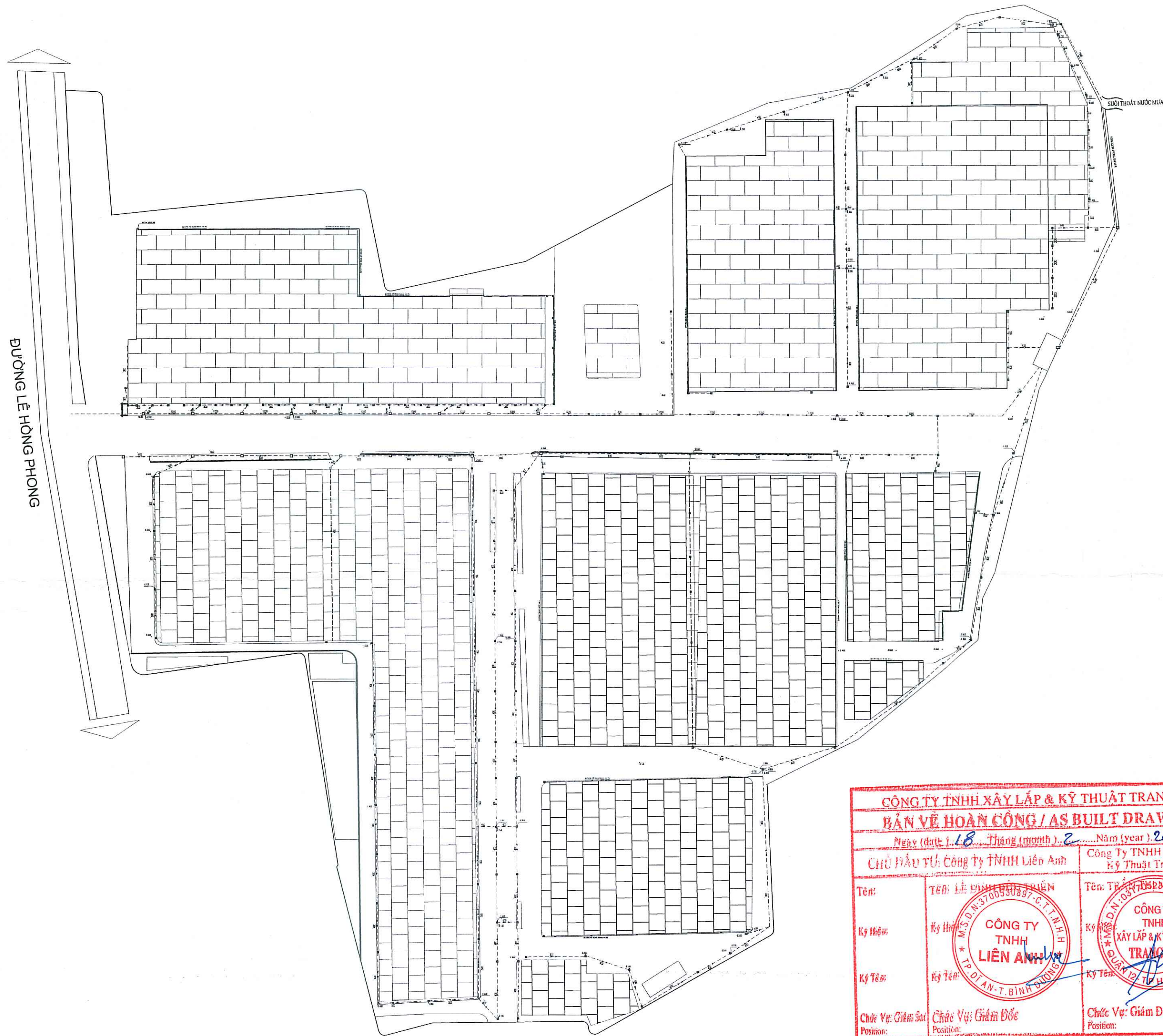
PHỤ LỤC 3
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC + THOÁT NƯỚC THẢI
KHU CÔNG NGHIỆP LIÊN ANH

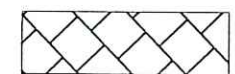
- KHO
- XƯỞNG SX
- VĂN PHÒNG

ĐƯỜNG LÊ HỒNG PHON

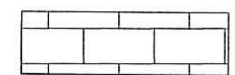




KHU A



KHU B



KHU C

-4.000

CAO ĐỘ NỀN ĐƯỜNG

-0.900

CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG SO VỚI COS ĐƯỜNG

CÔNG TY TNHH XÂY LẬP & KỸ THUẬT TRANG HÀ		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS BUILT DRAWING		
Ngày (date) 18 Tháng (month) 2 Năm (year) 2024		
CHỦ ĐẦU TƯ: Công Ty TNHH Liên Anh		Công Ty TNHH Xây Lập & Kỹ Thuật Trang Hà
Tên:	Tên: LÊ VĂN THIỆN	Tên: TRẦN VĂN MINH
Ký hiệu:	Ký hiệu: M.S.D.N.3700550897-C.T.NHNH	Ký hiệu: M.S.D.N.03700550897-C.T.NHNH
Ký tên:	Ký tên: LÊ VĂN THIỆN	Ký tên: TRẦN VĂN MINH
Chức Vụ: Giám Sát	Chức Vụ: Giám Đốc	Chức Vụ: Giám Đốc
Position:	Position:	Position:

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

TL: 1/2000

CHỦ ĐẦU TƯ

CTY TNHH LIÊN ANH

ĐC: 189/8 LÊ HỒNG PHONG, KP TÂN BÌNH
P. TÂN BÌNH, TP. DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC KCN LIÊN ANH

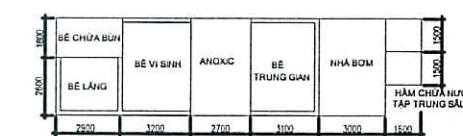
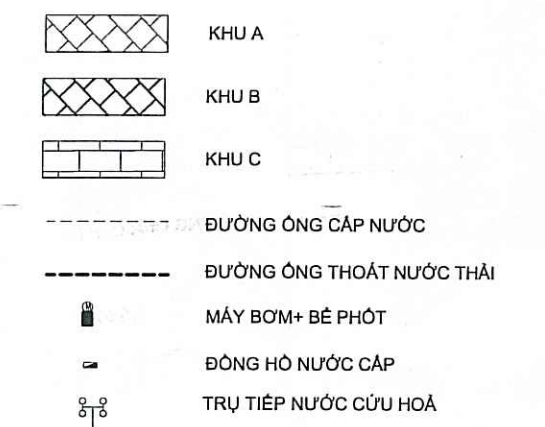
NGÀY HOÀN THÀNH

10.10.2023

KÍ HIỆU BV

TNM 01
02

ĐƯỜNG LÊ HỒNG PHONG



MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 1
ĐỘ SÂU 3M6
CÔNG SUẤT 120 M3/ NGÀY



MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 2
ĐỘ SÂU 3M1
CÔNG SUẤT 200 M3/ NGÀY

CHỦ ĐẦU TƯ

CTY TNHH LIÊN ANH

ĐC: 189/8 LÊ HỒNG PHONG, KP TÂN BÌNH
P. TÂN BÌNH, TP. DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC KCN LIÊN ANH
SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC THẢI KCN

NGÀY HOÀN THÀNH
6.12.2023

KÍ HIỆU BV
TNT 01
03



**CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI -
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG Á**

SÀO Y BẢN CHÍNH
Ngày _____ tháng _____ năm _____

----- DCC -----



GIÁM ĐỐC
Trưởng Thị Ngọc Anh

BẢN VẼ HIỆN CÔNG

CÔNG TRÌNH

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT : 120 M³/NGÀY**

ĐỊA ĐIỂM

189/3 LÊ HỒNG PHONG, P. TÂN BÌNH, TX. DĨ AN, T. BÌNH DƯƠNG

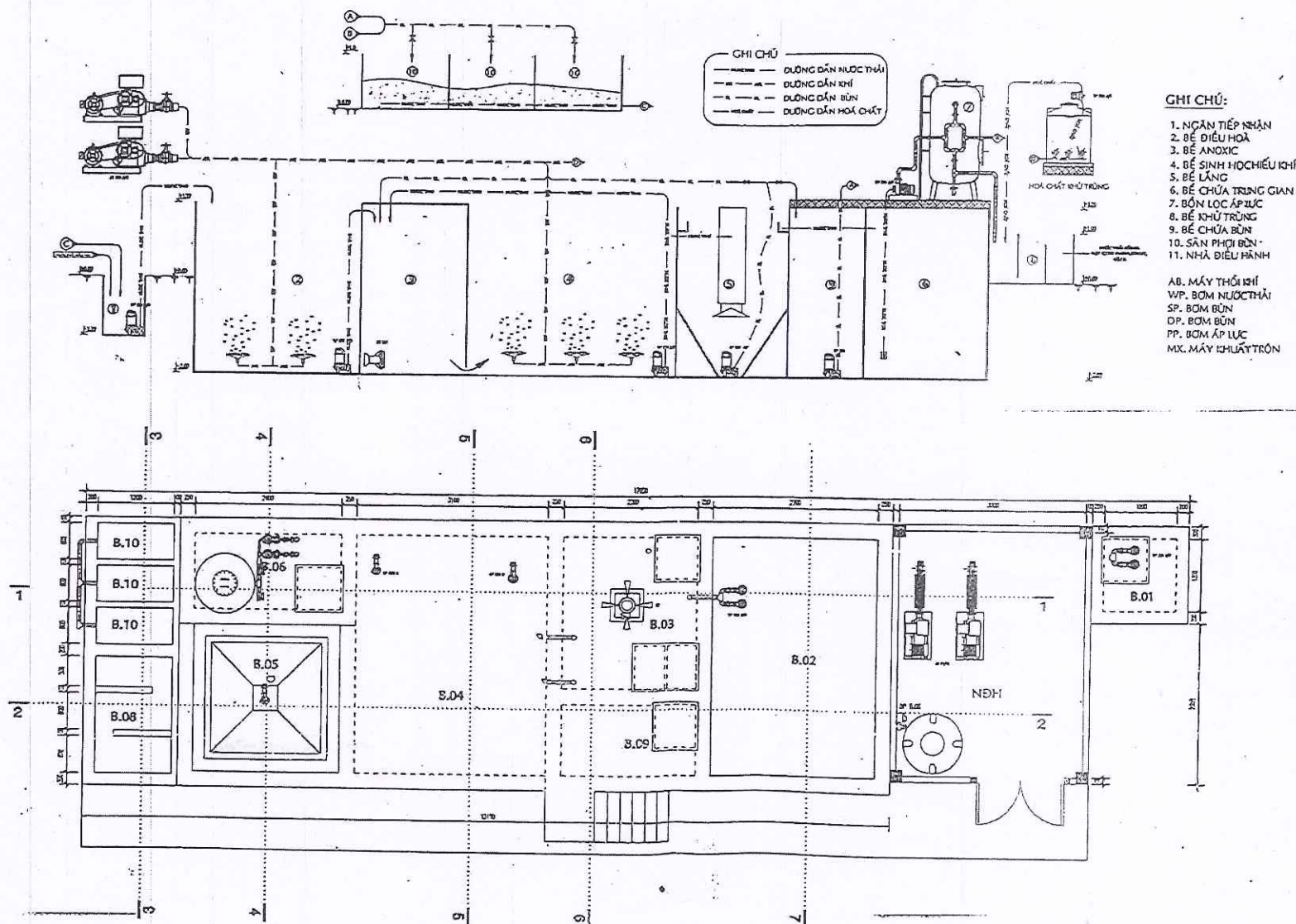
CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

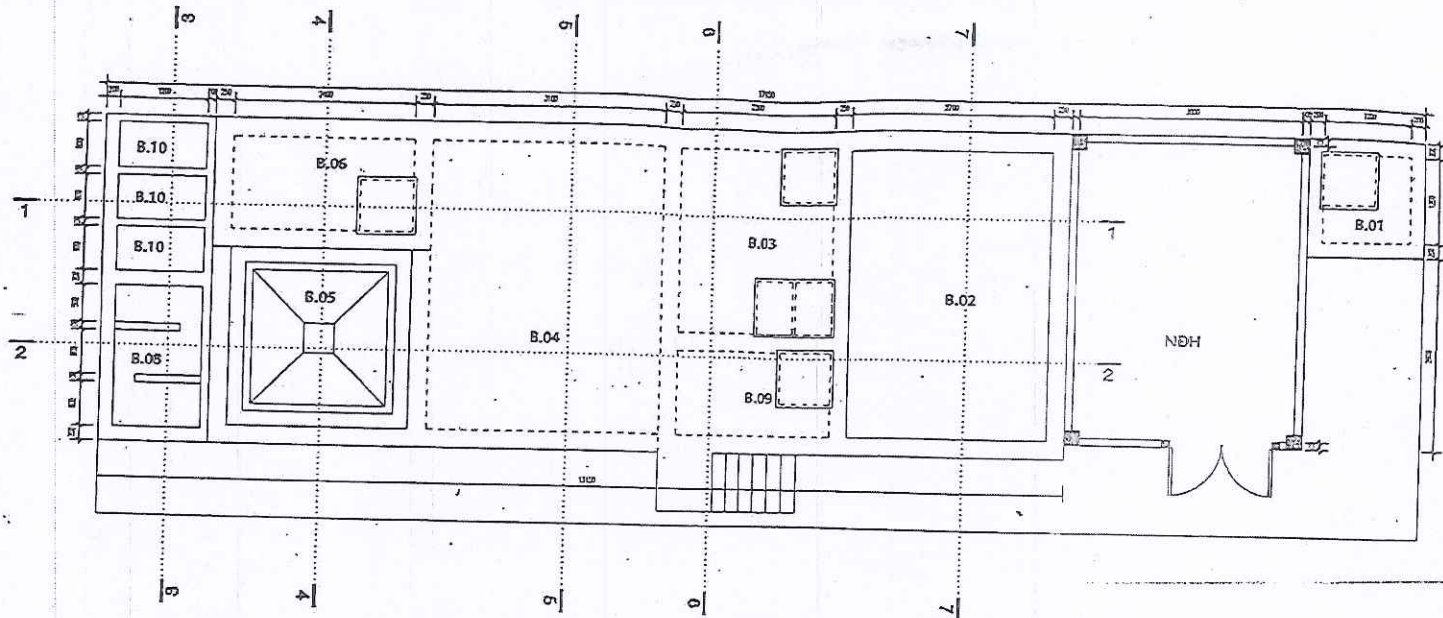
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH MTV XD - TM - DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG Á

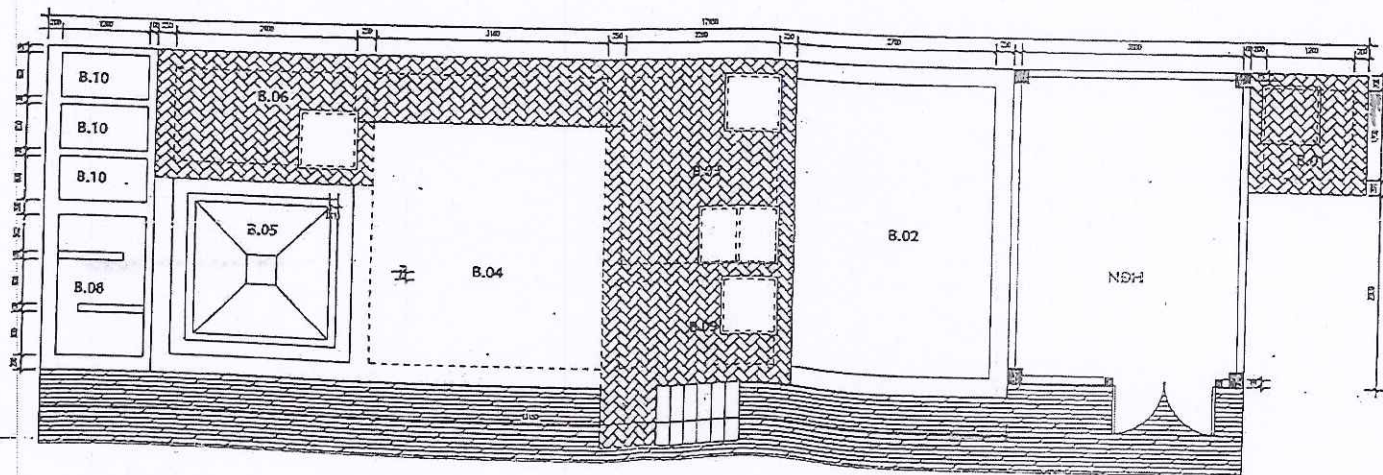
TP. HỒ CHÍ MINH 01/2015

[illegible]

MẶT BẰNG XÂY DỰNG HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI



MẶT BẰNG LẮNG NỀN XUNG QUANH HỆ THỐNG



CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

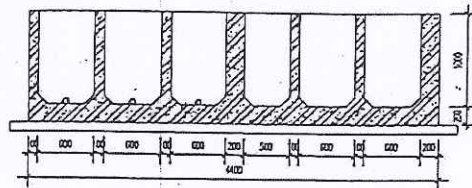
CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

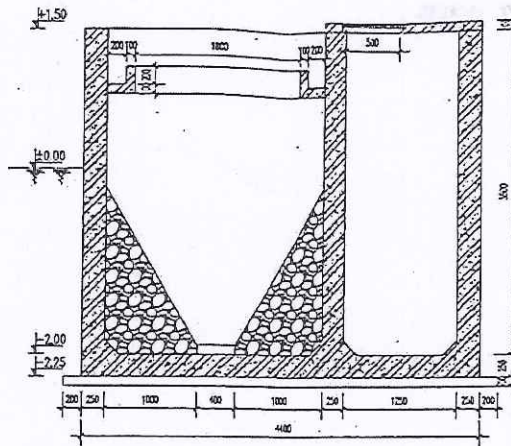
CHỖ CHỖ/NOTE

CHỖ CHỖ/NOTE

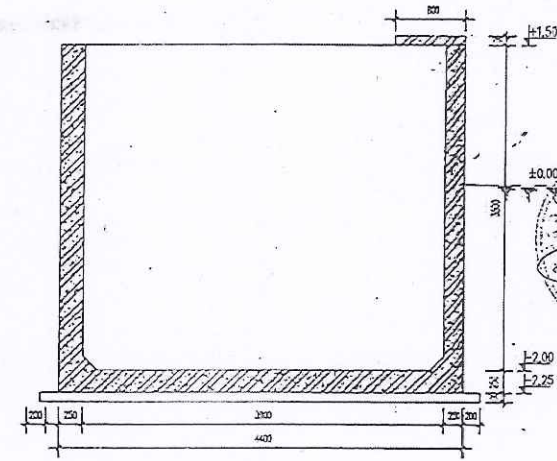
CHỖ CHỖ/NOTE



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 5-5

GHI CHÚ:

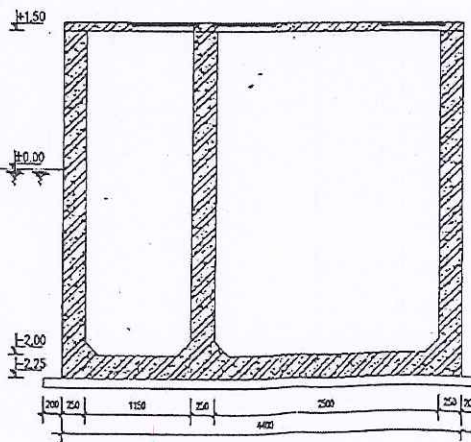
BÊ XỬ LÝ:

- BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 M200 CÓ TRỘN PHỤ GIA CHỐNG THẤM
- BÊ TÔNG LÂM LỀ ĐÁY HỒ ĐÁ 4X6 M75
- CỐT THÉP CHỊU KÉO TRUNG BÌNH: + SẮT < Ø10 $R_a = 2100 \text{ Kg/cm}^2$
+ SẮT $\geq \text{Ø10}$ $R_a = 2700 \text{ Kg/cm}^2$
- THÀNH TRONG TRÁT Vữa XM M75 DÀY 2CM;
- QUÉT CHỐNG THẤM BẰNG SIKATOP SEAL 107,
- CÓ WATERSTOP GIỮA 2 LỚP BÊ TÔNG VÀ CÁC VỊ TRÍ ĐẶT ỨNG CHỖ
- KHI THI CÔNG ĐÀO MÓNG GẤP ĐẤT YẾU THÌ PHẢI XỬ LÝ ĐẤT NỀN TRƯỚC KHI THI CÔNG.
- CÁC CHI TIẾT NHƯA SỬ DỤNG ỨNG DỤNG BÌNH MINH

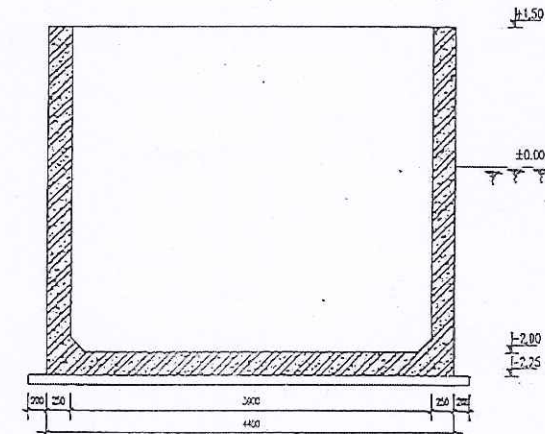
NGUỒN GỐC VẬT LIỆU:

- BÊ TÔNG: SỬ DỤNG BÊ TÔNG TỰ TRỘN TẠI CÔNG TRÌNH
- SẮT: LIÊN DOANH VIỆT NHẬT (VINAKYOE) HOẶC POMINA
- XI MĂNG: HÀ TIỀN, HOLCIM, SAKAI
- GẠCH CÁT, ĐÁ, NHỮNG VẬT TƯ KHÁC: ĐỊA PHƯƠNG

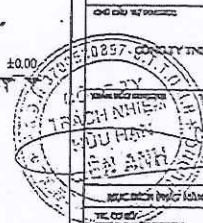
- BẢN VẼ CHỈ THỂ HIỆN PHẦN XÂY DỰNG CỦA BÊ KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP VỚI BẢN VẼ CÔNG NGHỆ ĐỂ ĐẶT ỨNG CHỖ CHÍNH XÁC
- TẤT CẢ ỨNG CHỖ BÊ PHẢI ĐẶT TRƯỚC KHI ĐÓ BÊ TÔNG



MẶT CẮT 6-6



MẶT CẮT 7-7



CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG



CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

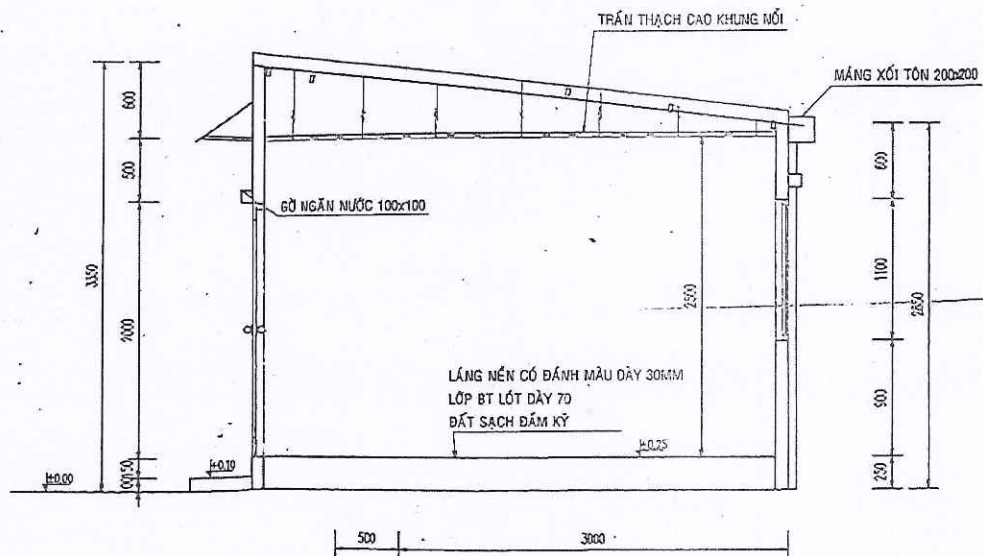
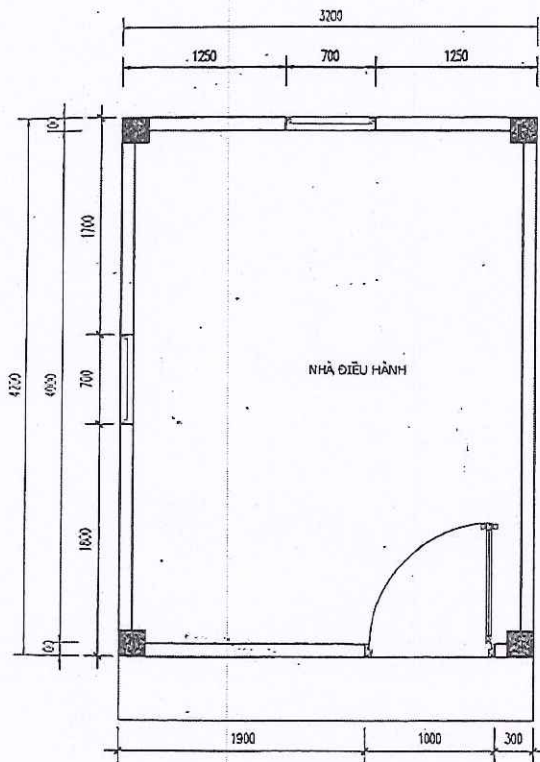
CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG



CHI TIẾT NHÀ ĐIỀU HÀNH



TK. DS C0027

HOÀN CẢNH

RESEARCH

ONLY ORIGIN DESCRIBED
OF COUNTRY

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

--	--

1994年12月20日



1407

1-8 H.H. 101

100

THE ARMS &

ОДНОВИЧКА

10. *Journal of the American Statistical Association*, 92(439):1089-1092, 1997.

॥ श्री गणेशाय नमः ॥
 ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

100

DATE RECEIVED

1. *Journal of the American Medical Association*, 1997; 278: 1039-1044.

1000

2025 RELEASE UNDER E.O. 14176

Đ. TRẦN HỒNG GANH

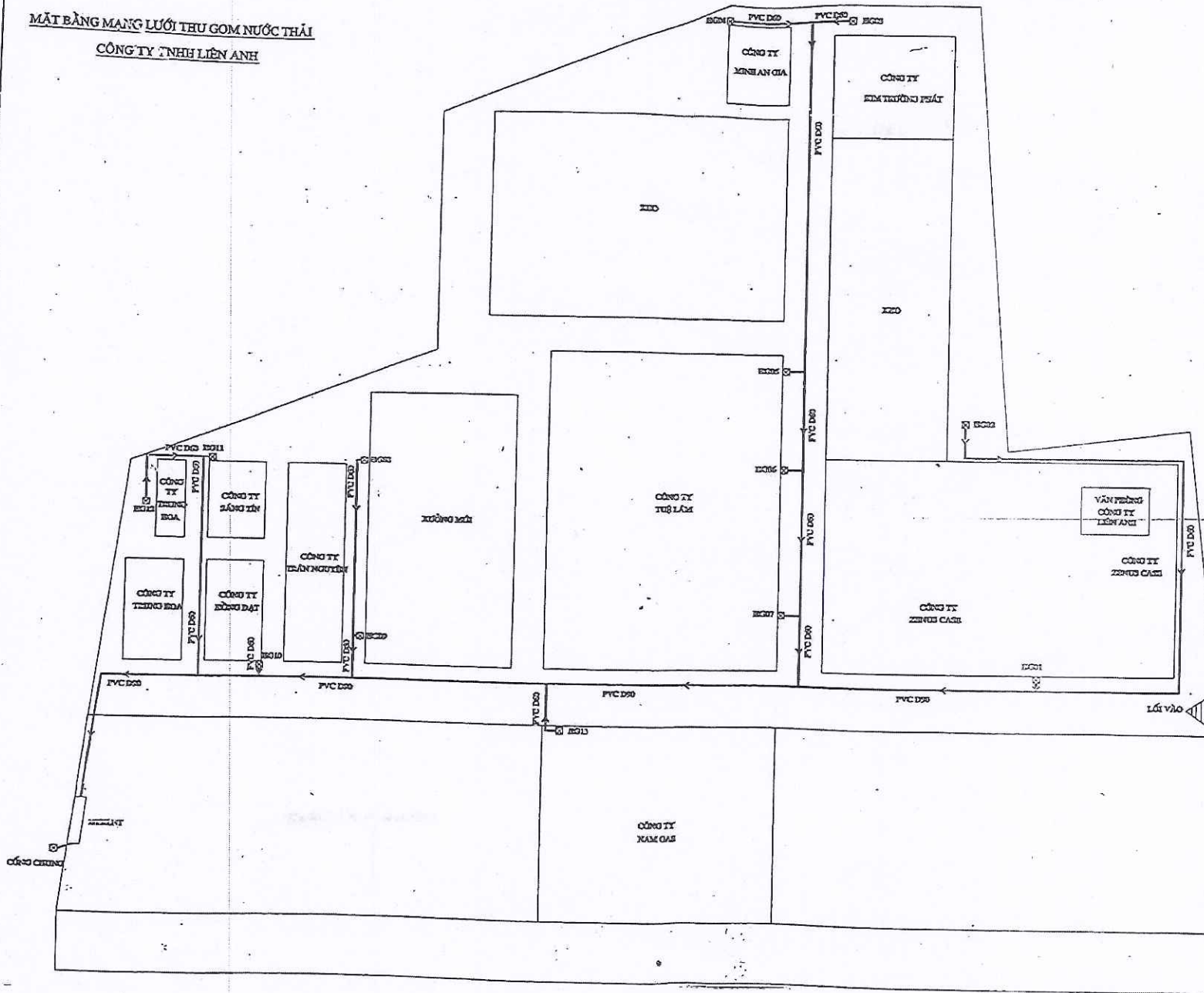
ET NOSTRUM TANTUM

WATER TREATMENT

MOAT MOAT MOAT	01/01/01
----------------	----------

10	11
----	----

MẶT BẰNG MẠNG LƯỚI THU GOM NƯỚC THẢI
CÔNG TY TNHH LIÊN ANH



ಪದ್ಮವ್ಯಾಸ

CÔNG TY TNHH L&L

CÔNG TY TNHH L&S

TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN

LIÊN ANH

ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA
HÀNG TRẠI

TR. CÔNG
HÀNG TRẠI

100

TEL 738 0000

HOW MANY
ARE THERE

1. **Introduction**
 2. **Methodology**
 3. **Results**
 4. **Discussion**
 5. **Conclusion**
 6. **References**
 7. **Appendix**
 8. **Index**
 9. **Table of Contents**
 10. **Figure 1**
 11. **Figure 2**
 12. **Figure 3**
 13. **Figure 4**
 14. **Figure 5**
 15. **Figure 6**
 16. **Figure 7**
 17. **Figure 8**
 18. **Figure 9**
 19. **Figure 10**
 20. **Figure 11**
 21. **Figure 12**
 22. **Figure 13**
 23. **Figure 14**
 24. **Figure 15**
 25. **Figure 16**
 26. **Figure 17**
 27. **Figure 18**
 28. **Figure 19**
 29. **Figure 20**
 30. **Figure 21**
 31. **Figure 22**
 32. **Figure 23**
 33. **Figure 24**
 34. **Figure 25**
 35. **Figure 26**
 36. **Figure 27**
 37. **Figure 28**
 38. **Figure 29**
 39. **Figure 30**
 40. **Figure 31**
 41. **Figure 32**
 42. **Figure 33**
 43. **Figure 34**
 44. **Figure 35**
 45. **Figure 36**
 46. **Figure 37**
 47. **Figure 38**
 48. **Figure 39**
 49. **Figure 40**
 50. **Figure 41**
 51. **Figure 42**
 52. **Figure 43**
 53. **Figure 44**
 54. **Figure 45**
 55. **Figure 46**
 56. **Figure 47**
 57. **Figure 48**
 58. **Figure 49**
 59. **Figure 50**
 60. **Figure 51**
 61. **Figure 52**
 62. **Figure 53**
 63. **Figure 54**
 64. **Figure 55**
 65. **Figure 56**
 66. **Figure 57**
 67. **Figure 58**
 68. **Figure 59**
 69. **Figure 60**
 70. **Figure 61**
 71. **Figure 62**
 72. **Figure 63**
 73. **Figure 64**
 74. **Figure 65**
 75. **Figure 66**
 76. **Figure 67**
 77. **Figure 68**
 78. **Figure 69**
 79. **Figure 70**
 80. **Figure 71**
 81. **Figure 72**
 82. **Figure 73**
 83. **Figure 74**
 84. **Figure 75**
 85. **Figure 76**
 86. **Figure 77**
 87. **Figure 78**
 88. **Figure 79**
 89. **Figure 80**
 90. **Figure 81**
 91. **Figure 82**
 92. **Figure 83**
 93. **Figure 84**
 94. **Figure 85**
 95. **Figure 86**
 96. **Figure 87**
 97. **Figure 88**
 98. **Figure 89**
 99. **Figure 90**
 100. **Figure 91**
 101. **Figure 92**
 102. **Figure 93**
 103. **Figure 94**
 104. **Figure 95**
 105. **Figure 96**
 106. **Figure 97**
 107. **Figure 98**
 108. **Figure 99**
 109. **Figure 100**
 110. **Figure 101**
 111. **Figure 102**
 112. **Figure 103**
 113. **Figure 104**
 114. **Figure 105**
 115. **Figure 106**
 116. **Figure 107**
 117. **Figure 108**
 118. **Figure 109**
 119. **Figure 110**
 120. **Figure 111**
 121. **Figure 112**
 122. **Figure 113**
 123. **Figure 114**
 124. **Figure 115**
 125. **Figure 116**
 126. **Figure 117**
 127. **Figure 118**
 128. **Figure 119**
 129. **Figure 120**
 130. **Figure 121**
 131. **Figure 122**
 132. **Figure 123**
 133. **Figure 124**
 134. **Figure 125**
 135. **Figure 126**
 136. **Figure 127**
 137. **Figure 128**
 138. **Figure 129**
 139. **Figure 130**
 140. **Figure 131**
 141. **Figure 132**
 142. **Figure 133**
 143. **Figure 134**
 144. **Figure 135**
 145. **Figure 136**
 146. **Figure 137**
 147. **Figure 138**
 148. **Figure 139**
 149. **Figure 140**
 150. **Figure 141**
 151. **Figure 142**
 152. **Figure 143**
 153. **Figure 144**
 154. **Figure 145**
 155. **Figure 146**
 156. **Figure 147**
 157. **Figure 148**
 158. **Figure 149**
 159. **Figure 150**
 160. **Figure 151**
 161. **Figure 152**
 162. **Figure 153**
 163. **Figure 154**
 164. **Figure 155**
 165. **Figure 156**
 166. **Figure 157**
 167. **Figure 158**
 168. **Figure 159**
 169. **Figure 160**
 170. **Figure 161**
 171. **Figure 162**
 172. **Figure 163**
 173. **Figure 164**
 174. **Figure 165**
 175. **Figure 166**
 176. **Figure 167**
 177. **Figure 168**
 178. **Figure 169**
 179. **Figure 170**
 180. **Figure 171**
 181. **Figure 172**
 182. **Figure 173**
 183. **Figure 174**
 184. **Figure 175**
 185. **Figure 176**
 186. **Figure 177**
 187. **Figure 178**
 188. **Figure 179**
 189. **Figure 180**
 190. **Figure 181**
 191. **Figure 182**
 192. **Figure 183**
 193. **Figure 184**
 194. **Figure 185**
 195. **Figure 186**
 196. **Figure 187**
 197. **Figure 188**
 198. **Figure 189**
 199. **Figure 190**
 200. **Figure 191**
 201. **Figure 192**
 202. **Figure 193**
 203. **Figure 194**
 204. **Figure 195**
 205. **Figure 196**
 206. **Figure 197**
 207. **Figure 198**
 208. **Figure 199**
 209. **Figure 200**
 210. **Figure 201**
 211. **Figure 202**
 212. **Figure 203**
 213. **Figure 204**
 214. **Figure 205**
 215. **Figure 206**
 216. **Figure 207**
 217. **Figure 208**

১৯৯৫

CÔNG TY TNHH MTV XD
ĐƠN VỊ MÃI THUỐC D



THESE ARE THE RESULTS OF THE
TESTING OF THE NEW
SOUTH AFRICAN AIR FORCE

116-7

11-11-1964

مَدَامُ لَيْسَ بِهَذَا

ĐẢNG LƯU THỦY CỘNG HÒA VIỆT NAM

Abstract

REPORT AND DISCUSSION

APR 20 1964

ĐI NGUYỄN TUẤN ANH	
--------------------	--

EL TAYHONG GONG

100	100
-----	-----

Figure 1. Schematic representation of the experimental design. The subjects were divided into two groups: the control group and the experimental group. The control group was divided into two subgroups: the control group and the experimental group. The experimental group was divided into two subgroups: the control group and the experimental group. The control group was divided into two subgroups: the control group and the experimental group. The experimental group was divided into two subgroups: the control group and the experimental group.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẢNG VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT XỬ LÝ 200M³/NGÀY.ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
LIÊN ANH



GIÁM ĐỐC
Trương Thị Ngọc Anh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
KỸ THUẬT TỔNG HỢP LÂM ANH
GIÁM ĐỐC

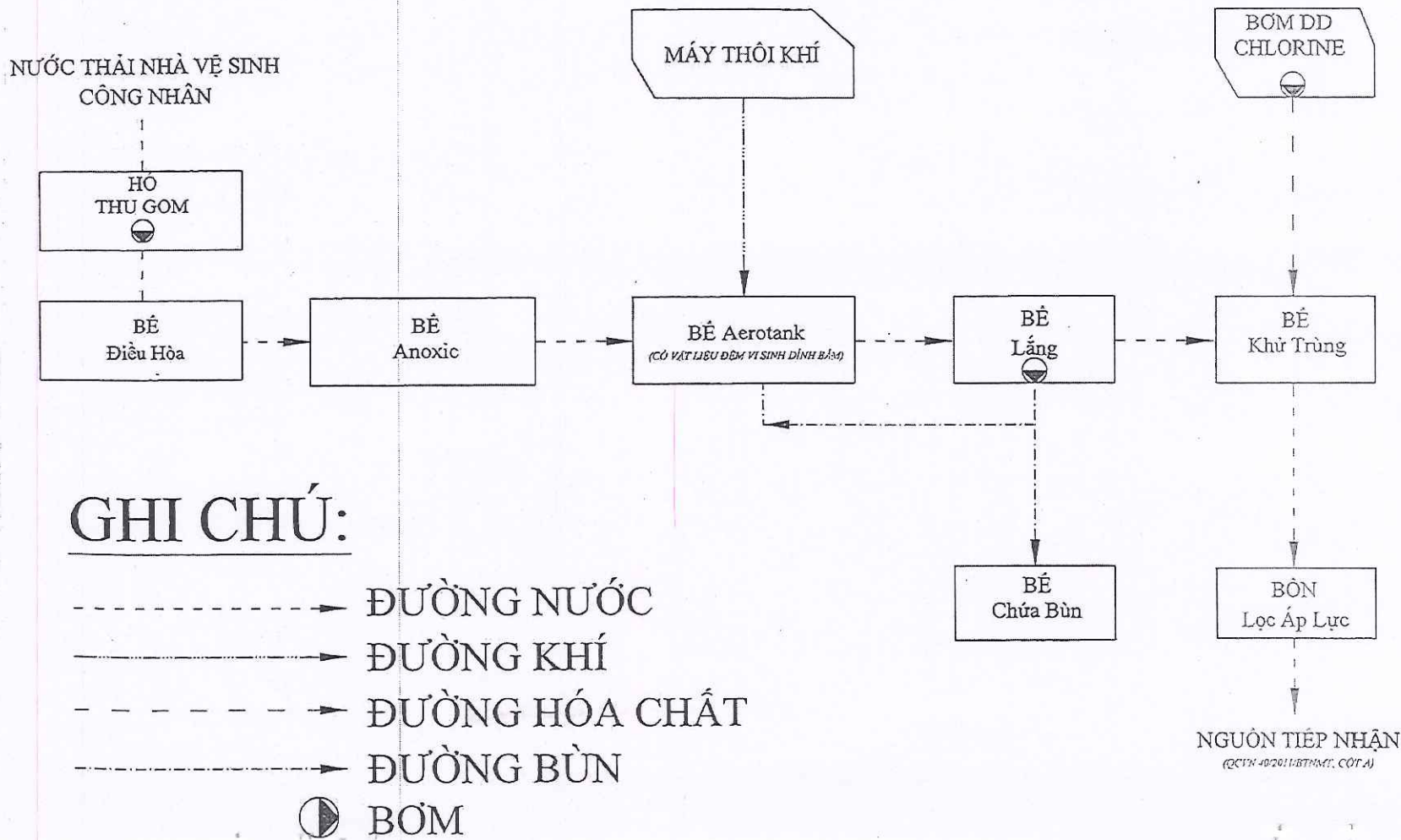


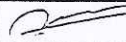
Nguyễn Ngọc Dương Lâm

BÌNH DƯƠNG - 2016

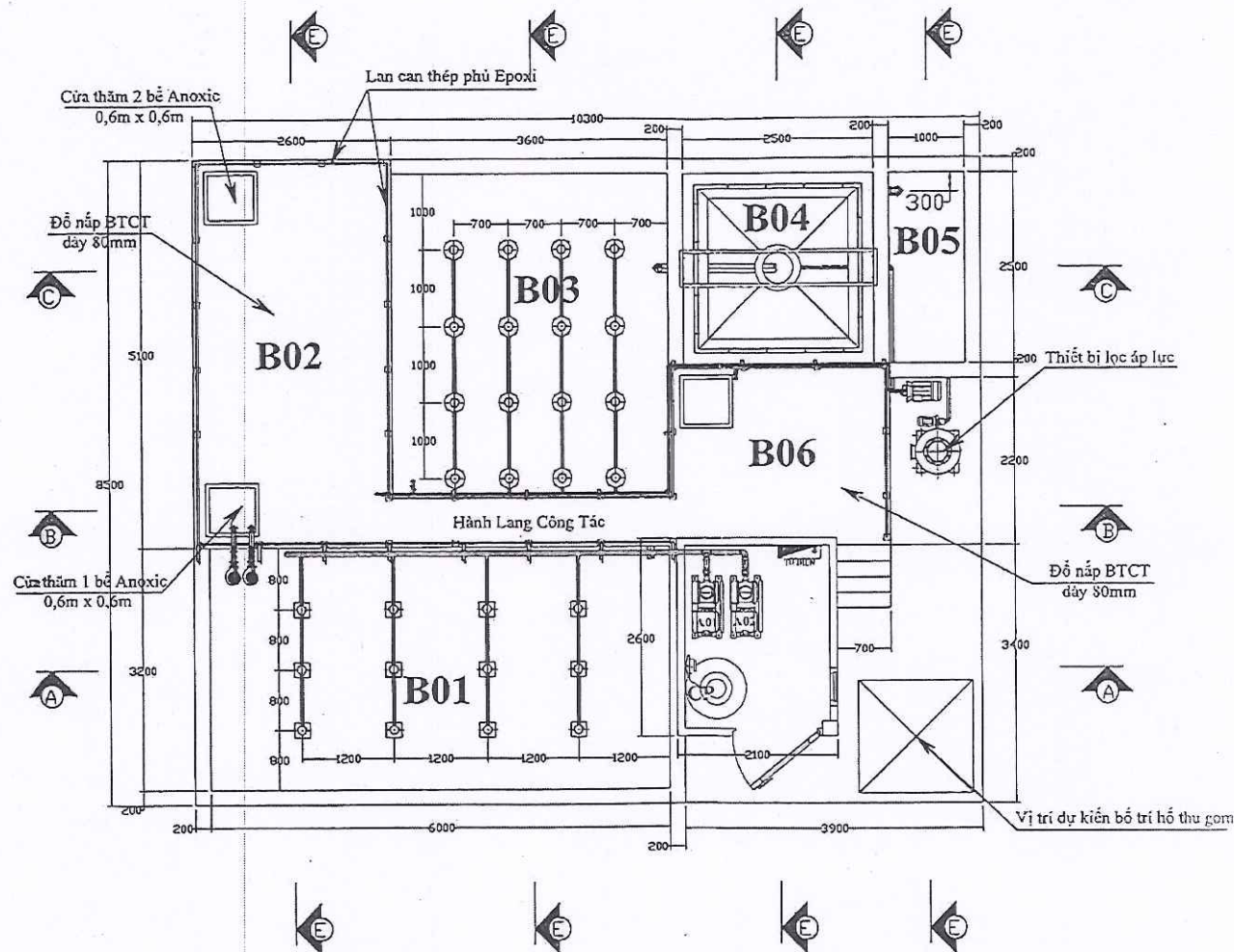
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL NƯỚC THẢI

Công Suất Thiết Kế $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$



CHÍNH SỬA REV	NGÀY DATE	NỘI DUNG AMENDMENTS
DI ANH PROJECT		
<u>CHỦ ĐẦU TƯ</u> <u>INVESTOR</u> CÔNG TY TNHH LIÊN ANH  GIÁM ĐỐC <i>Số 1: Hào An</i> TƯ VẤN THIẾT KẾ CONSULTANT CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TỔNG HỢP LÂM ANH 		
CHỨC VỤ JOB POSITION	THIỆT KẾ VÀ DESIGN BY	
NGUYỄN THỊ CẨM LIÊN	NGUYỄN TUYẾN	
		
HÀNG MỤC SERVICE	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 200m³/NGÀY.ĐÊM	
TÊN BÀN VẼ DWG TITLE	QUY TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CỦA HTXL

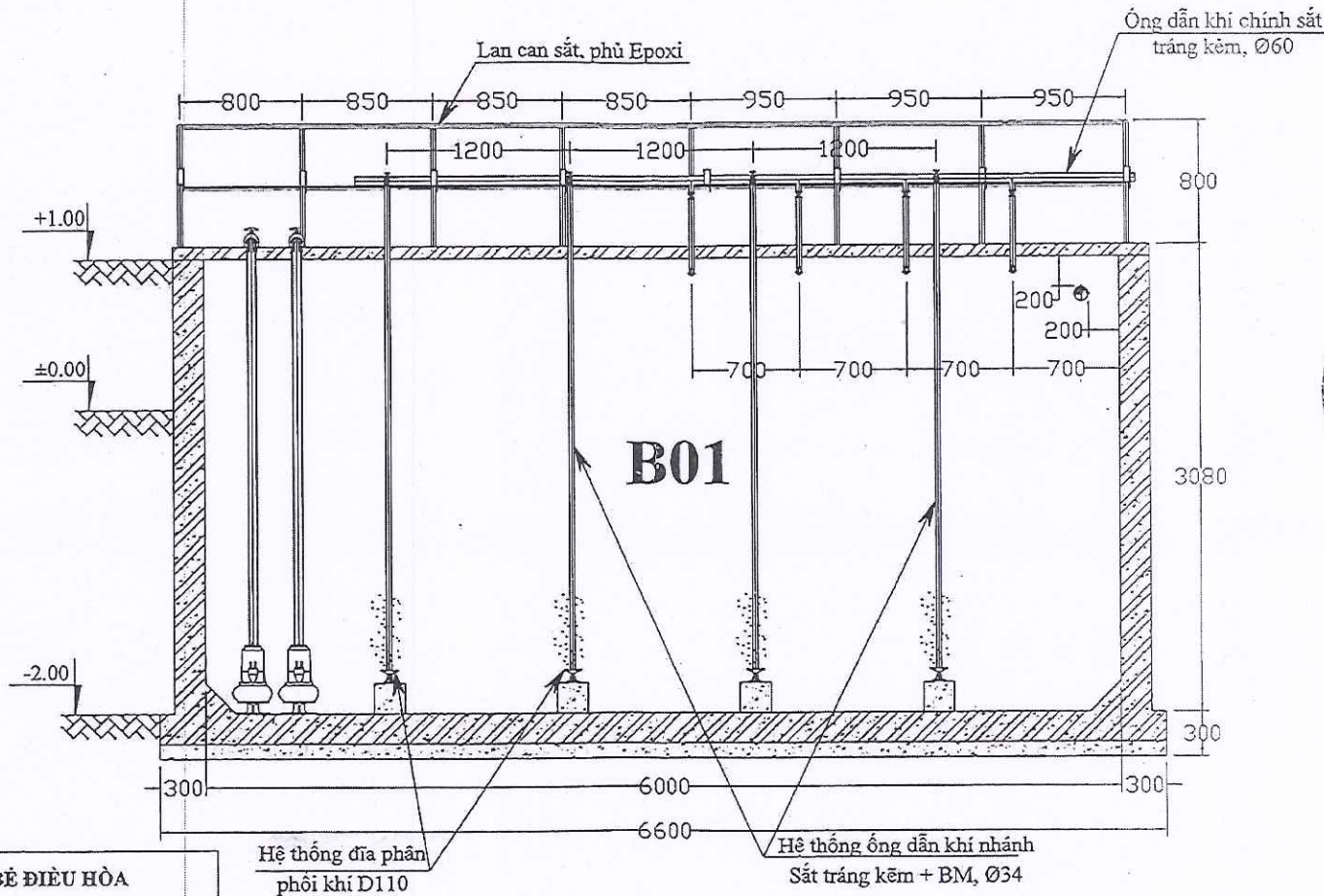


CHÚ

NG MỤC	HIỆU THU GON	BỂ ĐIỀU BÒA	BỂ ANOXIC	BỂ AEROTANK	BỂ LẮNG	BỂ KHỬ TRÙNG	BỂ CHỨA BÙN
Y HIỆU	HTG	B01	B02	B03	B04	B05	B06
THƯỚC (m)	(V = 4,5m³)	(BxLxH = 6,0x3,2x3,0)	(BxLxH = 4,9x2,4x3,0)	(BxLxH = 4,7x3,6x3,0)	(BxLxH = 2,5x2,5x4,0)	(BxLxH = 2,5x1,0x1,5)	(BxLxH = 2,5x2,0x3,0)
Y CÁCH	- Xây nổi 0,3m. - Bê tông lót dày đá 4x6, M100. - Đậy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài đường tử vữa dày 2cm, M100, phủ lớp chống thấm.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót dày đá 4x6, M100. - Đậy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài đường tử vữa dày 2cm, M100, phủ lớp chống thấm.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót dày đá 4x6, M100. - Đậy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài đường tử vữa dày 2cm, M100, phủ lớp chống thấm.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót dày đá 4x6, M100. - Đậy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài đường tử vữa dày 2cm, M100, phủ lớp chống thấm.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót dày đá 4x6, M100. - Đậy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài đường tử vữa dày 2cm, M100, phủ lớp chống thấm.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót dày đá 4x6, M100. - Đậy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài đường tử vữa dày 2cm, M100, phủ lớp chống thấm.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót dày đá 4x6, M100. - Đậy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài đường tử vữa dày 2cm, M100, phủ lớp chống thấm.

CHỈNH SỬA REV	NGÀY DATE	NỘI DUNG AMENDMENTS
DIỄN AN PROJECT		
CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR		
CÔNG TY TNHH LÂM ANH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÂM ANH ĐIỂM ĐỐC <i>Đường Lê Ngọc Anh</i>		
TƯ VẤN THIẾT KẾ CONSULTANT		
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TỔNG HỢP LÂM ANH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT TỔNG HỢP LÂM ANH THỦ ĐẤU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG		
CHỦ ĐẦU TƯ CHỦ ĐẦU TƯ	THIẾT KẾ - Vẽ DESIGNER - ARCHITECT	
NGƯỜI THỰC HIỆN CÁM LIÊN	NGƯỜI TRƯNG TUYỂN	
HÀNG MỤC SERVICE		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 200m³/NGÀY.ĐÊM		
TÊN BẢN VẼ: DWG TITLE		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ		
TỶ LỆ - SCALE		DWG NO

CHI TIẾT MẶT CẮT A-A

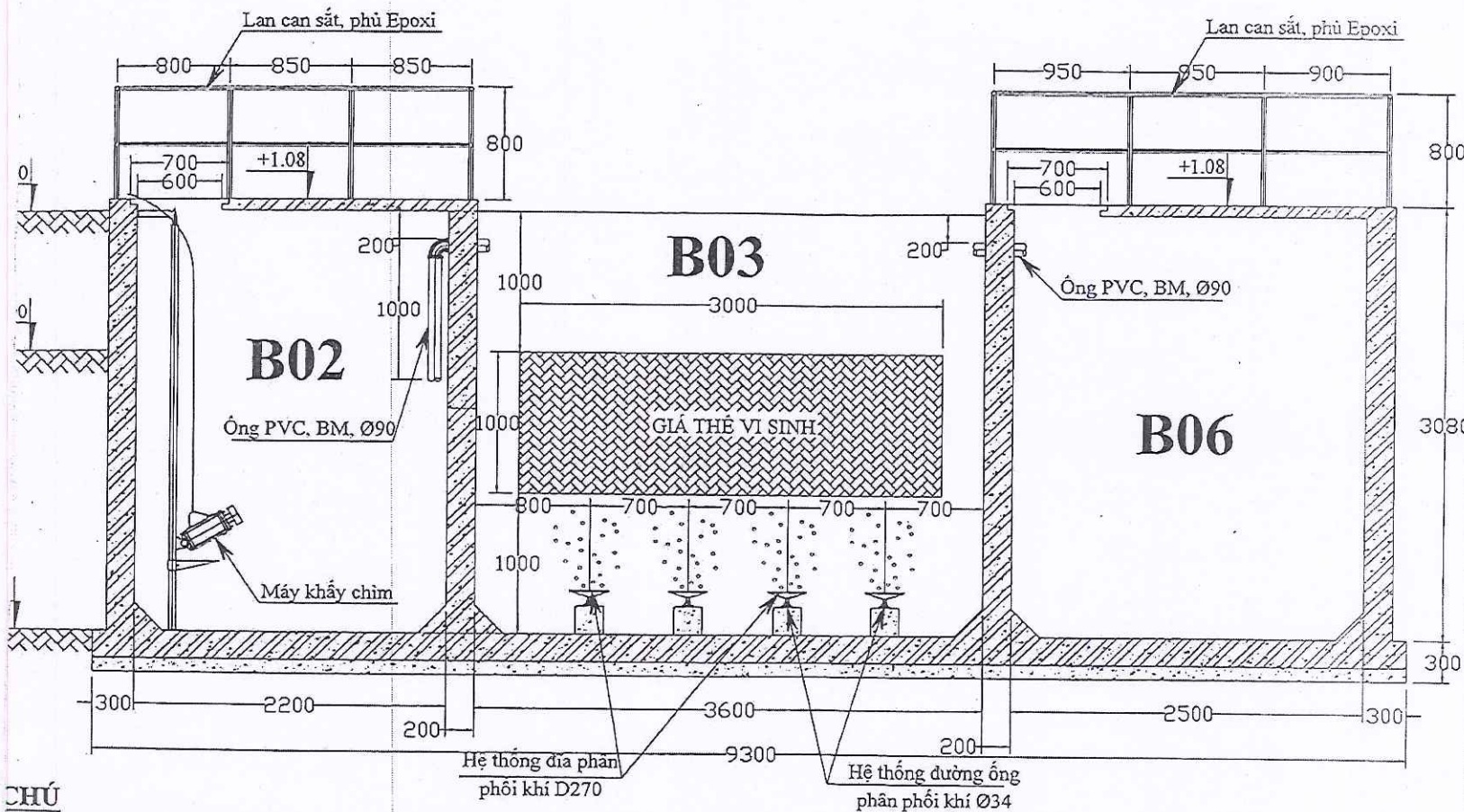


I CHÚ

NG MỤC	BÊ ĐIỀU HÒA
Ý HIỆU	B01
THƯỚC (m)	(BxLxH = 6,0x3,2x3,0)
Y CÁCH	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài dương tô vữa dày 2.0cm. M100, phủ lớp chống thấm.

CHỈ DẪN SỬA REV	NGÀY DATE	NỘI DUNG AMENDMENTS
DIỄN PROJECT		
CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	CÔNG TY TNHH LIÊN ANH	
		
	GIÁM ĐỐC <i>Trần Văn Ngọc Anh</i>	
TIẾP NHẬN CONSULTANT	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TỔNG HỢP LÂM ANH	
		
CHỦ THI CÔNG TRÌNH	THIẾT KẾ, VẼ ĐỒ DẪN D - LAM ANH	
NGƯỜI THI CÔNG	NG. TRỌNG TUYẾN	
HẠNG MỤC SERVICE	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 200m³/NGÀY.ĐÊM	
TÊN NHÂN VIÊN DWG TITLE	MẶT CẮT A-A	
TỶ LỆ - SCALE		DWG NO

CHI TIẾT MẶT CẮT B-B



CHÚ

MỤC	BỂ ANOXIC	BỂ AEROTANK	BỂ CHỨA BÙN
HIỆU	B02	B03	B06
HƯỚC (m)	(BxLxH = 4,9x2,4x3,0)	(BxLxH = 4,7x3,6x3,0)	(BxLxH = 2,5x2,0x3,0)
CÁCH	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, al50 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài dương to vừa đáy	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, al50 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài dương to vừa đáy	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, al50 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài dương to vừa đáy

[illegible]

DI'AN
PROJECT

INVESTOR

CÔNG TY TNHH
LIÊN ANH



GIÁM ĐỐC

Erasmus, Chi. Mage, Amb.

**TƯ VẤN THIẾT KẾ
CONSULTANT**

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
TỔNG HỢP LÂM ANH



CIVIL
ENGINEER

THUẬT NGỮ - VẬT
DỊCH MỤC - LƯU ANH

NGUYỄN THỊ CẨM LIÊN	NGUYỄN THỊ TUYÊN
---------------------	------------------

NGHỊNH TUYÊN

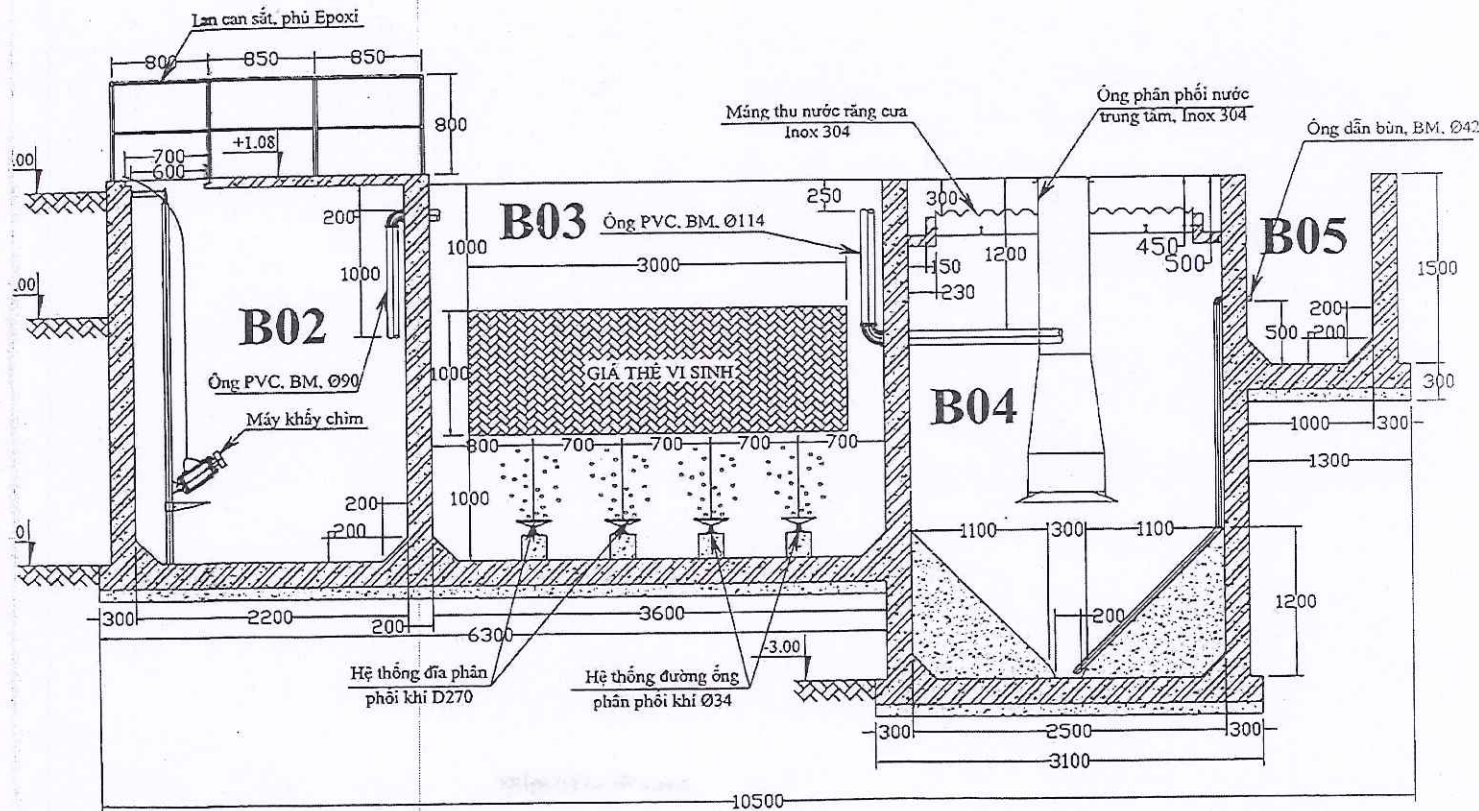
HANG MUI
SERVICE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 200m³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
DWG TITLE

MẶT CÁT B-B

CHI TIẾT MẶT CẮT C-C

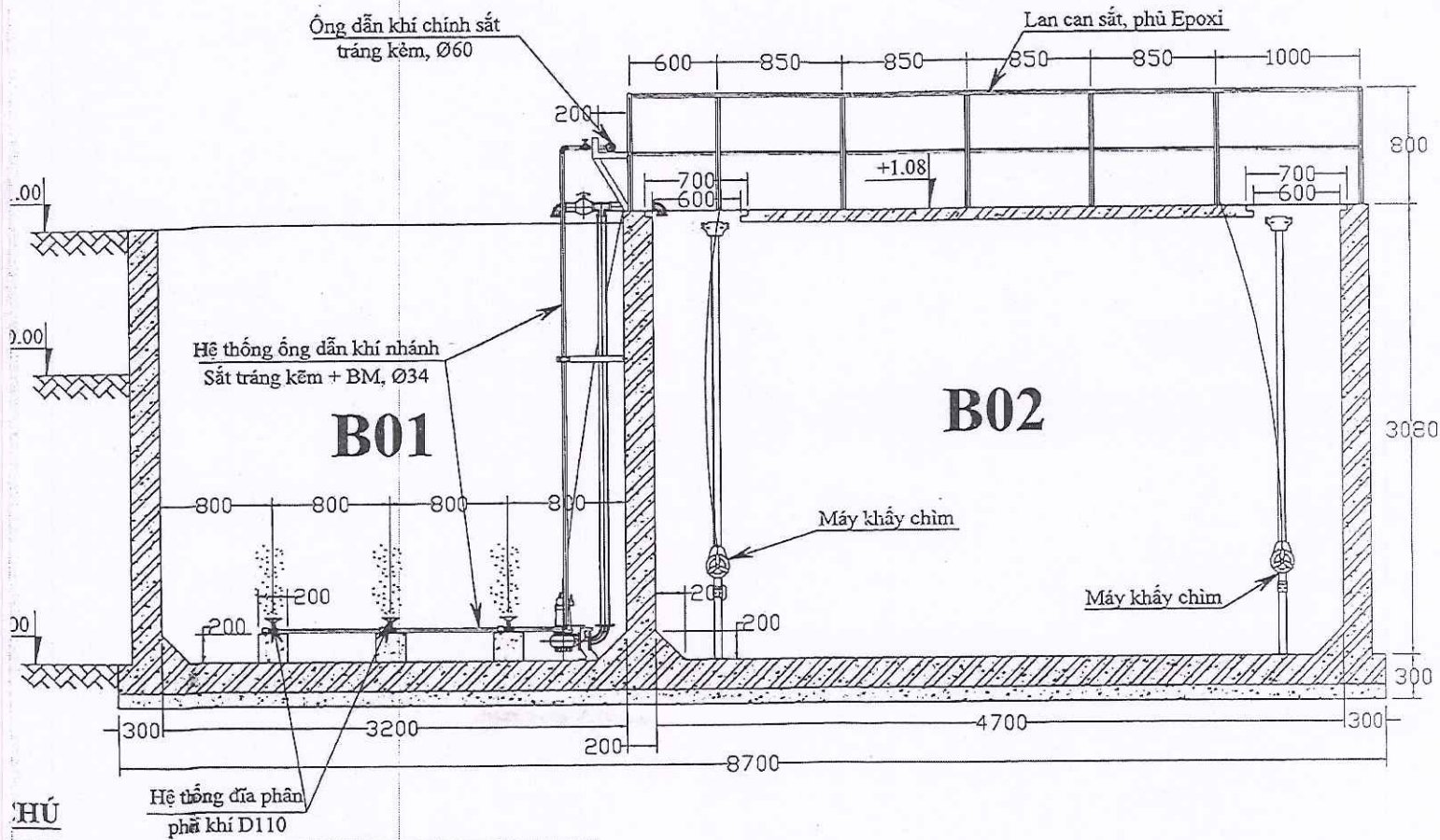


CHÚ

MỤC	BỂ ANOXIC	BỂ AEROTANK	BỂ LẮNG	BỂ KHỬ TRÙNG
TÊN	B02	B03	B04	B05
KÍCH THƯỚC (m)	(BxLxH = 4,9x2,4x3,0)	(BxLxH = 4,7x3,6x3,0)	(BxLxH = 2,5x2,5x4,0)	(BxLxH = 2,5x1,0x1,5)
YÊU CẦU	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đơn một lớp.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đơn một lớp.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đơn một lớp.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đơn một lớp.

CHÍNH SỬA REV	NGÀY DATE	NỘI DUNG AMENDMENTS
DIỄN PROJECT		
CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR		
CÔNG TY TNHH LIÊN ANH		
		
GIÁM ĐỐC		
TƯ VẤN THIẾT KẾ CONSULTANT		
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT HỢP LÂM ANH		
		
CHỈ THỊ CHỈU ENGINEER		
THIẾT KẾ VÀ DESIGNER-ARCHITECT		
NGUYỄN THỊ CẨM LÂN		
NG. TRỌNG TUYẾN		
HẠNG MỤC SERVICE		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 200m³/NGÀY.ĐÊM		
TÊN BẢN VẼ DRAW TITLE		
MẶT CẮT C-C		

CHI TIẾT MẶT CẮT D-D



CHÚ

MỤC	BỂ ĐIỀU HÒA	BỂ ANOXIC
ĐU	B01	B02
ƯỚC (m)	(BxLxH = 6,0x3,2x3,0)	(BxLxH = 4,9x2,4x3,0)
ÁCH	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6. M100. - Đáy, thành BTCT. M250, sắt Ø10, α150 đơn một lớp.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6. M100. - Đáy, thành BTCT. M250, sắt Ø10, α150 đơn một lớp.

CHỈNH SỬA REV	NGÀY DATE	NỘI DUNG AMENDMENTS

DI TÁN
PROJECT

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH
LIÊN ANH



GIÁM ĐỐC

TƯ VẤN THIẾT KẾ
CONSULTANT

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
TỔNG HỢP LÂM ANH



CHỦ THÌ
CMPT/0000000000

NGUYỄN THỊ CẨM LIÊN

THỰC HIỆN
DESIGNER/0000000000

NG. TRẦN TUYẾN

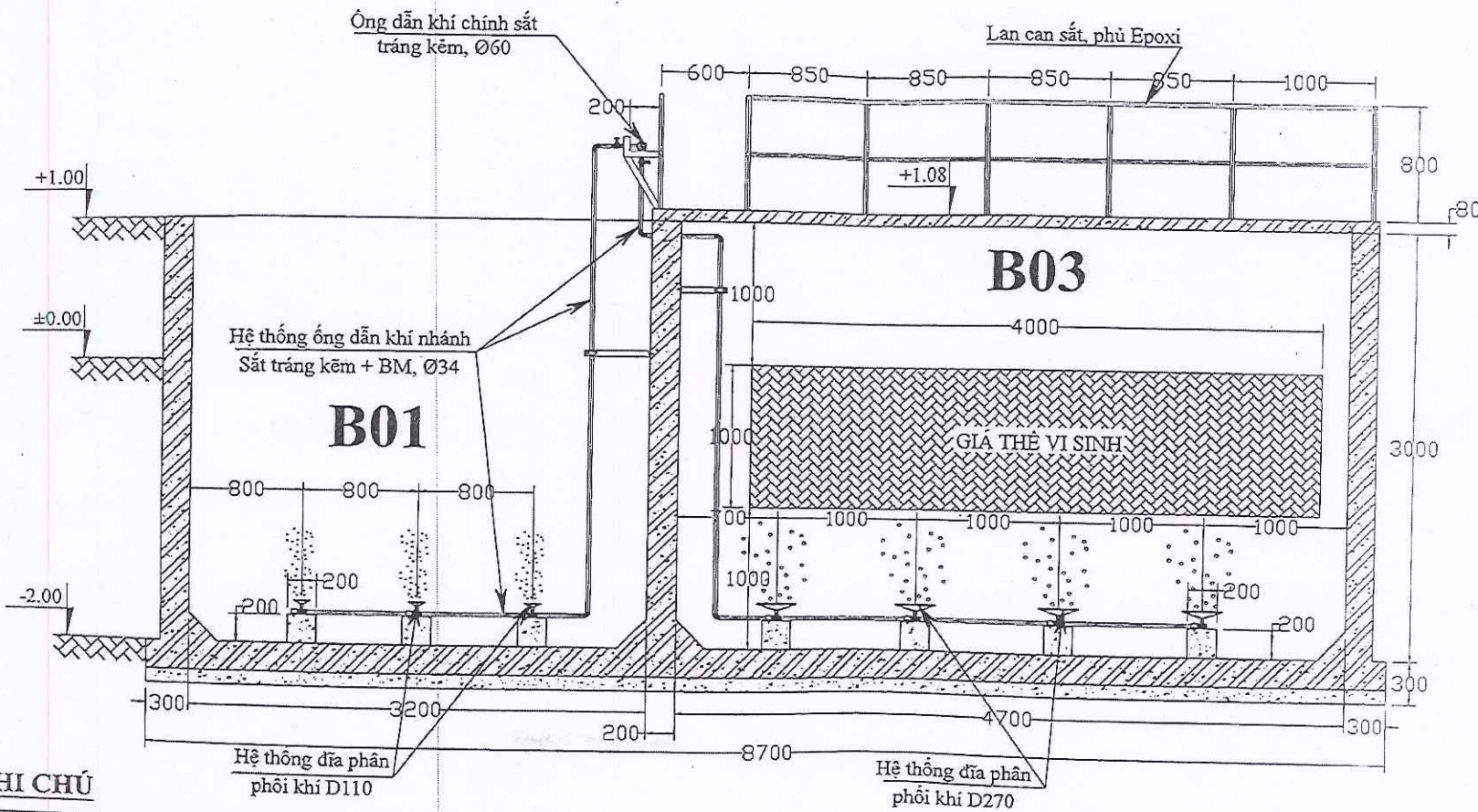
HÀNG MỤC
SERVICE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 200m³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
DWG/TITLE

MẶT CẮT D-D

CHI TIẾT MẶT CẮT E-E



CHI CHU

LIANG MỤC	BỂ ĐIỀU HÒA	BỂ AEROTANK
KÝ HIỆU	B01	B03
KÍCH THƯỚC (m)	(BxLxH = 6,0x3,2x3,0)	(BxLxH = 4,7x3,6x3,0)
QUY CÁCH	- Xây nổi 1,0m. - Bề tổng lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, α150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài dương tô vữa dày 2,0cm, M100, phủ lớp chống thấm.	- Xây nổi 1,0m. - Bề tổng lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, α150 đan một lớp. - Mặt trong và ngoài dương tô vữa dày 2,0cm, M100, phủ lớp chống thấm.

[illegible]

ĐUẢN
PROJECT

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH
LIÊN ANH



GIÁM ĐỐC

مجلس شورای اسلامی

**TƯ VẤN THIẾT KẾ
CONSULTANT**

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
TỔNG HỢP LÂM ANH



CHIEF
CHIEF ENGINEER

NGUYỄN THỊ CẨM LIÊN

THIẾT KẾ - VẼ
ĐIỀU CHỈNH - DẪN DẪN

NG. TRỌNG TUYẾN

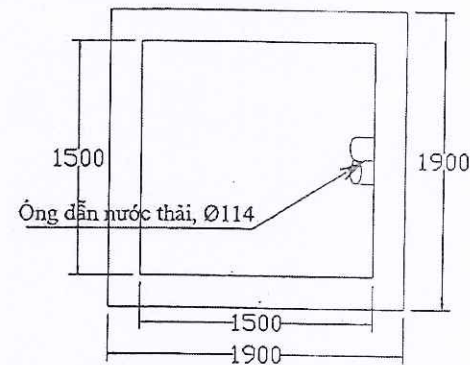
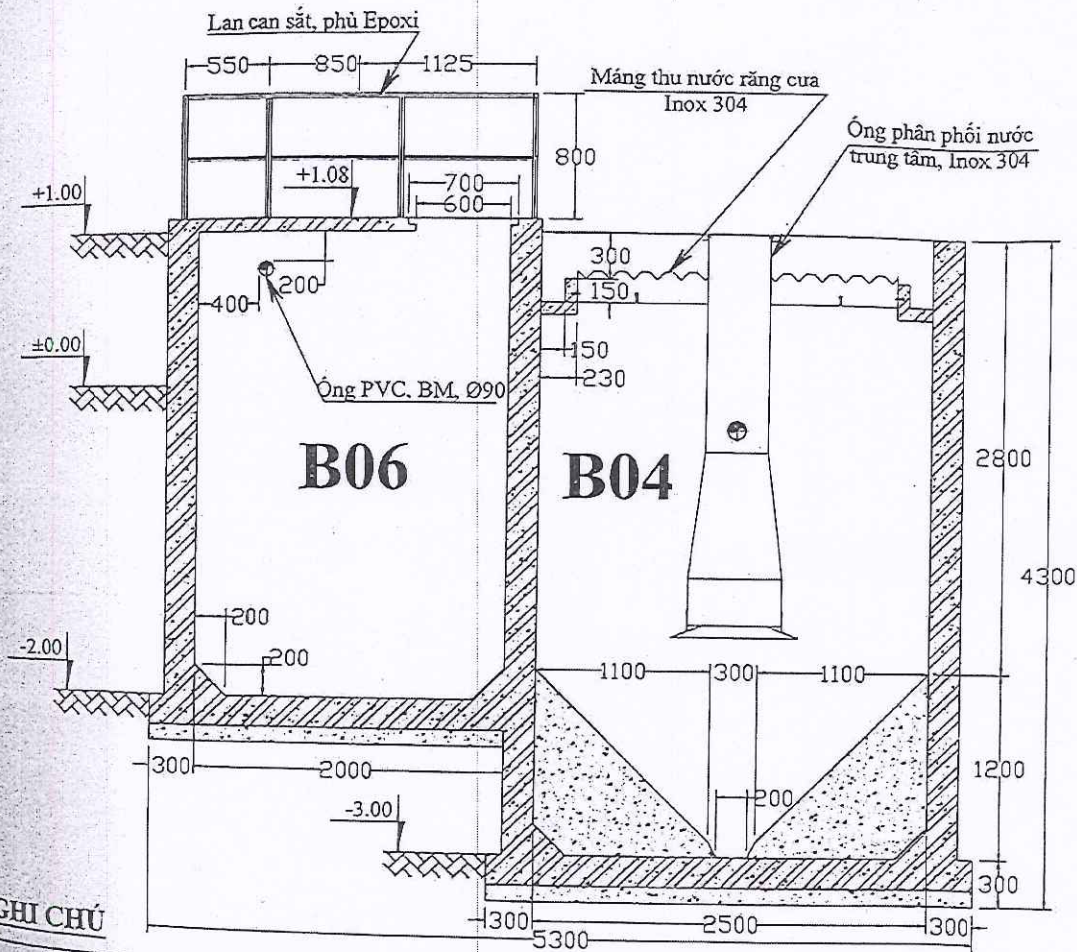
HANG MUC
SERVICE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 200m³/NGÀY.ĐÊM

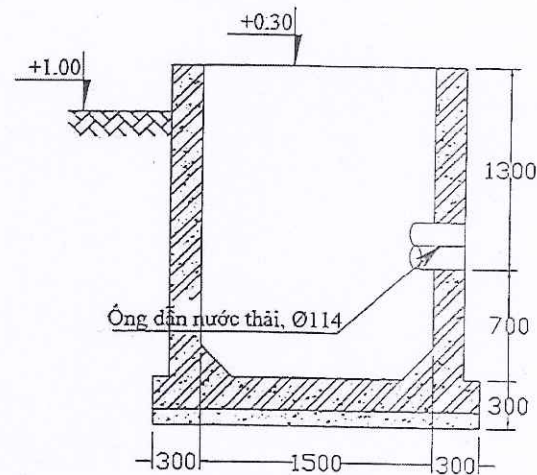
TÊN BẢN VẼ
DWG TITLE

MẬT CÂT E-E

CHI TIẾT MẶT CẮT F-F



MẬT ĐÚNG HÓ THU GOM



MẶT NGANG HỒ THU GOM

GHI CHÚ

HẠNG MỤC	BỂ LĂNG	BỂ CHỨA BÙN	HỒ THU GOM
KÝ HIỆU	B04	B06	HG
KÍCH THƯỚC (m)	$(B \times L \times H = 2,5 \times 2,5 \times 4,0)$	$(B \times L \times H = 2,5 \times 2,0 \times 3,0)$	$(B \times L \times H = 1,5 \times 1,5 \times 2,0)$
QUY CÁCH	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Dáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, 150 đán một lớp. - Mặt trong và ngoài dương tô vữa dày 2,0cm, M100, phủ lớp chống thấm, chống rửa trôi.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Dáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, 150 đán một lớp. - Mặt trong và ngoài dương tô vữa dày 2,0cm, M100, phủ lớp chống thấm.	- Xây nổi 0,3m. - Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Dáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, 150 đán một lớp. - Mặt trong và ngoài dương tô vữa dày 2,0cm, M100, phủ lớp chống thấm.

[illegible]

DEAN
PROJECT

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH
LIÊN ANH

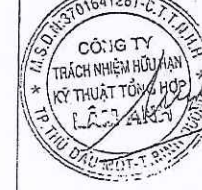


GIÁM ĐỐC

Forcings The Negro Anti

TU VẤN THIẾT KẾ
CONSULTANT

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
TỔNG HỢP LÂM ANH



CHIEF ENGINEER

NGUYỄN THỊ CẨM LỊCH

THIẾT KẾ - VẼ
DISUNIG - DRAWING

NG. TRỌNG TUYẾN

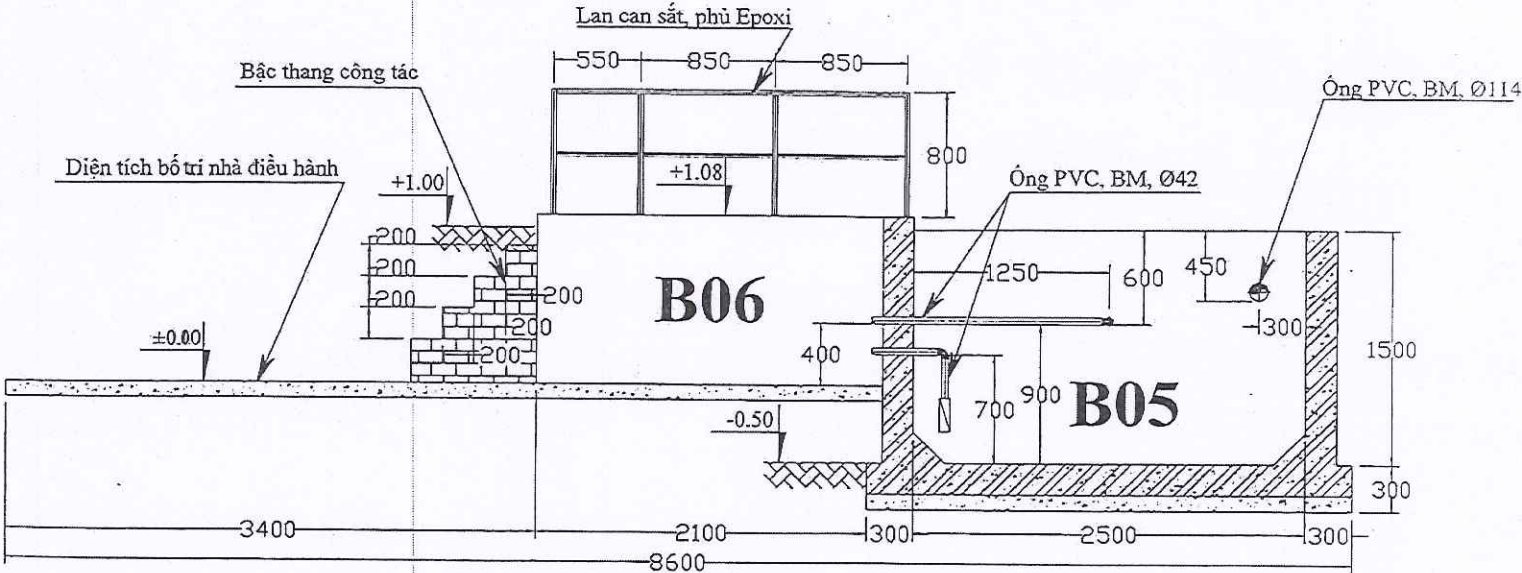
HANG MICH-SERVICE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 200m³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BÀN VÉ

MẬT CẮT F-F

CHI TIẾT MẶT CẮT G-G



CHỈ CHÚ

HẠNG MỤC	BỂ LÃNG	BỂ CHỨA BÙN
KÝ HIỆU	B05	B06
CÁCH THUỘC (m)	(BxLxH = 2,5x2,5x4,0)	(BxLxH = 2,5x2,0x3,0)
QUY CÁCH	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót dày 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đơn một lớp. - Mặt trong và ngoài dương tô vữa dày 2,0cm, M100, phủ lớp chống thấm.	- Xây nổi 1,0m. - Bê tông lót dày 4x6, M100. - Đáy, thành BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đơn một lớp. - Mặt trong và ngoài dương tô vữa dày 2,0cm, M100, phủ lớp chống thấm.

CHỈNH SỬA REV	NGÀY DATE	NỘI DUNG AMENDMENTS
DIỆN ANH PROJECT		
CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR		
CÔNG TY TNHH LIÊN ANH		
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LIÊN ANH		
GIÁM ĐỐC Trương Văn Ngọc Anh		
TƯ VẤN THIẾT KẾ CONSULTANT		
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TỔNG HỢP LÂM ANH		
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM KỸ THUẬT TỔNG HỢP LÂM ANH		
CHỈ THỊ CHỈ ĐẠO	THIẾT KẾ ĐỒ GHI	NG. TRỌNG TUYẾN
NGUYỄN THỊ CẨM LIÊN	NG. TRỌNG TUYẾN	
HẠNG MỤC SERVICE		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 200m³/NGÀY.ĐÊM		
TÊN BẢN VẼ DWG TITLE		
MẶT CẮT F-F		

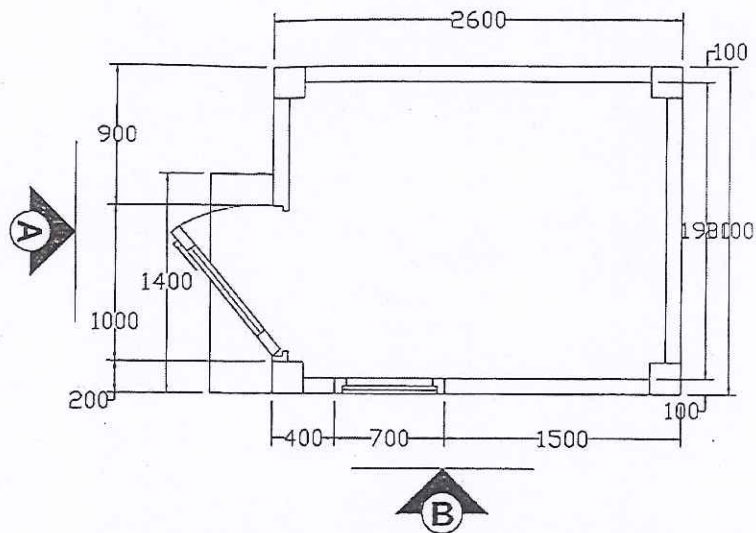
CHI TIẾT NHÀ ĐIỀU HÀNH

GHI CHÚ

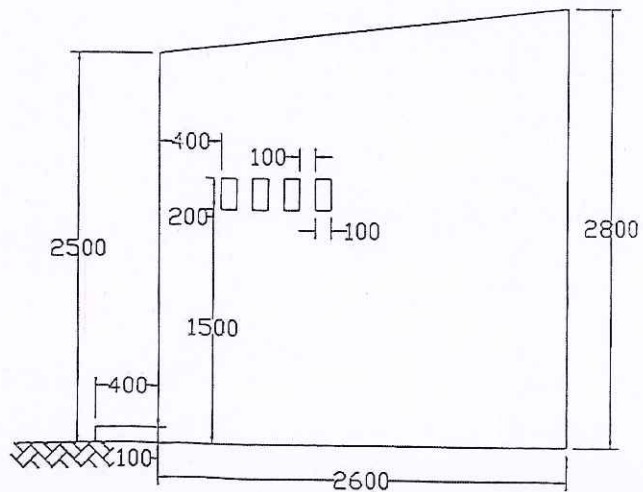
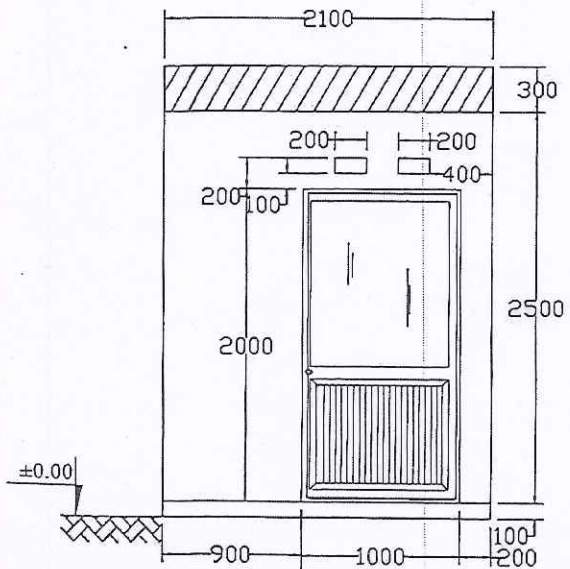
- Toàn bộ hệ thống điện cung cấp cho hệ thống được Chủ đầu tư dẫn về nhà điều hành

Yêu cầu hệ thống điện:

- Hệ thống dẫn điện tới nhà điều hành của HTXL là hệ thống điện 1 pha (220V) và 3 pha (380V).



MẶT CHIẾU ĐÚNG NHÀ ĐIỀU HÀNH



MẶT CHIẾU HƯỚNG A CỦA NHÀ ĐIỀU HÀNH MẶT CHIẾU HƯỚNG B CỦA NHÀ ĐIỀU HÀNH

[illegible]

